

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2019

2019

Hiệu quả, an toàn,
phát triển bền vững

Mục lục

07	CHƯƠNG 1	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
----	----------	---

11	CHƯƠNG 2	Đấu ấn nổi bật năm 2019
----	----------	-------------------------

15	CHƯƠNG 3	Tổng quan về MB
		16 Thông tin tổng quát
		18 Quá trình hình thành và phát triển
		20 Địa bàn kinh doanh
		22 Ngành nghề kinh doanh
		24 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
		26 Tổng quan các công ty thành viên & quan hệ góp vốn
		32 Định hướng phát triển

35	CHƯƠNG 4	Tình hình hoạt động trong năm
		36 Hoạt động kinh doanh 2019
		38 Tổ chức và nhân sự MB
		57 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
		59 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội & chính sách phát triển bền vững

71	CHƯƠNG 5	Báo cáo của Ban điều hành	72 Kết quả kinh doanh 2019
			76 Kế hoạch hoạt động 2020

79	CHƯƠNG 6	Đánh giá của Hội đồng quản trị	80 Những kết quả đạt được trong năm 2019
			84 Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai

87	CHƯƠNG 7	Quản trị doanh nghiệp	88 Hoạt động của Hội đồng quản trị
			94 Hoạt động của Ban kiểm soát
			97 Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc

109	CHƯƠNG 8	Báo cáo tài chính hợp nhất	110 Thông tin chung
			113 Báo cáo của Ban điều hành
			114 Báo cáo kiểm toán độc lập
			115 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
			118 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
			120 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
			122 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

01

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

NĂM 2019, MB GIA NHẬP NHÓM CÁC DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN TRÊN 10 NGHÌN TỶ ĐỒNG TẠI VIỆT NAM VÀ TOP 500 NGÂN HÀNG CÓ GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU LỚN NHẤT TOÀN CẦU. MB VINH DỰ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG "HUÂN CHƯƠNG BẢO VỆ TỔ QUỐC HẠNG NHẤT" VÀ RA MẮT NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI VÀO ĐÚNG DỊP KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP NGÂN HÀNG.

Tình hình kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm: cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, giá vàng tăng cao, giá dầu thô biến động lớn, rủi ro trên thị trường quốc tế tăng. Kinh tế trong nước duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt và các cân đối lớn của nền kinh tế được củng cố, mở rộng. GDP ước đạt 7,02%, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, CPI bình quân tăng 2,79%, thấp nhất trong 3 năm.

Ngân hàng nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,1%, huy động vốn tăng 12,5%, tăng trưởng tín dụng 13,7%, nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ, tái cơ cấu mạnh mẽ hệ thống các Ngân hàng có hoạt động yếu kém.

Năm 2019, với phương châm "**Hiệu quả, An toàn, Phát triển bền vững**" và tôn chỉ "**Thượng tôn pháp luật**", tiếp tục theo đuổi tầm nhìn chiến lược "**Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất**", bám sát mục tiêu chiến lược "**TOP 5 các Ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh doanh và an toàn**", toàn hệ thống MB đã triển khai quyết liệt các hoạt động kinh doanh với tinh thần "**Chiến quyết liệt, tạo cách biệt**". Kết quả là, MB đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó, cụ thể:

Kết thúc năm 2019, tổng tài sản hợp nhất của MB đạt 411.488 tỷ đồng; vốn điều lệ đạt hơn 23.727 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn đạt 10.036 tỷ đồng - là năm đầu tiên MB gia nhập nhóm các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng tại Việt Nam. Nợ xấu kiểm soát dưới 1,2%, ROE ước đạt 21,8%. Trong năm 2019, MB đã hoàn thành chương trình tăng vốn đợt 1 do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng kế hoạch.

Đáng chú ý, các công ty thành viên của MB năm 2019 đã bứt phá về lợi nhuận, đạt hơn 1.100 tỷ đồng, gần gấp đôi năm 2018, qua đó đóng góp 11% lợi nhuận toàn tập đoàn. Một số công ty là những điển hình kinh doanh tốt trong toàn ngành như: Công ty Bảo hiểm Nhân thọ (MBAL) đạt lợi nhuận gần 200 tỷ đồng sau 3 năm hoạt động, Công ty Quản lý Quỹ đầu tư (MBCapital) đứng thứ 2 toàn ngành về lợi nhuận và là công ty có mức ROE và Năng suất lao động cao nhất trong ngành...

Năm 2019, MB kỷ niệm 25 năm thành lập gắn liền với nhiều chương trình và sự kiện quan trọng. Mở đầu tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019 -2024 với việc lựa chọn và bầu ra các nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới. Đây là sự kết hợp tốt giữa các nhân sự đại diện cho một thế hệ năng động, gắn kết lâu năm



Thượng tướng **Lê Hữu Đức**
Chủ tịch Hội đồng quản trị MB

với MB và các lãnh đạo tài ba của các cổ đông chiến lược của MB như: Tập đoàn công nghiệp và viễn thông quân đội Viettel, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC, Tổng công ty Trục thăng Việt Nam, Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn. Cũng tại Đại hội cổ đông, MB là một trong những Ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước trao Quyết định phê duyệt đáp ứng tiêu chuẩn Basel 2 - là tiêu chuẩn quản trị rủi ro tiên tiến trên thế giới.

Tiếp theo là việc thông qua hợp tác chiến lược với đối tác IBM, MB đã hoàn thành xây dựng chiến lược và triển khai đầu tư công nghệ thông tin cho giai đoạn 2018 - 2022, tích cực ứng dụng công nghệ vào tất cả các nghiệp vụ, các khâu của quy trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kinh doanh và các yêu cầu quản trị. Đặc biệt năm 2019, MB đã tập trung vào mục tiêu và chuyển dịch chiến lược "**Ngân hàng số**" và ra mắt nhiều sản phẩm Công nghệ thông tin, Ngân hàng số vượt trội. Trong đó, APP MBBank đang là ứng dụng hàng đầu thị trường về Ngân hàng số dành cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp. Đồng thời, MB tích cực đẩy mạnh các công tác phát triển sản phẩm, nâng cao trải nghiệm khách hàng, công tác đào tạo cán bộ nhân viên, thiết kế lại các mô hình kinh doanh cao cấp, tiên tiến với tư vấn của đối tác Bordier & Cie, Singapore với phương châm "**Lấy Khách hàng làm trung tâm**".

MB đã ra mắt nhận diện thương hiệu mới vào đúng ngày kỷ niệm sinh nhật 25 tuổi của mình nhằm đưa MB đến gần hơn với khách hàng. Thông qua thương hiệu mới, chúng tôi muốn định vị MB là một ngân hàng thông minh, với hàm lượng công nghệ cao, cam kết không ngừng đổi mới để cung cấp những giải pháp sáng tạo và an toàn, song hành cùng nhịp sống và sự phát triển năng động của mọi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Đồng thời, MB tiếp tục duy trì sự ổn định trong tổ chức hoạt động và tính thống nhất, đoàn kết chặt chẽ.

Với kết quả đó, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông, uy tín thương hiệu được cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao. Năm 2019, MB vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ

trường Bộ Quốc Phòng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và UBND TP Hà Nội; bằng khen của Bộ Tài chính về thực hiện nghĩa vụ ngân sách, Giải thưởng "Sao vàng Đất Việt"; "Top 50/500 Doanh nghiệp lớn mạnh nhất Việt Nam" theo xếp hạng của Vietnam Report; Doanh nghiệp Xuất sắc Asean "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu", "Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam", "Ngân hàng ứng dụng công nghệ thông tin an toàn, hiệu quả", "Giải thưởng Sao Khuê năm 2019 về công nghệ thông tin". Đặc biệt, đúng vào dịp 25 năm ngày thành lập, MB vinh dự được Nhà nước tặng thưởng "**Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Nhất**" và lọt vào top 500 Ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất toàn cầu. Đồng thời, MB cũng tham gia tích cực các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, được ghi nhận là một Ngân hàng có trách nhiệm với cộng đồng.

Bước vào năm 2020, kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung đứng trước nhiều thách thức đến từ dịch cúm do chủng virus SARS-CoV 19 gây ra. Diễn biến dịch cúm không lường trước được này có tác động rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có kinh tế Việt Nam. Theo dự báo của Bloomberg, với kịch bản xấu nhất GDP toàn cầu năm 2020 có thể mất 2.700 tỷ, tương đương với GDP của Anh. Theo Moody's thì GDP toàn cầu (không tính TQ) có thể giảm 0,3% từ 2,8% xuống 2,5%. Đối với kinh tế Việt Nam theo đánh giá của Bộ KH-ĐT, GDP Việt Nam có thể giảm 0,55% - 0,84% xuống mức 5,96% - 6,25% tùy theo từng kịch bản. Các ngành chịu tác động mạnh bao gồm du lịch, hàng không, lưu trú, dịch vụ, nông thủy sản xuất khẩu, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Hàng loạt các doanh nghiệp sẽ phá sản nếu dịch tiếp tục kéo dài. Đây là thách thức rất lớn với các mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ Việt Nam và ngành ngân hàng, đặc biệt là khả năng tăng trưởng và chất lượng tài sản và nguy cơ nợ xấu tăng cao.

Đối với MB, năm 2020 là năm bản lề quan trọng để MB phấn đấu hoàn thành các mục tiêu chiến lược 2017 - 2021 đã nêu ra vào năm 2021. Hội đồng quản trị đã đặt ra phương châm năm 2020 của MB là "**Củng cố nền tảng**

và chuyển dịch số, tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững", trong đó, MB đặt "Ngân hàng số" là một mục tiêu, chuyển dịch chiến lược tiên quyết cho Chiến lược giai đoạn hiện nay. Đồng thời, MB tiếp tục giữ vững tôn chỉ "**Thượng tôn pháp luật**" cùng với mục tiêu "**Duy trì Top 5 về chất lượng hoạt động, hiệu quả; Dẫn đầu về ứng dụng số**". Các mục tiêu này thực sự là thách thức trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nguy cơ suy thoái vì dịch Covid hiện nay. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành MB quyết tâm nỗ lực, tìm kiếm các cơ hội trong bối cảnh khó khăn để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Thưa các Quý vị cổ đông, đối tác và khách hàng,

Một kỷ nguyên mới tươi sáng với nhiều vận hội và thách thức đang mở ra với MB. Bằng những nền tảng vững chắc mà MB đã gây dựng được trong suốt quá trình hình thành và phát triển cùng sức trẻ của tuổi 25 căng tràn sức sống, toàn hệ thống MB đang sung sức chinh phục những tầm cao mới. Với khát vọng trở thành "Tập đoàn tài chính vững mạnh, vươn tầm khu vực và thế giới", với MB là Ngân hàng mẹ, là trung tâm của tập đoàn cùng với 6 vệ tinh là các công ty thành viên, mỗi công ty là doanh nghiệp đứng đầu lĩnh vực của mình, với sự kết hợp, hỗ trợ từ các đối tác chiến lược là các công ty hàng đầu thế giới trong các lĩnh vực tài chính như Ngân hàng Shinsei, Nhật Bản; tập đoàn bảo hiểm Ageas, Bỉ ... với sự hỗ trợ, tin yêu của hàng triệu khách hàng, cổ đông, và sự nỗ lực tận tâm của hàng chục vạn CBNV MB trên toàn hệ thống, MB tin rằng mục tiêu vươn tầm khu vực và thế giới của MB sẽ mau chóng thành hiện thực.

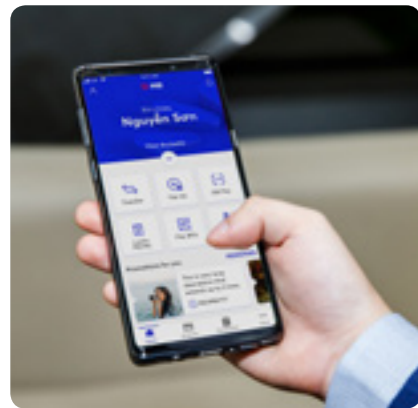


Thượng tướng **Lê Hữu Đức**
Chủ tịch Hội đồng quản trị MB

Dấu ấn nổi bật năm 2019

02

Dấu ấn nổi bật năm 2019



620.000

TÀI KHOẢN USER APP HOẠT ĐỘNG

65%

GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRÊN CÁC KÊNH SỐ

Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các dự án chiến lược của ngân hàng, trọng tâm là chuyển đổi số.

APP MBBank và BizApps trở thành hai nền tảng quan trọng của MB cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, đứng đầu về chất lượng, tốc độ cũng như tính năng.

Đánh dấu lần đầu vượt mốc 10 nghìn tỷ lợi nhuận sau 25 năm hoạt động

Lợi nhuận trước thuế tập đoàn đạt 10.036 tỷ - tăng trưởng 29% so với 2018, hoàn thành 105% kế hoạch năm. Đứng TOP đầu ngành ngân hàng về các chỉ số hiệu quả như ROE 21,6%, CAR (theo thông tư 41) ~10,12%, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ dưới 1%.

10.036 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TẬP ĐOÀN

29%

SO VỚI NĂM 2018

Áp dụng sáng tạo và có hiệu quả nhiều mô hình kinh doanh dịch vụ

như IB, Ngân hàng số, Bancas, Thẻ, kinh doanh tại sân & Private banking. Doanh thu đạt 24.650 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2018.



Các công ty thành viên triển khai mạnh hoạt động kinh doanh

Tổng lợi nhuận công ty đạt 1.107 tỷ đồng, tăng gần gấp 2 lần so với 2018, chiếm 11% lợi nhuận tập đoàn. Doanh số bán chéo công ty tăng đột phá. Tổng doanh thu bán chéo với ngân hàng đạt 584 tỷ đồng, tăng 70% so với 2018

TỔNG LỢI NHUẬN CÔNG TY

1.107 TỶ ĐỒNG

KIỂM SOÁT NỢ XẤU (RIÊNG NGÂN HÀNG)

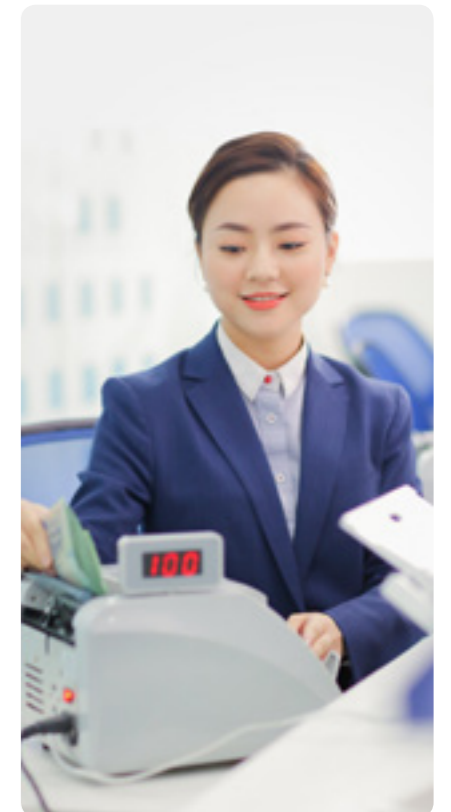
~ 0,98%

Kiểm soát chặt chất lượng tín dụng

Tỷ lệ trích lập dự phòng bao phủ nợ xấu đạt trên 110%. Hoàn thành khung quản trị rủi ro theo Basel 2.

Chính thức ra mắt nhận diện thương hiệu mới của MB trên toàn hệ thống

mang lại cho khách hàng trải nghiệm đồng hành cùng một Ngân hàng thông minh, tự tin và sẵn sàng kết nối. 2019 là năm đầu tiên MB lọt top 500 Ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất toàn cầu.



3.186 TỶ ĐỒNG

THU DỊCH VỤ

24,4%

SO VỚI NĂM 2018

Không ngừng đổi mới đào tạo

Thực hiện trên 30 nghìn lượt đào tạo trong năm 2019, tỷ lệ đạt 88%. Lợi nhuận trước thuế/người bình quân toàn hàng tăng ~ 20%

MB vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất

MB vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất trong dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Ngân hàng, cùng gần 50 cờ thi đua, bằng khen, danh hiệu, giải thưởng trong và ngoài nước cho các cá nhân và tập thể của ngân hàng

Tổng quan về MB

03

16	Thông tin tổng quát
18	Quá trình hình thành và phát triển
20	Địa bàn kinh doanh
22	Ngành nghề kinh doanh
24	Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
26	Tổng quan các công ty thành viên & quan hệ góp vốn
32	Định hướng phát triển

Thông tin khái quát

TÊN ĐẦY ĐỦ BẰNG TIẾNG VIỆT

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội

TÊN VIẾT TẮT

Ngân hàng Quân đội (MB)

TÊN ĐẦY ĐỦ BẰNG TIẾNG ANH

Military Commercial Joint stock Bank

NGÀY THÀNH LẬP

4/11/1994

VỐN ĐIỀU LỆ

23.727.322.800.000 ĐỒNG

MÃ CHỨNG KHOÁN

MBB

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100283873 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 44 ngày 05/12/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

**Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

ĐIỆN THOẠI

024 62661088

FAX

024 62661080

EMAIL

info@mbbank.com.vn

WEBSITE

www.mbbank.com.vn



Quá trình hình thành và phát triển

1994-2004

Ngày 4/11/1994, MB được thành lập với số vốn gần 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

Mười năm đầu (1994-2004) là giai đoạn mang tính "mở lối" định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu. Kiên định với mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi. Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.



Ảnh: Lễ khai trương ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội

SAU 25 NĂM PHÁT TRIỂN, MB KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, VỚI CÁC CHỈ SỐ HIỆU QUẢ LUÔN NẪM TRONG NHÓM DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG.



Ảnh: Lễ ký kết hợp đồng phần mềm quản trị ngân hàng giữa MB và Temenos 2006

2005-2009

Trong giai đoạn 2005-2009, MB áp dụng một loạt các giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ...

Có thể nói, đây là giai đoạn tạo cơ sở vững chắc để MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay. Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

2010-2016

Năm 2010 là bước ngoặt ý nghĩa đưa MB ghi dấu ấn trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam sau này. MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 – 2016, với kỳ vọng đưa MB vào TOP 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối. Đây cũng là giai đoạn hết sức khó khăn của nền kinh tế. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường.

Trong bối cảnh đó, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong TOP 3 trước 2 năm – vào năm 2013. Với những thành quả đã đạt được, năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất. Đến năm 2015, tiếp tục được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.



Ảnh: MB đón nhận cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước 2010



Ảnh: Điểm giao dịch MB với hình ảnh nhận diện thương hiệu mới

2017-2019

Đây là ba năm khởi đầu quan trọng của giai đoạn chiến lược mới 2017-2021, trong đó MB định hướng tầm nhìn "Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất" với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn.

Trong ba năm này, với phương châm "Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững", MB đều hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Đặc biệt năm 2019, MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh, trong đó nhờ tiếp tục triển khai đồng bộ và quyết liệt các dự án chiến lược thuộc 4 chuyển dịch then chốt, trong đó nổi bật nhất là chuyển dịch mạnh ngân hàng số: hoàn thiện các tính năng trên App MBbank, ra mắt hệ sinh thái số dành cho doanh nghiệp (Biz app), đổi mới hoạt động marketing số. Đánh dấu kỷ niệm 25 năm thành lập, MB vinh dự đón nhận Huân chương bảo vệ Tổ quốc Hạng Nhất và công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên toàn hệ thống và đến với khách hàng.

Địa bàn kinh doanh

TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2019, HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI CỦA MB BAO GỒM 01 TRỤ SỞ CHÍNH VÀ 300 ĐIỂM GIAO DỊCH ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG, TRONG ĐÓ CÓ:

296

ĐIỂM GIAO DỊCH Ở TRONG NƯỚC

03

ĐIỂM GIAO DỊCH TẠI NƯỚC NGOÀI
(LÀO, CAMPUCHIA)

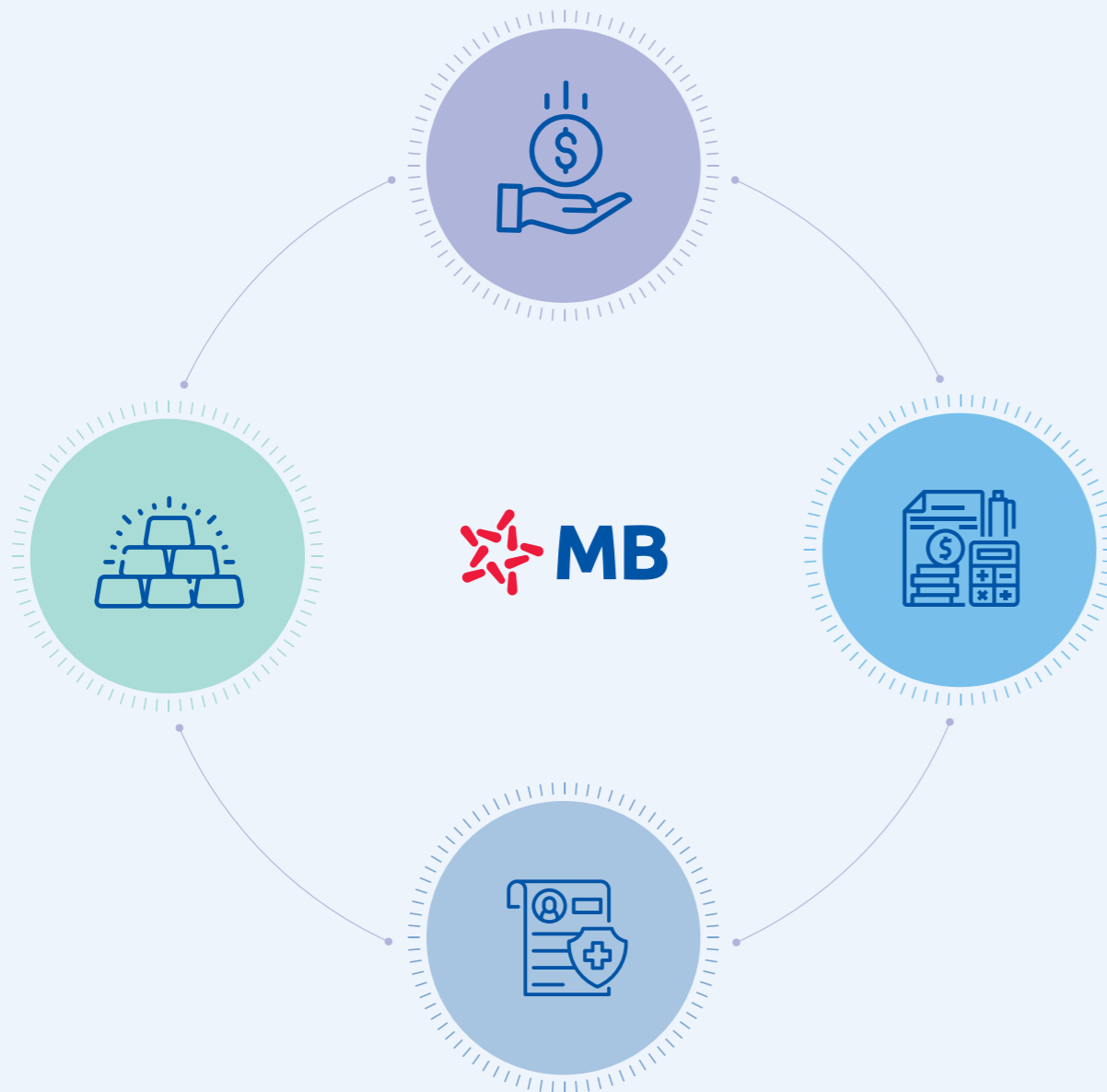
01

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NGA



Ngành nghề kinh doanh

MB THỰC HIỆN CÁC LOẠI HÌNH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM, GỒM CÁC HOẠT ĐỘNG:



Hoạt động trung gian tiền tệ khác (nhận tiền gửi; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia đấu thầu, mua bán tín phiếu Kho bạc...; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ môi giới tiền tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu..., vay vốn của Ngân hàng Nhà nước; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,...; góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; mua nợ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.



Hoạt động dịch vụ tài chính (dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính,...; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản; kinh doanh giấy tờ có giá; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.



Bán buôn kim loại và quặng kim loại (kinh doanh, mua bán vàng miếng)



Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

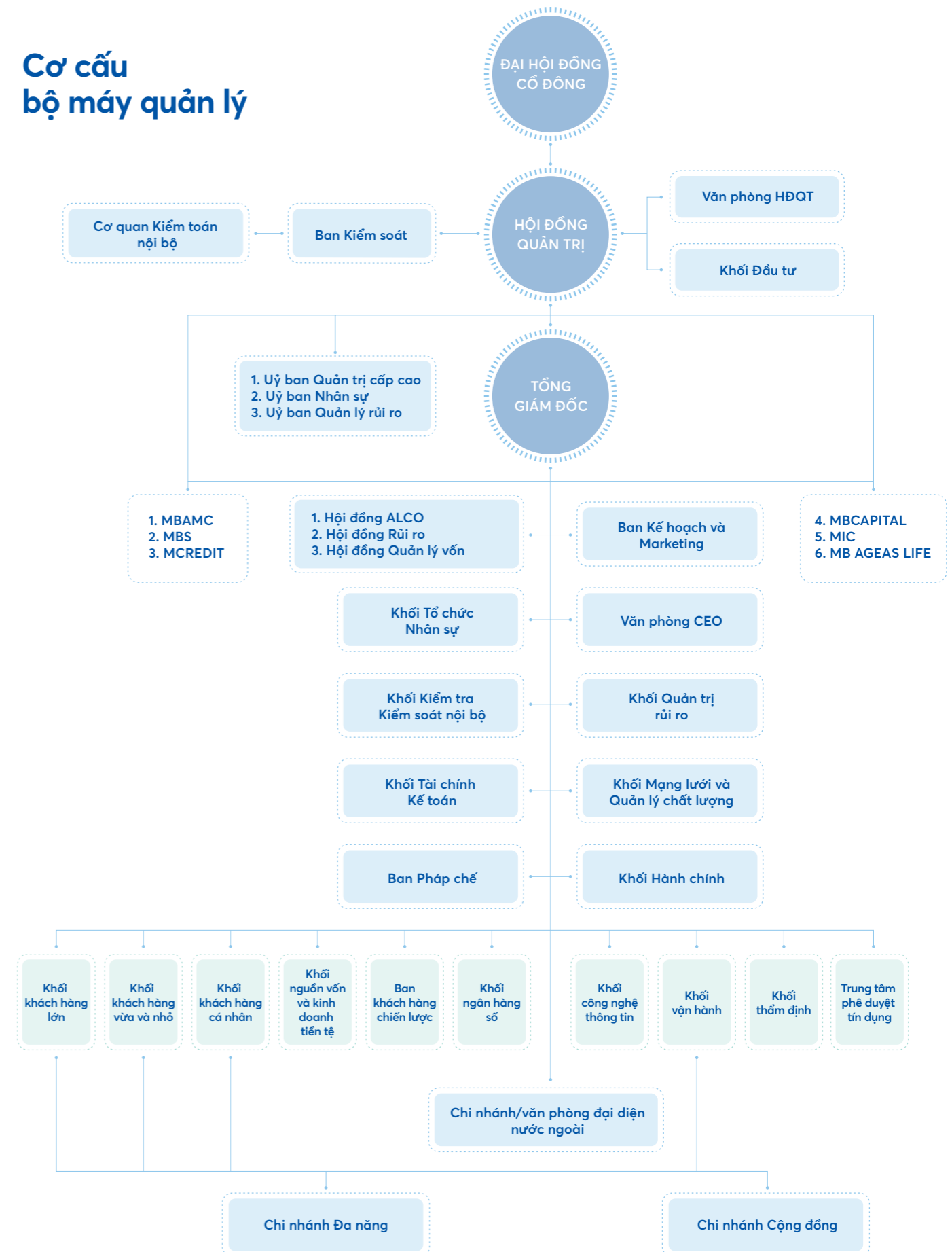
Chi tiết theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 100/GP-Ngân hàng Nhà nước ngày 16/10/2018

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

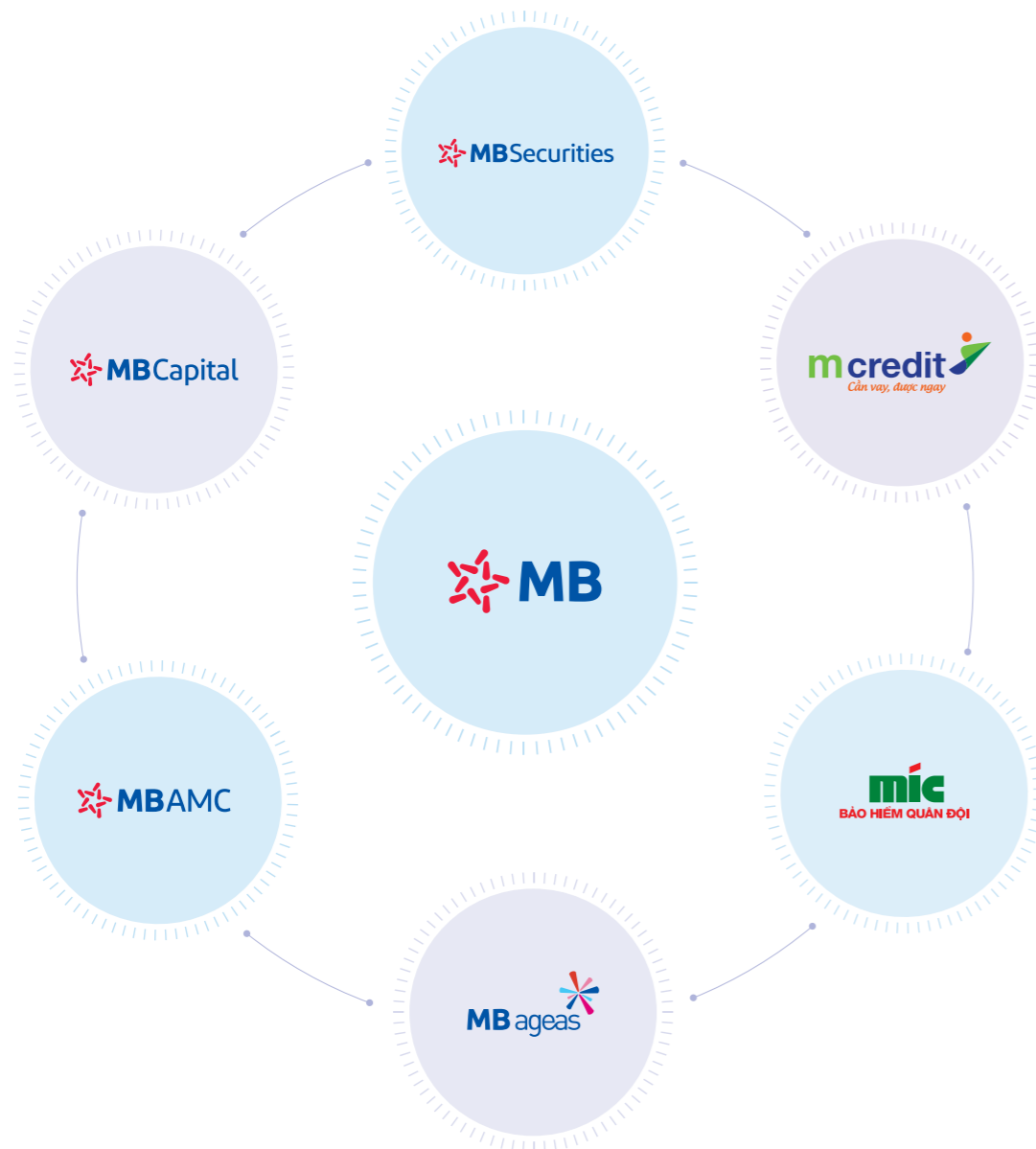
Cơ cấu quản trị MB được thiết lập tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định của MB và theo thông lệ quản trị tiên tiến

Cơ cấu bộ máy quản lý



Tổng quan các công ty thành viên và quan hệ góp vốn

Các công ty thành viên



01 Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC)

TÊN ĐẦY ĐỦ Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

TÊN TIẾNG ANH Military Bank Assets Management Company Limited

TÊN VIẾT TẮT MBAMC CO., LTD

LOGO



TRỤ SỞ CHÍNH Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

WEBSITE www.mbamc.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ 665.861.987.250 VND

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và sửa đổi lần thứ 20 ngày 25/12/2018.

MBAMC là Công ty TNHH một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực Xử lý nợ, Quản lý khai thác tài sản và Tư vấn thẩm định tài sản, với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp dịch vụ cho MB và khách hàng của MB.

Năm 2019, Công ty đạt được lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 18% so với 2018, trong đó doanh số xử lý nợ tăng trưởng 14% và doanh số tư vấn thẩm định tài sản tăng 47% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, Công ty đã có những bước tiến trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng dịch vụ; chất lượng xử lý nợ được cải thiện, việc quản lý và khai thác tài sản đảm bảo duy trì hiệu quả. Mạng lưới hoạt động của MBAMC ngày càng được củng cố và mở rộng nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của MB.

Năm 2020, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững, tập trung vào hoạt động kinh doanh lõi, đồng thời chú trọng nâng cao năng lực quản trị kinh doanh tăng năng suất lao động và cải tiến nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng cũng như của MB.

02 Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei

TÊN ĐẦY ĐỦ Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei

TÊN TIẾNG ANH MB Shinsei Finance Limited Liability Company

TÊN VIẾT TẮT MS FINANCE

LOGO



TRỤ SỞ CHÍNH Tầng 12 tòa nhà TNR Tower, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

WEBSITE www.mcredit.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ 800.000.000.000 VND

Giấy phép hoạt động số 58/GP-Ngân hàng Nhà nước do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 21/09/2017. Giấy phép thay đổi gần nhất được cấp ngày 07/05/2018.

MCredit được thành lập ngày 10/03/2016 với vốn điều lệ 500 tỷ đồng do MB sở hữu 100% vốn, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính tín dụng tiêu dùng. Tháng 10/2017, MCredit hoàn tất thủ tục liên doanh với đối tác Nhật Bản Shinsei Bank, đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei. Đến tháng 3/2018, Mcredit tăng vốn điều lệ lên mức 800 tỷ đồng, trong đó MB vẫn giữ tỷ lệ góp vốn 50%.

Sau gần 3 năm hoạt động, MCredit đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần, tăng trưởng quy mô. Năm 2019, Công ty đạt doanh thu gấp 2,2 lần so với 2018, nằm trong TOP 4 công ty lớn nhất về quy mô cho vay với dư nợ quản lý gần 9.000 tỷ đồng, mạng lưới kinh doanh bao phủ 55 tỉnh thành khắp cả nước, với đa dạng các sản phẩm và kênh bán hàng mới, cùng với đó Mcredit chú trọng triển khai các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ hoạt động kinh doanh lõi, kiểm soát chất lượng khoản vay và nâng cao năng suất lao động so với thị trường.

Với phương châm "Củng cố nền tảng, chuyển dịch số; tăng trưởng toàn diện, hiệu quả, bền vững", năm 2020, bên cạnh các mục tiêu kinh doanh hết sức thách thức, Mcredit sẽ chú trọng cải tiến về quản trị và vận hành nhằm tối ưu quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống công nghệ thông tin từng bước triển khai kinh doanh số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giữ vững vị trí TOP 4 công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu thị trường về quy mô và hiệu quả hoạt động.

03 Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)

TÊN ĐẦY ĐỦ	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
TÊN TIẾNG ANH	MB Capital Management Joint Stock Company
TÊN VIẾT TẮT	MB Capital
LOGO	
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 8, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
WEBSITE	www.mbcapital.com.vn
VỐN ĐIỀU LỆ	323.795.000.000 VND

Giấy phép hoạt động số: 07/UBCK-GPHĐQLQ do UB-CKNN cấp lần đầu ngày 29/09/2006; Giấy phép sửa đổi gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12/02/2015.

MB Capital được thành lập năm 2006 với mức vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng. Trải qua 12 năm phát triển, MBCapital có vốn điều lệ 323.795 tỷ đồng, trong đó MB sở hữu 90,77% cổ phần.

Hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư, MBCapital đã khẳng định vị thế là một công ty quản lý quỹ năng động và hiệu quả trên thị trường với nhiều năm nằm trong Top 3 công ty quản lý quỹ có lợi nhuận cao nhất.

MB Capital hiện đang quản lý hai quỹ mở cổ phiếu và một quỹ thành viên có sự tham gia của các đối tác Nhật Bản, đồng thời gia tăng uy tín thông qua quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của MB Capital tăng trưởng 19% so với năm trước và có lợi nhuận cao thứ 3 trong số hơn 40 công ty trong ngành quản lý quỹ Việt Nam. Trong năm, công ty đã ra mắt sản phẩm ủy thác đầu tư trái phiếu và đầu tư hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ online, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm cho khách hàng.

Trong năm 2020, công ty duy trì mục tiêu nằm trong Top 3 về hiệu quả hoạt động, theo đó tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu triển khai các sản phẩm đầu tư mới, thành lập quỹ đầu tư mới, tăng cường phối hợp bán chéo với MB Group nhằm gia tăng giá trị tài sản quản lý. Đồng thời, công ty tiếp tục chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ và các danh mục đầu tư để đáp ứng tốt hơn nữa kỳ vọng của các nhà đầu tư.

04 Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

TÊN ĐẦY ĐỦ	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
TÊN TIẾNG ANH	MB Securities Joint Stock Company
TÊN VIẾT TẮT	MBS
LOGO	
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
WEBSITE	www.mbs.com.vn
VỐN ĐIỀU LỆ	1.221.242.800.000 VND

Giấy Chứng nhận ĐKKD: 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 12/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2014.

MBS hiện có vốn điều lệ 1.221 tỷ đồng (trong đó, MB chiếm tỷ lệ 79,52%), hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới, dịch vụ ngân hàng đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Được MB thành lập từ tháng 5 năm 2000, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên ra đời tại Việt Nam.

Năm 2019, trong bối cảnh thị trường chứng khoán nhiều khó khăn, MBS đạt kết quả khá ấn tượng: doanh thu đạt hơn 957 tỷ đồng, lợi nhuận tăng trưởng trên 40% so với năm 2018, giữ vững vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường với vị trí Top 5 thị phần môi giới chứng khoán cơ sở và Top 2 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh. Trong năm, MBS đã triển khai mạnh mẽ các sản phẩm mới như phân phối trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm CW, MBS đã vinh dự nhận giải thưởng nhà phát hành chứng quyền có bảo đảm tốt nhất Việt Nam do Tạp chí International Finance trao tặng.

Năm 2020, MBS với phương châm "củng cố nền tảng, chuyển dịch số, tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững" MBS sẽ tiếp tục tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng cường cải tiến hệ thống công nghệ nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ và tiện ích cho khách hàng, củng cố và quy trì quản trị rủi ro chặt chẽ, tiếp tục khẳng định bề dày uy tín, thương hiệu MBS với khách hàng.

05 Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)

TÊN ĐẦY ĐỦ	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
TÊN TIẾNG ANH	Military Insurance Corporation
TÊN VIẾT TẮT	MIC
LOGO	
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
WEBSITE	www.mic.vn
VỐN ĐIỀU LỆ	1.300.000.000.000 VND

Giấy phép hoạt động số 43 GP/KDBH cấp lần đầu ngày 08/10/2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất là 43/GPĐC30/KDBH ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội) được thành lập theo Quyết định số 871/BQP ngày 22/2/2007 của Quân ủy Trung ương và Giấy phép số 43GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính. MB là một trong số các cổ đông sáng lập MIC và hiện là cổ đông lớn nhất của MIC, sở hữu 68,37% cổ phần của MIC.

Bên cạnh những sản phẩm đặc thù phục vụ riêng cho các đơn vị trong quân đội, MIC chú trọng phát triển và cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho nhiều đối tượng Khách hàng và đã khẳng định được hình ảnh, thương hiệu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Trải qua 13 năm xây dựng và phát triển, MIC đã phát triển mạnh mẽ với mạng lưới rộng khắp với 63 công ty thành viên tại hầu khắp các tỉnh, thành trên cả nước. Năm 2019, doanh thu phí bảo hiểm gốc của MIC đạt hơn 2.500 tỷ đồng và là công ty có thị phần bảo hiểm phi nhân thọ lớn thứ 6 thị trường.

Năm 2020, mục tiêu của MIC là tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu bảo hiểm, vươn lên vị trí Top 5 về thị phần bảo hiểm phi nhân thọ toàn ngành, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư theo hướng hiệu quả và bền vững. Ngoài ra, MIC sẽ chú trọng củng cố hệ thống công nghệ thông tin, chuyển dịch số trong hoạt động quản trị và kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ để tăng khả năng cạnh tranh.

06 Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

TÊN ĐẦY ĐỦ	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas
TÊN TIẾNG ANH	MB Ageas Life Insurance Company Limited
TÊN VIẾT TẮT	MB Ageas Life
LOGO	
TRỤ SỞ CHÍNH	Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
WEBSITE	www.mbageas.life
VỐN ĐIỀU LỆ	1.500.000.000.000 VND

Giấy phép thành lập và hoạt động: 74/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 21/07/2016 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPĐDC2/KDBH cấp ngày 28/09/2018.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas được thành lập năm 2016 trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa MB, Tập đoàn bảo hiểm Ageas (Vương quốc Bỉ) và Công ty BHNT Muang Thai Life Assurance (Thái Lan) với quy mô vốn điều lệ ban đầu là 1.100 tỷ đồng. Đến nay, MBAL có vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng (trong đó MB chiếm tỷ lệ là 61%). Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe và Đầu tư tài chính.

Sau gần 3 năm hoạt động, năm 2019, MBAL đã ghi nhận lợi nhuận dương với mức doanh thu tăng trưởng gần gấp đôi so với cùng kỳ 2018, xác lập vị trí TOP 5 công ty có doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới lớn nhất thị trường. MBAL từng bước phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng mẹ và các công ty thành viên khác để triển khai bán chéo các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, góp phần đưa MB Group là ngân hàng TOP 1 toàn thị trường về doanh thu phí bảo hiểm qua kênh Bancassurance.

Năm 2020, song song với việc tiếp tục triển khai mạnh mẽ hoạt động kinh doanh qua kênh bancassurance, MBAL sẽ chú trọng triển khai kênh bán hàng qua các đại lý đồng thời đẩy mạnh các dự án công nghệ thông tin hòa cùng xu thế phát triển công nghệ số trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ.

Quản trị tập đoàn – tăng cường quản lý và hỗ trợ hoạt động các công ty thành viên

- Triển khai chiến lược hoạt động các Công ty đến năm 2020, gắn kết với chiến lược hoạt động 2017-2021 của cả Tập đoàn MB Group; năm 2020, các công ty thành viên của MB tập trung củng cố nền tảng, chuyển dịch số, hướng tới tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững.
- Triển khai hoạt động quản trị tập đoàn trong các mảng Tài chính, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin, Mạng lưới, Nhân sự, Truyền thông theo hướng xây dựng, thiết lập các tiêu chuẩn với Công ty thành viên.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động thường xuyên giữa các Công ty với MB, chia sẻ các nguồn lực kinh doanh dùng chung của hệ thống; đẩy mạnh hoạt động bán chéo phát triển dịch vụ của toàn MBGroup.



Định hướng quản lý công ty thành viên và định hướng tập đoàn

Hiện nay, MB đang định hướng hoạt động theo mô hình Tập đoàn (MB Group) với công ty mẹ là Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội và các công ty thành viên thuộc các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm... Theo đó, các công ty thành viên tận dụng tối đa lợi thế Tập đoàn, hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Năm 2019, MBGroup đẩy mạnh việc cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho Khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên trong tập đoàn. Đồng thời, mỗi lĩnh vực hoạt động chính của các Công ty thành viên trong MBGroup sẽ là các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cùng với các dịch vụ của Ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, MB đã và đang xây dựng chiến lược chung của Tập đoàn hướng tới các hoạt động cụ thể như sau:

- Phát triển đồng bộ các Công ty thành viên theo định hướng chiến lược kinh doanh Tập đoàn. Tích cực đầu tư hạ tầng công nghệ, cải tiến quy trình vận hành, phát triển các sản phẩm dịch vụ của Công ty thành viên trên nền tảng công nghệ số.
- Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đồng chiến lược; góp phần nâng cao năng lực quản trị, phát triển kinh doanh các Công ty thành viên.
- Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của Tập đoàn.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Nội dung này không có.

Định hướng hoạt động đầu tư năm 2020

- Quản lý tập trung hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn thông qua việc ban hành quy định, chính sách, định hướng đầu tư và giám sát việc thực thi theo các quy định, tiêu chuẩn của Tập đoàn.
- Triển khai hoạt động đầu tư tuân thủ quy định pháp luật, theo đúng định hướng chiến lược, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của MB.
- Nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên.
- Cải tiến mô hình bán chéo theo hướng xây dựng các cơ chế thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động bán chéo giữa MB và các Công ty thành viên nhằm khai thác tối ưu nguồn lực Tập đoàn.

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu năm 2020

Năm 2019 là năm MB đạt được những bước tiến quan trọng trong hành trình thực hiện chiến lược giai đoạn 2017-2021 với việc ra mắt một loạt các nền tảng, ứng dụng Ngân hàng số, triển khai các dự án chiến lược trọng điểm hướng tới tối ưu trải nghiệm khách hàng, hiện thực hóa tầm nhìn đưa MB "Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất".

Năm 2020, MB xác định là năm tăng tốc bứt phá để về đích. MB đã triển khai đồng bộ và quyết liệt 04 chuyển dịch chiến lược Ngân hàng số, Nâng cao Quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro vượt trội, năng lực thực thi nhanh thông qua các dự án chiến lược trọng điểm với các mục tiêu sau:

- 01** Ra mắt APP MBBank mới với các tính năng nổi bật, thuận tiện nhất dành cho các khách hàng cá nhân với các ứng dụng thông minh như Giao dịch qua giọng nói; Tư vấn tài chính cá nhân; Chuyển tiền qua QRCode/NFC; ứng dụng trí tuệ nhân tạo...
- 02** Triển khai Biz MB dành cho Khách hàng doanh nghiệp với nền tảng ngân hàng số đa kênh liền mạch, có khả năng cung cấp các sản phẩm dịch vụ từ cơ bản đến nâng cao cho khách hàng như quản lý dòng tiền, chuỗi cung ứng, chuyển tiền quốc tế...; mở rộng kết nối đối tác.
- 03** Phát triển Marketing số cho hệ sinh thái là các thành viên trong gia đình "Family banking" nhằm hỗ trợ quản lý tài chính gia đình tập trung, ngân hàng cho trẻ em; Tiếp theo là đẩy mạnh triển khai các sản phẩm dịch vụ mới và thú vị dành cho giới trẻ.
- 04** Gia tăng sự hài lòng và gắn kết trung thành khách hàng bằng các chương trình Loyalty dành cho Khách hàng cá nhân; trong năm 2020 sẽ triển khai các chương trình loyalty quy mô lớn dành cho Khách hàng doanh nghiệp.
- 05** Thiết kế và đề xuất giá trị hấp dẫn, thực thi các bước tăng trưởng cho phân khúc khách hàng SME mục tiêu.
- 06** Triển khai các sáng kiến chuyển đổi và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại, định hướng số hoá cho MB và Công ty trong tập đoàn.
- 07** Dự án CRM hướng tới 100% RM sử dụng Smart RM phục vụ khách hàng
- 08** Tối ưu hóa, tự động hóa hệ thống quy trình nghiệp vụ hướng đến khách hàng và tăng năng suất.
- 09** Nền tảng Quản trị rủi ro vượt trội, ứng dụng PD sâu rộng, LGD, EAD tuân thủ Basel 2, bắt đầu nghiên cứu Basel 3.
- 10** Quản trị dữ liệu hiện đại, tối ưu kho dữ liệu và ứng dụng hiệu quả hệ thống báo cáo BI.

2020

Chiến lược giai đoạn 2017-2021

Tầm nhìn chiến lược:

Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất

Mục tiêu chiến lược

TOP 5 về hiệu quả kinh doanh và an toàn

Phương châm chiến lược:

Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững

MB phát triển trên 03 trụ cột chiến lược là **Ngân hàng số, Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành** và 2 nền tảng chiến lược **Quản trị rủi ro vượt trội, Năng lực thực thi nhanh**; Trọng tâm vào 04 chuyển dịch then chốt là **Chuyển dịch ngân hàng số, Nâng cao quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro vượt trội, Nâng cao hiệu quả hoạt động công ty thành viên**; Thực hiện đồng bộ 4 nhóm giải pháp: **Quản trị điều hành, Kinh doanh, Công nghệ, Nhân sự**.

Tình hình hoạt động trong năm

04

36

Hoạt động kinh doanh 2019

38

Tổ chức và nhân sự MB

57

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

59

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội và chính sách phát triển bền vững

Hoạt động kinh doanh năm 2019

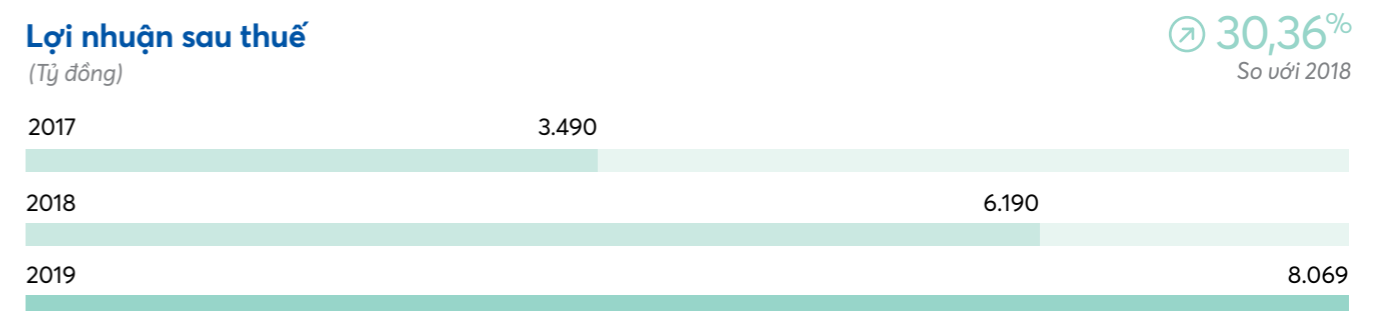
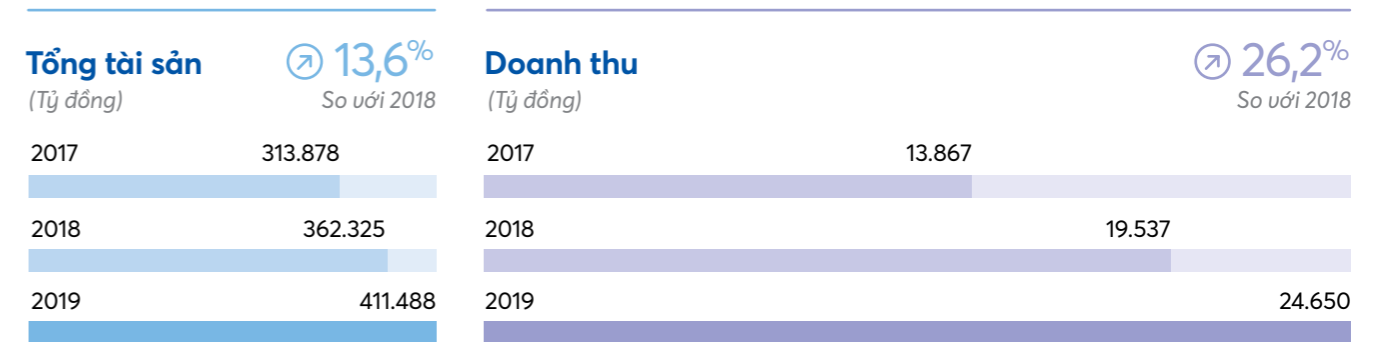
Các chỉ tiêu chính

	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
CHỈ TIÊU CHUNG				
Điểm giao dịch <i>(bao gồm trụ sở chính)*</i>	Số ĐGD	286	300	301
Số cán bộ nhân viên <i>(ngân hàng và công ty con)</i>	Người	13.094	15.233	15.691
CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1. Quy mô vốn				
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	29.601	34.173	39.886
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	18.155	21.605	23.727
Tổng tài sản	tỷ đồng	313.878	362.325	411.488
Tỷ lệ an toàn Vốn CAR <i>(theo thông tư 36)**</i>	%	12,00%	10,90%	10,68%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tiền gửi của TCKT và cá nhân	tỷ đồng	220.176	239.964	272.710
Tổng dư nợ cho vay	tỷ đồng	184.188	214.686	250.331
Doanh thu	tỷ đồng	13.867	19.537	24.650
Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng	tỷ đồng	7.868	10.803	14.927
Thuế và các khoản phải nộp	tỷ đồng	1.553	2.214	3.114
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	11.219	14.583	18.000
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	4.616	7.767	10.036
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3.490	6.190	8.069
ROE (LNST/VCSH bình quân)	%	12,42%	19,41%	21,79%
ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)	%	1,22%	1,83%	2,09%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	(3.252)	(3.035)	(4.891)
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,20%	1,33%	1,16%
EPS	Đồng/cổ phiếu	1.504	2.416	3.596

3. Khả năng thanh khoản*				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (>=10%)	%	22,00%	18,83%	20,68%
Tỷ lệ chi trả 30D VND (>=50%)	%	82,00%	79,64%	78,09%
Tỷ lệ chi trả 30D ngoại tệ (>=10%)	%	96,00%	242,73%	159,27%

* Riêng ngân hàng

** Theo Thông tư 41, tỷ lệ an toàn vốn CAR năm 2019 đạt 10,12%



ROE
(LNST/VCSH Bình quân)

21,79%

ROA
(LNST/VCSH Bình quân)

2,09%

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2014-2019

(đến 27/04/2019)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thượng tướng Lê Hữu Đức, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Ủy viên Quân ủy Trung ương, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân. Là Chủ tịch Hội đồng quản trị MB từ năm 2011 đến nay, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB. Đồng thời, Ông cũng chỉ đạo rất quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện các công ty thành viên, mang lại kết quả rất tích cực cho các công ty. Ông cũng là người củng cố bản sắc quân đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm "Kỷ luật nghiêm - Thượng tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội"

Ông Lưu Trung Thái

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có gần 22 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên năm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tin nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 09/2013. Năm 2017, ông được giao trọng trách là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc MB. Với những đóng góp của mình, tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2019 - 2024, ông tiếp tục được Hội đồng quản trị giới thiệu và trúng cử vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc MB. Năm 2019, ông Lưu Trung Thái được vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng.

Ông Lê Công

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán, tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội và là Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính. Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 17 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Năm 2010, Ông được Hội đồng quản trị đề bạt làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được Ngân hàng nhà nước đánh giá cao trong những năm qua. Năm 2013, với những thành tích và đóng góp trong quá trình công tác, Ông vinh dự được thăng quân hàm Thiếu tướng, đứng trong hàng ngũ các tướng lĩnh quân đội tham gia mặt trận kinh tế. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng, năm 2014, ông vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3 và Huân chương Lao động hạng 2 vào năm 2019. Ông là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB cho đến Đại hội nhiệm kỳ 2019 - 2024; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa dầu Quân đội.

Ông Hà Tiến Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị



Thiếu tướng Hà Tiến Dũng tốt nghiệp Học viện Gagarin, cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Hà Tiến Dũng có gần 18 năm ở các cương vị quản lý cấp cao tại Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam (nay là Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam). Ông đã tham gia Hội đồng quản trị MB từ năm 2009 và là Tư lệnh binh đoàn 18; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần địa ốc MB (MB Land); Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Hải Âu.

Ông Nguyễn Đăng Nghiêm

Thành viên Hội đồng quản trị



Thiếu tướng Nguyễn Đăng Nghiêm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Hàng Hải. Ông đã có hơn 27 năm kinh nghiệm tại nhiều vị trí quan trọng trong Quân cảng Sài Gòn. Ông Nghiêm đã tham gia Hội đồng quản trị MB từ năm 2009 và đã có nhiều đóng góp giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa MB và Tân Cảng. Ngoài vai trò Thành viên Hội đồng quản trị MB, Ông giữ chức vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Cát Lái; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Tân Cảng - Cai Mép.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2014-2019

(đến 27/04/2019)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Praha Tiệp Khắc. Ông đã có nhiều kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp với vai trò Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty 28. Ngoài vai trò là Thành viên Hội đồng quản trị MB, Ông là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28.

Bà Nguyễn Thị Ngọc

Thành viên Hội đồng quản trị



Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế và là người lãnh đạo Văn phòng Hội đồng quản trị từ khi thành lập văn phòng. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc là Thành viên Hội đồng quản trị MB, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital).

Bà Nguyễn Thị Thủy

Thành viên Hội đồng quản trị



Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐH Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà Thủy hiện là Thành viên Hội đồng quản trị MB, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas Life.

Ông Nguyễn Chí Thành

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Chí Thành tốt nghiệp Thạc sỹ quản lý chính sách công, Viện nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản (GRIPS). Ông Thành đã có 11 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và trên 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý rủi ro, đầu tư tài chính. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng tại Vụ quản lý ngoại hối Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Kể từ Đại hội cổ đông thường niên MB 2016 (28/04/2016), Ông đã trúng cử là thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời là đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH (và là Tổng giám đốc từ tháng 5/2019), Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domesco, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Tháp Truyền hình Việt Nam.

Ông Nguyễn Văn Huệ

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



Ông Nguyễn Văn Huệ tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế Quốc Dân. Ông Huệ đã từng giữ những chức vụ quan trọng tại Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng như Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Chi Cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp. Với những kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - doanh nghiệp, Ông Huệ đã đóng góp cho MB nhiều ý kiến xây dựng và hỗ trợ MB phát triển các mối quan hệ với các khách hàng, đối tác.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2014-2019

(đến 27/04/2019)

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Phượng

Trưởng Ban kiểm soát



Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế tại Học viện Ngân hàng. Bà được bầu vào vị trí Trưởng Ban kiểm soát MB tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Bà công tác tại MB từ những ngày đầu thành lập (năm 1994) và đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý trước khi là Trưởng Ban kiểm soát như: Giám đốc Phòng giao dịch, Giám đốc Chi nhánh Lý Nam Đế, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc/Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính, Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Phía Nam, Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Mạng lưới và Phân phối.

Bà Lê Minh Hồng

Thành viên Ban kiểm soát



Bà Lê Minh Hồng tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà được bầu vào Ban Kiểm soát MB tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Bà Lê Minh Hồng tham gia quản trị ngân hàng MB từ tháng 4/2013 với vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nhiệm kỳ 2009-2014). Bà đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty quản lý quỹ đầu tư MB từ tháng 10/2014 đến 04/2017. Trước khi gia nhập MB, Bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tín dụng và cơ quan nhà nước: Phó Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, Vụ Phó/Hàm Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp - Văn phòng Chính phủ.

Ông Đặng Quốc Tiến

Thành viên Ban kiểm soát



Ông Đặng Quốc Tiến tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Đại học Ngoại Thương và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Pacific Western. Ông được bầu vào Ban Kiểm soát MB tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Ông công tác tại MB từ năm 1996 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý trước khi là thành viên Ban Kiểm soát như: Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Phía Nam.

Ông Đỗ Văn Hưng

Thành viên Ban kiểm soát



Ông Đỗ Văn Hưng tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và nhiều năm liền giữ các vị trí quan trọng của MB như Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng Khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách MB khu vực phía Bắc, Bí thư Đảng ủy MB. Từ ngày 29/03/2018, Ông được Đại hội đồng cổ đông 2018 tín nhiệm bầu là Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2019-2024

(bắt đầu từ 27/04/2019)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Thượng tướng Lê Hữu Đức, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Ủy viên Quân ủy Trung ương, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân. Là Chủ tịch Hội đồng quản trị MB từ năm 2011 đến nay, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB. Đồng thời, Ông cũng chỉ đạo rất quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện các công ty thành viên, mang lại kết quả rất tích cực cho các công ty. Ông cũng là người cùng cổ bản sắc quân đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm "Kỷ luật nghiêm - Thượng tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội"

Ông Lưu Trung Thái

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có gần 22 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên năm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tin nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 09/2013. Năm 2017, ông được giao trọng trách là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc MB. Với những đóng góp của mình, tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2019 - 2024, ông tiếp tục được Hội đồng quản trị giới thiệu và trúng cử vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách kiêm Tổng giám đốc MB. Năm 2019, ông Lưu Trung Thái được vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng

Bà Vũ Thị Hải Phượng

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc CN Điện Biên Phủ và Phó Tổng giám đốc (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới - phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng Ban kiểm soát MB, Bà Phượng đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được Hội đồng quản trị tin nhiệm giới thiệu, bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB chuyên trách nhiệm kỳ 2019 - 2024 và hiện nay bà còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MB Shinsei.

Ông Đỗ Minh Phương

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đỗ Minh Phương tốt nghiệp cử nhân Điện tử - Viễn thông và đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại Viettel và các công ty thành viên của Viettel như Giám đốc Công ty Truyền hình - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Viettel; Chủ tịch Hội đồng quản trị TCT Cổ phần Bưu chính Viettel. Hiện nay, Ông là Phó TGD Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. Tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2019 - 2024, Ông Đỗ Minh Phương được Hội đồng quản trị giới thiệu và trúng cử vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB.

Ông Lê Viết Hải

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Lê Viết Hải tốt nghiệp Cử nhân Tài chính - Tín dụng - Học viện Ngân hàng, Cử nhân luật - Đại học Luật Hà Nội và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học California Miramar. Ông Hải đã gắn bó với MB 23 năm và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt của MB như: Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Ông Hải được Đại hội đồng cổ đông MB nhiệm kỳ 2019 - 2024 tin nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách. Hiện tại, ông Hải còn là Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty bảo hiểm Quân đội

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2019-2024

(bắt đầu từ 27/04/2019)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Kiều Đặng Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Kiều Đặng Hùng tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh, Ông Kiều Đặng Hùng gia nhập Công ty Bay dịch vụ miền Nam từ năm 1996 và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng an toàn, Phó Giám đốc Công ty Trực thăng miền Bắc và Công ty Trực thăng bay miền Nam, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Đào tạo bay Việt, Tổng GD – TCT Trực Thăng Việt Nam. Ông Kiều Đặng Hùng được ĐHCĐ MB nhiệm kỳ 2019-2024 tín nhiệm bầu là thành viên Hội đồng quản trị.

Bà Nguyễn Thị Ngọc

Thành viên Hội đồng quản trị



Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế và là người lãnh đạo Văn phòng Hội đồng quản trị từ khi thành lập văn phòng. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc hiện là Thành viên Hội đồng quản trị MB chuyên trách, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital).

Bà Nguyễn Thị Thủy

Thành viên Hội đồng quản trị



Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – ĐH Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sỹ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà Thủy hiện là Thành viên Hội đồng quản trị MB chuyên trách, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas Life.

Ông Ngô Minh Thuận

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Ngô Minh Thuận Tốt nghiệp thạc sỹ Kinh tế vận tải, Đại học Hàng hải Việt Nam, Ông Thuận gia nhập Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn từ năm 1994 và giữ chức vụ Phó TGD Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn từ năm 2009 đến năm 2017. Năm 2017 ông là Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn. Ông Thuận được ĐHCĐ MB tín nhiệm bầu là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024.

Bà Vũ Thái Huyền

Thành viên Hội đồng quản trị



Bà Vũ Thái Huyền Tốt nghiệp cử nhân Kế toán – Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và kế toán tổng hợp. Hiện nay, bà Huyền là Trưởng Ban đầu tư 1 – Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước và trúng cử vị trí Thành viên Hội đồng quản trị tại MB nhiệm kỳ 2019-2024.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2019-2024

(bắt đầu từ 27/04/2019)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trần Trung Tín

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



Thiếu tướng Trần Trung Tín tốt nghiệp Cử nhân Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Cử nhân Báo chí, Trường sĩ quan Chính trị - Quân sự, Cử nhân Tiếng Anh, Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, Tiến sĩ Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, học hàm Phó Giáo sư. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại Bộ Quốc Phòng, đồng thời Ông là người am hiểu lĩnh vực tài chính và tham gia nghiên cứu, giảng dạy bộ môn Tài Chính Ngân hàng tại Học viện Hậu cần. Tại ĐHQĐ MB nhiệm kỳ 2019-2024, Ông Trần Trung Tín được tín nhiệm bầu là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị trong năm

Không có thay đổi trong năm.

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Lợi

Trưởng Ban kiểm soát



Bà Lê Thị Lợi tốt nghiệp Tiến sĩ Tài chính ngân hàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà Lợi tham gia MB từ những ngày đầu thành lập và có nhiều đóng góp vào sự phát triển của MB; từng giữ các vị trí quan trọng: Trưởng phòng kế toán/phó giám đốc chi nhánh MB Điện Biên Phủ; Giám đốc tài chính MB và là Phó TGD kiêm Giám đốc Tài chính MB từ năm 2014 đến tháng 4/2019. Hiện bà là Trưởng ban Kiểm soát MB từ nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Bà Phạm Thu Ngọc

Thành viên Ban kiểm soát



Bà Phạm Thu Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Nantes - Cộng hòa Pháp, Chứng chỉ CMA Australia. Gia nhập MB từ những ngày đầu thành lập, Bà Ngọc đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng. Trước khi được Đại hội đồng cổ đông MB bầu làm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024, Bà Ngọc từng đảm nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh Hoàng Quốc Việt; Phó GD Khối Tài chính kế toán (MB) kiêm Thành viên Hội đồng quản trị TCT Bảo hiểm Quân đội.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

NHIỆM KỲ 2019-2024

(bắt đầu từ 27/04/2019)

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Tuyết Mai

Thành viên Ban kiểm soát



Bà Đỗ Thị Tuyết Mai tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Học viện Ngân hàng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Benedictine, Chứng chỉ CMA Australia, CPIA Australia. Bà là Trưởng Kiểm toán nội bộ của MB từ 2009 đến 2019, dẫn dắt Cơ quan kiểm toán nội bộ đạt nhiều thành tích trong công tác. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai là Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Ông Đỗ Văn Hưng

Thành viên Ban kiểm soát



Ông Đỗ Văn Hưng tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và nhiều năm liên giữ các vị trí quan trọng của MB như Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng Khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách MB khu vực phía Bắc, Bí thư Đảng ủy MB. Từ ngày 27/04/2019, Ông được Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 tín nhiệm bầu là Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024.

Giới thiệu Ban điều hành

Ông Lưu Trung Thái

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc



Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có hơn 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 09/2013. Ngày 16/01/2017, ông được Hội đồng quản trị tín nhiệm bầu làm Tổng Giám đốc MB. Ông Thái đảm nhiệm các chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc MB.

Thay đổi Tổng Giám đốc trong năm:
không có

Bà Phạm Thị Trung Hà

Phó Tổng giám đốc



Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, Bà Hà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Với những đóng góp cho sự phát triển chung của MB trong thời gian qua, từ tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc. Hiện nay Bà đang phụ trách khối Quản trị rủi ro, Cơ quan Pháp chế của MB, Giám đốc rủi ro tập đoàn & là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC).

Ông Trần Minh Đạt

Phó Tổng giám đốc



Ông Trần Minh Đạt tốt nghiệp thạc sỹ tài chính - Đại học Kinh tế quốc dân và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB từ năm 2008 như Giám đốc chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ. Tháng 11/2014, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của MB. Ngoài ra ông Đạt là Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng tín dụng MB chỉ đạo trực tiếp các hoạt động của Trung tâm phê duyệt tín dụng.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu Ban điều hành

Ông Lê Hải

Phó Tổng giám đốc



Ông Lê Hải tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, đã được đào tạo tại Học viện Tài chính, Học viện Hậu Cần, Đại học Kinh tế Quốc Dân. Gia nhập từ năm 1998, Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại ngân hàng như Giám đốc chi nhánh Việt Trì, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ, Giám đốc khối SME, Giám đốc khối Khách hàng cá nhân. Từ tháng 08/2013, ông Lê Hải chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB. Hiện nay Ông Lê Hải đang phụ trách Khối Thẩm định.

Ông Hà Trọng Khiêm

Phó Tổng giám đốc



Hoàn thành thạc sỹ chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh của trường Đại học KHXH và Nhân Văn, ông Hà Trọng Khiêm gia nhập MB từ năm 1996. Trong 21 năm công tác tại MB, ông Hà Trọng Khiêm đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực phía Nam. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh doanh của MB khu vực phía Nam. Tháng 11/2015, ông Hà Trọng Khiêm chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực phía Nam và chi nhánh Campuchia. Tháng 03/2019 Hội đồng Quản trị giao nhiệm vụ Ông Hà Trọng Khiêm vị trí Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 2.

Bà Nguyễn Minh Châu

Thành viên cao cấp Ban điều hành



Bà Nguyễn Minh Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng Tài chính Trường Đại học Kinh tế Paris Dauphine của Pháp và Trường Cao học Quản lý Kinh tế Châu Âu ESCP - EAP. Bà Châu có kinh nghiệm trên 20 năm trong lĩnh vực ngân hàng, nguồn vốn và ngoại hối. Bà chính thức trở thành thành viên của MB từ tháng 11/2009 với vị trí Phó Tổng Giám đốc, phụ trách hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ của MB. Từ 18/09/2015 đến 2019 Bà là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit).

Bà Nguyễn Thị An Bình

Phó Tổng giám đốc



Tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Bà Nguyễn Thị An Bình đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và gắn bó với MB từ ngày đầu thành lập. Bà có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực như kiểm tra kiểm soát nội bộ; hành chính và quản lý chất lượng; thiết kế và cải tiến quy trình theo hướng tin học hóa. Bà Bình nhiều năm liên quản lý và dẫn dắt Khối Kiểm soát nội bộ đạt các danh hiệu xuất sắc tại MB và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng Bằng khen năm 2009. Bà Nguyễn Thị An Bình được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc từ tháng 11/2009 và hiện đang phụ trách Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Ông Lê Quốc Minh

Phó Tổng giám đốc



Hoàn thành Tiến sỹ trường Học viện Hậu cần, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, ông Lê Quốc Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trong 12 năm công tác tại MB, ông Lê Quốc Minh đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Ninh Bình; Phó Giám đốc khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính; Giám đốc Khối khách hàng lớn. Tháng 11/2015, ông Lê Quốc Minh chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB, hiện đang phụ trách Ban Khách hàng chiến lược, văn phòng đại diện MB tại Nga, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán MB (MBS).

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Giám đốc tài chính



Bà Nguyễn Thị Thanh Nga tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế quản lý, có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư, Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Tháng 4 năm 2019, Bà Nguyễn Thị Thanh Nga được bổ nhiệm Giám đốc tài chính MB.

Tổ chức và Nhân sự MB

Giới thiệu Ban điều hành

Ông Ưông Đông Hưng
Phó Tổng giám đốc



Ông Ưông Đông Hưng là một trong những lãnh đạo trẻ đã trưởng thành từ môi trường của MB. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng và từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các chi nhánh trong hệ thống MB như Giám đốc Chi nhánh Trần Duy Hưng và Giám đốc Sở Giao dịch 1, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Từ tháng 08/2013, Ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB. Hiện nay, Phó Tổng Giám đốc Ưông Đông Hưng phụ trách chi nhánh Lào và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội (MIC).

Ông Lê Xuân Vũ
Thành viên Ban điều hành



Ông Lê Xuân Vũ tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Northcentral - Hoa Kỳ. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là lĩnh vực hiện đại hoá ngân hàng và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về công tác quản trị các hoạt động tài chính, ngân hàng. Năm 2017, Ông chính thức gia nhập MB với vị trí là Thành viên Ban điều hành. Hiện Ông Lê Xuân Vũ được giao phụ trách Khối Khách hàng cá nhân của Ngân hàng.

Bà Trần Thị Bảo Quế
Thành viên Ban điều hành



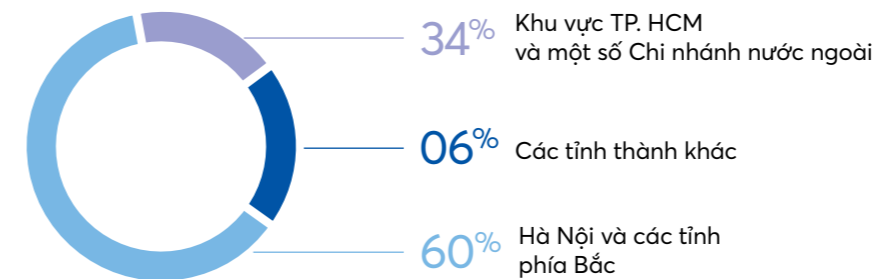
Bà Trần Thị Bảo Quế tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Đại học Ngoại thương. Bà là một trong những nhân sự được MB đào tạo nguồn từ khi còn trẻ, đã trưởng thành từ môi trường của MB và có nhiều đóng góp cho MB. Bà Bảo Quế từng đảm nhiệm vị trí quan trọng trong hệ thống MB như Giám đốc Nhân sự, Lãnh đạo dự án đào tạo. Bà được coi là người thành công và ghi dấu ấn trong việc triển khai các dự án về chuyển đổi, gắn kết sức mạnh nguồn lực toàn MB. Tháng 02 năm 2019, Bà Quế được bổ nhiệm Thành viên Ban điều hành phụ trách Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng.

Phát triển nguồn nhân lực

15.691

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ CỦA MB
TÍNH ĐẾN 31.12.2019

↑ 8,9%
SO VỚI NĂM 2018



Độ tuổi bình quân của Cán bộ nhân viên MB ~ 30 tuổi là con số rất phù hợp cho sự phát triển của tổ chức, vừa đủ độ chín, sức trẻ và luôn tràn đầy năng lượng cùng tư duy sáng tạo. Lực lượng lao động nòng cốt tại MB là thế hệ 9x (chiếm ~ 54%/tổng nhân sự) và 8x (~ 38%/tổng nhân sự), có thể thấy MB có sức hút rất lớn, phù hợp với xu hướng nguồn lực lao động trẻ hiện nay.



>87%

TỶ LỆ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC NỘI BỘ

Tỷ lệ phát triển nguồn lực nội bộ duy trì tốt, ở mức trên 87%, đặc biệt chú trọng bổ nhiệm nhân sự trẻ.

MBer đã có mặt trên mọi miền tổ quốc

tập trung chủ yếu tại Hà Nội và các tỉnh phía bắc (~60%/ tổng nhân sự MB), tiếp sau là Khu vực HCM (~ 34%, cả một số Chi nhánh nước ngoài như Lào, Campuchia và Văn phòng Đại diện tại Nga).

29,19 TRIỆU ĐỒNG

THU NHẬP BÌNH QUÂN NĂM 2019

Ngoài dân tộc Kinh, Cán bộ nhân viên MB đến từ nhiều dân tộc khác nhau: Tày, Mường, Khơ me... đây là các nhân sự am hiểu sâu sắc các địa bàn kinh doanh.

So sánh với thị trường lao động, có thể nhận thấy MB là một trong số ít tổ chức lớn luôn giữ chân được nhân sự ổn định, cam kết gắn bó lâu dài.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

VỐN ĐIỀU LỆ ĐẦU NĂM 2019

21.604.513.810.000 ĐỒNG

TƯƠNG ĐƯƠNG

2.160.451.381 CỔ PHIẾU

Trong năm 2019, MB đã thực hiện
tăng vốn theo kế hoạch bao gồm:

TĂNG VỐN ĐỂ TRẢ CỔ TỨC ĐỢT 2
NĂM 2018 BẰNG CỔ PHIẾU (8%)

169.071.872
CỔ PHIẾU

TĂNG VỐN THÔNG QUA PHÁT HÀNH
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (2%)

43.209.027
CỔ PHIẾU

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA MB TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2019 ĐÃ ĐẠT

23.727.322.800.000 ĐỒNG

TƯƠNG ĐƯƠNG

2.372.732.280 CỔ PHIẾU

Trong đó:

CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH
2.325.679.300
CỔ PHIẾU

Bao gồm:

SỐ CỔ PHIẾU HẠN CHẾ
CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH
CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ MB,
CAM KẾT CỦA NGƯỜI SỞ HỮU

758.845.590
CỔ PHẦN

SỐ CỔ PHIẾU
CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO

1.566.833.710
CỔ PHẦN

CỔ PHIẾU QUỸ

47.052.980
CỔ PHẦN

Giao dịch cổ phiếu quỹ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ ĐẦU NĂM 2019

0
CỔ PHẦN

TRONG NĂM 2019 THỰC HIỆN MUA LẠI

47.052.980
CỔ PHIẾU

thời gian thực hiện từ 29/01/2019 đến 27/02/2019; giá giao dịch bình quân 21.999 đồng/cổ phần

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU QUỸ TẠI 31/12/2019

47.052.980
CỔ PHIẾU

Cơ cấu cổ đông

STT	ĐỐI TƯỢNG	THỜI ĐIỂM 31/12/2019		
		SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL(%)
I	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	371	1.859.291.978	78,36
1	Cổ đông trong nước. Trong đó:	234	1.386.103.969	58,42
1.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	4	923.226.586	38,91
1.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	230	462.877.383	19,51
2	Cổ đông nước ngoài. Trong đó:	137	473.188.009	19,94
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	0	0	0,00
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	137	473.188.009	19,94
II	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	44.439	466.387.322	19,66
1	Cổ đông trong nước. Trong đó:	44.337	465.028.885	19,60
1.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	0	0	0,00
1.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	44.337	465.028.885	19,60
2	Cổ đông nước ngoài. Trong đó:	102	1.358.437	0,06
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	0	0	0,00
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	102	1.358.437	0,06
III	CỔ PHIẾU QUỸ	1	47.052.980	1,98
	TỔNG CỘNG	44.811	2.372.732.280	100,00

(Tại thời điểm 31.12.2019, không có cổ đông là doanh nghiệp nhà nước sở hữu cổ phần tại MB)

Cổng thông tin giao tiếp với cổ đông

Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: www.mbbank.com.Vietnam hoặc liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng Hội đồng quản trị (Địa chỉ liên hệ: Tầng 15 – 21 Cát Linh – Đống Đa - Hà Nội; Điện thoại: 024. 37623326)

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội & chính sách phát triển bền vững



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Với tinh thần Thượng tôn Pháp luật, MB luôn nỗ lực tuân thủ các quy định của Pháp luật, bao gồm pháp luật về Bảo vệ môi trường. MB khuyến khích các Cán bộ nhân viên thực hiện nội dung thông qua việc tham gia tích cực các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường với các cộng đồng mà đơn vị đặt trụ sở như: thu gom rác thải nơi công cộng/ công viên/ bãi biển, phong trào ngày thứ sáu xanh, phong trào 5S (sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ nơi làm việc theo tinh thần 5S Kanzei), phong trào sử dụng tiết kiệm văn phòng phẩm.... Bên cạnh đó, mỗi cán bộ nhân viên MB đều là một tuyên truyền viên tích cực, lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường tại cộng đồng và nơi làm việc.
- Các chủ trương, định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường luôn được MB chú trọng và tích cực triển khai, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về luật pháp và các quy định bảo vệ môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách liên quan đến người lao động

Với MB, Cán bộ nhân viên là tài sản vô giá, quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển toàn diện, hiệu quả, "vững vàng tin cậy" trong suốt 25 năm qua của MB. Do đó, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành luôn chú trọng và đặc biệt quan tâm đến chế độ đãi ngộ hàng năm dành cho Người lao động.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tập đoàn năm 2019 (29,19 triệu đồng) được đảm bảo và cải thiện tốt, gắn liền với quản trị thành tích, năng suất lao động cá nhân, tăng tối thiểu 10% với nhóm nhân sự đạt kết quả từ tốt trở lên. Thu nhập cán bộ nhân viên MB thuộc Top đầu ngân hàng có thu nhập cạnh tranh trên thị trường.

MB xây dựng chế độ lương, thưởng, phúc lợi nhiều ưu việt và cạnh tranh so với thị trường để thu hút, giữ chân nhân sự tốt, xuất sắc. Ngoài các hình thức đãi ngộ truyền thống, năm 2019 MB triển khai thêm các hình thức đãi ngộ, ý nghĩa như: nghỉ ngày sinh nhật của Cán bộ nhân viên; các chương trình tri ân đối với các Cán bộ nhân viên có thâm niên lâu năm gắn bó với nhiều quà tặng ý nghĩa; phát hành cổ phiếu ESOP để ghi nhận, khuyến khích Cán bộ nhân viên có đóng góp nổi trội cho của MB.

MB luôn tuân thủ thực hiện các chế độ theo quy định về BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ - BNN. Bên cạnh đó, MB còn có chế độ khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe & tai nạn nhóm, bảo hiểm nhân thọ, tổ chức du lịch nghỉ mát để tạo sự gắn kết, tái tạo sức lao động cho Cán bộ nhân viên.

Tỷ lệ % người lao động được hưởng thỏa ước tập thể là 100%.



Chính sách đào tạo, phát triển nghề nghiệp cho Cán bộ nhân viên

Công tác Đào tạo và Phát triển của MB luôn được chú trọng trên cơ sở ưu tiên về nguồn lực, chi phí nhằm bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho Cán bộ nhân viên, đáp ứng tốt yêu cầu và định hướng phát triển kinh doanh của Ngân hàng (Tỷ lệ nhân sự được đào tạo đạt 93%, tỷ lệ đào tạo trực tiếp: 26%, tỷ lệ đào tạo trực tuyến 74%).

Giai đoạn 2017 - 2021, MB xác định tầm nhìn chiến lược là trở thành "Ngân hàng thuận tiện nhất" tại Việt Nam với mong muốn tạo sự kết nối chặt chẽ giữa MB với khách hàng - đối tác - nhà đầu tư - nhân viên bằng chất lượng dịch vụ và hiệu quả cao nhất. Dự án đào tạo được triển khai nhằm xây dựng và củng cố phương pháp luận, tiêu chuẩn, giải pháp đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, mang lại cơ hội học tập và phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên toàn hệ thống, đảm bảo mỗi Mber là một đại diện tiêu biểu mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Mô hình Học tập và phát triển tại MB dựa trên triết lý Đặt khách hàng là trọng tâm (Customer Centricity) theo đó hoạt động đào tạo trực tiếp thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Học tập và Sáng tạo nhằm giúp cho các MBers có đủ năng lực cơ bản, bắt buộc để thực hiện nhiệm vụ/vị trí/vai trò cụ thể theo tiêu chuẩn Customer Ready. Hoạt động học tập và phát triển liên tục tại đơn vị sẽ tập trung vào các mục tiêu cao hơn các nhiệm vụ/vai trò/vị trí cụ thể, hướng tới giúp cán bộ nhân viên duy trì và tăng thêm năng lực vượt trội, đặt thành tích cao và phát triển mới tại MB.

Mang sứ mệnh chịu trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của MB và với định hướng chuyển dịch sang một chức năng mới, Trung tâm Học tập và Sáng tạo (tiền thân là Trung tâm Đào tạo) khẳng định và thể hiện vai trò truyền lửa, thúc đẩy và phát triển năng lực, nghiệp vụ của MBers.

Cùng sự đổi thay của MB, một cơ sở vật chất mới cho hoạt động đào tạo và phát triển được xây dựng tại Hub Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh với thiết kế không gian học tập sáng tạo, mới mẻ và những thiết bị học tập hiện đại nhất góp phần tăng trải nghiệm cho học viên. Ý tưởng xuất phát từ hình ảnh ngôi nhà MB - nơi mở khóa tiềm năng của mỗi cá nhân.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương



Lễ trao tặng "Ngôi nhà 100 đồng"

NĂM 2019 MB KINH DOANH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, AN TOÀN, HIỆU QUẢ ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM, BỘ QUỐC PHÒNG ĐÁNH GIÁ CAO. BÊN CẠNH ĐẤY LÀ NGÂN HÀNG VINH DỰ ĐƯỢC MANG TÊN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN ANH HÙNG, MB LUÔN THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM CAO VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG THÔNG QUA CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG.



Dự án trao phòng học tại Yên Bái

Năm 2019, MB đã dành 35,25 tỷ đồng cho chương trình phát triển cộng đồng theo các lĩnh vực ưu tiên như: Đầu tư cho giáo dục, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai.

Năm 2019 MB đã tài trợ 6,26 tỷ đồng cho lĩnh vực giáo dục, trong đó đầu tư xây dựng 2 trường học: Trường tiểu học xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình 3 tỷ đồng; Trường tiểu học và THCS xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái 1,2 tỷ đồng, MB còn hỗ trợ các quỹ khuyến học, tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó, vvv...

Công tác đền ơn đáp nghĩa được MB tiến hành đều đặn, thường xuyên. Các hoạt động Đền ơn đáp nghĩa như: Tặng nhà tình nghĩa, tặng quà các gia đình thương binh,

liệt sĩ; thăm và tặng quà Trung tâm điều dưỡng thương binh, đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa. Năm 2019 kinh phí dành 5,44 tỷ đồng cho công tác đền ơn đáp nghĩa.

Hưởng ứng chương trình "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bỏ lại phía sau" do Thủ tướng phát động MB đã tích cực hưởng ứng dưới các hình thức như: Xây dựng nhà ở, tặng quà cho người nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo. Số tiền dành cho hoạt động này của MB năm 2019 là 2,75 tỷ đồng.

MB luôn phát huy tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc nhất là hỗ trợ đồng bào khi gặp thiên tai. Năm 2019 MB đã Ủng hộ nhân dân vùng bị mưa lũ tỉnh Thanh Hóa khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra 5 tỷ đồng.



Chương trình "Trái tim yêu thương"

35,25 TỶ ĐỒNG

CHO CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

6,26 TỶ ĐỒNG

CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC

5,44 TỶ ĐỒNG

CHO CÔNG TÁC ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA

2,75 TỶ ĐỒNG

XÂY DỰNG NHÀ Ở, TẶNG QUÀ CHO NGƯỜI NGHÈO, ỦNG HỘ QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO

5 TỶ ĐỒNG

ỦNG HỘ NHÂN DÂN VÙNG BỊ MƯA LŨ TỈNH THANH HÓA

Quản trị rủi ro

Tổng quan về quản trị rủi ro

QUẢN TRỊ RỦI RO VƯỢT TRỘI LUÔN LÀ NỀN TẢNG TRỌNG YẾU Ở CÁC GIAI ĐOẠN CHIẾN LƯỢC CỦA MB VÀ CŨNG LÀ CHUYỂN DỊCH RẤT QUAN TRỌNG TRONG NHÓM 4 CHUYỂN DỊCH CHIẾN LƯỢC CỦA NGÂN HÀNG GIAI ĐOẠN 2017-2021, MÀ TRONG ĐÓ TRIỂN KHAI VÀ ỨNG DỤNG BASEL 2 LÀ CỐT LÕI.

Ngày 12/04/2019 MB đã chính thức được Ngân hàng nhà nước phê duyệt áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho MB khẳng định năng lực quản trị rủi ro của MB đã đáp ứng được những tiêu chuẩn quốc tế khắt khe trong lĩnh vực tài chính, vươn lên sánh ngang về chất lượng quản trị với các nước phát triển trong khu vực và trở thành một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, không chỉ năng động trong kinh doanh, đồng thời an toàn trong hoạt động và đáp ứng tiêu chuẩn quản trị tiên tiến.

Đến thời điểm hiện tại, MB đã hoàn thiện cơ bản các dự án thành phần (liên quan tới việc cải tiến mô hình tổ chức, hệ thống văn bản/chính sách,

công cụ đo lường rủi ro...) để làm cơ sở xây dựng nền tảng vững chắc hướng tới việc tuân thủ hoàn toàn Basel 2. Hoạt động quản trị rủi ro tại MB đã bước sang một giai đoạn hoàn toàn mới, hướng tới các hoạt động quản trị chuyên nghiệp và mang tính chuyên sâu hơn dựa trên các mô hình thống kê nội bộ (như tiêu chuẩn IRB đối với rủi ro tín dụng, tiêu chuẩn IMA đối với rủi ro thị trường...). Các khía cạnh cụ thể của từng loại rủi ro cũng được nghiên cứu, khai thác để có các chính sách, quy định quản trị chuyên biệt (ví dụ: Rủi ro tín dụng đối tác, rủi ro công nghệ, rủi ro gian lận, rủi ro tuân thủ...) nhằm đảm bảo lợi ích tối đa cho Ngân hàng và Tập đoàn. Triển khai Basel 2 trở thành bài toán làm thế nào để khai thác được tối đa những lợi ích từ chuẩn mực Quốc tế, chứ không chỉ nhằm tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước.



VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Thông tư 13/2018/TT-NHNN được ban hành ngày 18/05/2018 là văn bản quản lý quan trọng, có ý nghĩa rất lớn của Ngân hàng nhà nước đối với hệ thống ngành ngân hàng tại Việt Nam nói chung và MB nói riêng; là nền tảng để MB chuyển mình một cách toàn diện trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ.

Các hoạt động quản lý cấp cao đã được chuẩn hóa, làm rõ vai trò của các cấp (cấp Hội đồng quản trị, cấp Tổng giám đốc...) trong hoạt động quản trị của Ngân hàng; phân tách trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và cấp Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ đảm bảo (1) Cấp Hội đồng quản trị ban hành chiến lược kinh doanh, chiến lược về văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, kế hoạch vốn định kỳ hàng năm, chính sách quản lý rủi ro (trong đó bao gồm cả khẩu vị rủi ro), và chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc triển khai theo chiến lược, chính sách đã phê duyệt, (2) Cấp Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai chiến lược, chính sách đã được Hội đồng quản trị phê duyệt (với sự tham mưu, tư vấn của các Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn) thông qua việc ban hành các quy định, quy trình nội bộ, các hạn mức rủi ro và định kỳ tự đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả, hiệu lực của quy định/quy trình/hạn mức rủi ro này để có các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

Ngoài ra, MB liên tục tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý thông qua việc ứng dụng mô hình 3 vòng bảo vệ vào hoạt động quản trị của Ngân hàng đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tránh chồng chéo, tăng ý thức trách nhiệm của toàn Ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Trong đó, các khâu tiềm ẩn rủi ro xung đột lợi ích như bán hàng, thẩm định, phê duyệt và hỗ trợ tín dụng được thực hiện bởi các đơn vị độc lập nhau, đảm bảo khách quan, minh bạch. Đồng thời, để kiểm soát tốt rủi ro, hạn chế phát sinh lỗi do sai sót/cố ý vi phạm, MB đã tổ chức tập trung tại Hội sở các chức năng: thẩm định, phê duyệt, hỗ trợ tín dụng; kế toán – tài chính, nhân sự, công nghệ thông tin. Theo đó, các chi nhánh của MB được giải phóng nguồn lực tối đa để phát triển kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát khi quy mô kinh doanh và khối lượng khách hàng ngày càng lớn.



VỀ KHUNG QUẢN TRỊ

Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro tập trung...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO.

Bên cạnh việc quản lý các rủi ro truyền thống, MB đã nhanh chóng tổ chức quản trị rủi ro công nghệ thông tin & ngân hàng số trong bối cảnh kỷ nguyên công nghệ, đảm bảo quản trị rủi ro đồng hành và có khả năng quản trị sát sao với những chuyển dịch mới của Ngân hàng. MB đã và đang áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất để quản trị loại hình rủi ro này như tiêu chuẩn COBIT, ITIL, tiêu chuẩn ISO 27001. Đồng thời, MB cũng nhận diện và thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động tín dụng, hoạt động tự doanh. Cụ thể, trong hoạt động tín dụng, MB thiết lập và quản trị các hạn mức đối với khách hàng, nhóm



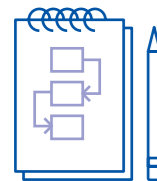
VỀ KHUNG QUẢN TRỊ

(tiếp)

khách hàng và người có liên quan, hạn mức tập trung tín dụng theo sản phẩm/ngành/lĩnh vực kinh tế,...Trong giao dịch tự doanh, MB thực hiện quản lý hạn mức tập trung giao dịch theo đối tác, sản phẩm, loại tiền tệ trên cơ sở tỷ trọng số dư tương ứng.

Đối với các chi nhánh nước ngoài, khung quản lý rủi ro được thiết kế chuyên biệt, phù hợp đặc điểm thị trường và yêu cầu pháp lý tại từng quốc gia sở tại đồng thời vẫn đảm bảo tính kết nối, thống nhất với chiến lược quản lý rủi ro chung của Ngân hàng. Các giới hạn quản trị chi nhánh nước ngoài được theo dõi, giám sát thường xuyên trên cơ sở tương tác chặt chẽ, kịp thời giữa Hội sở – chi nhánh, đảm bảo hiệu quả, an toàn và khẳng định uy tín, vị thế của MB trên trường quốc tế.

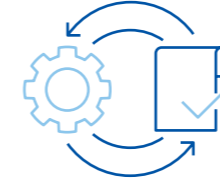
Song song với việc kiện toàn khung quản trị rủi ro tại Ngân hàng, MB cũng đã cơ bản hoàn tất việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro tại các công ty thành viên. Sự kết nối chặt chẽ giữa quản trị rủi ro của Ngân hàng với quản trị rủi ro của các công ty thành viên đảm bảo chiến lược, chính sách về rủi ro được triển khai xuyên suốt, phù hợp và thống nhất trong toàn tập đoàn.



VỀ CÁC MÔ HÌNH CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG RỦI RO

Trên cơ sở yêu cầu của Ủy ban Basel về việc triển khai xây dựng các mô hình lượng hóa rủi ro, cũng như yêu cầu nâng cao năng lực quản trị nội bộ, hỗ trợ hoạt động kinh doanh hiệu quả, bền vững từ đó mang lại giá trị to lớn về dài hạn cho khách hàng, cổ đông và đối tác. MB đã chủ động nghiên cứu triển khai xây dựng và ứng dụng các mô hình theo phương pháp tiên tiến đối với từng loại rủi ro đảm bảo độ chính xác cao, từng bước ứng dụng vào hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành theo thông lệ thực hành các tổ chức tín dụng quốc tế.

Năm 2019, Dự án đo lường rủi ro tín dụng (dự án PD) được triển khai một cách quyết liệt, sâu rộng, với sự tham gia của nhiều đơn vị và chi nhánh trên toàn hệ thống nhằm mục tiêu đẩy nhanh các ứng dụng trong hoạt động kinh doanh với sự tư vấn của đối tác – Experian Singapore Pte Ltd. MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình xếp hạng tín dụng (A Score/B Score/Rating), mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD) và phần mềm tương ứng cho các phân khúc khách hàng (Cá nhân, SME, CIB, FI) theo phương pháp luận tiên tiến, phù hợp với thông lệ, đặc điểm dữ liệu, khách hàng của MB. Các mô hình lượng hóa rủi ro hỗ trợ MB thực hiện chiến lược phát triển bán lẻ trong giai đoạn chiến lược 2017 – 2021 cũng như mở rộng phân khúc doanh nghiệp SME/CIB/FI thông qua việc dự báo được chính xác khả năng vỡ nợ của khách hàng, chuẩn hóa thông tin khách hàng, tiêu chí đánh giá, thẩm định, quản lý và giám sát khách hàng từng bước giảm thời gian xử lý hồ sơ, tăng trải nghiệm của khách hàng trên nhiều kênh. Ngoài ra, MB cũng tập trung triển khai các mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp nâng cao (IRB): LGD – Ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến và EAD – Ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ từng bước chuẩn hóa đo lường tổn thất của khách hàng chính xác, tính toán vốn dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ. Bên cạnh rủi ro tín dụng, MB tiếp tục hoàn thiện, mở rộng phạm vi ứng dụng các công cụ định lượng trong công tác quản trị các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng như rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng... Cụ thể, MB đã triển khai đo lường tự động các giá trị rủi ro của khách hàng định chế tài chính thay thế cho giá trị danh nghĩa theo phương pháp quản trị tiên tiến, đảm bảo các quyết định kinh doanh được cân nhắc thu nhập – rủi ro. Mô hình Var – giá trị chịu rủi ro, mô hình khe hở thanh khoản, khe hở lãi suất NII, EVE tiếp tục được ứng dụng, tinh chỉnh và cập nhật định kỳ. Bộ 3 công cụ Quản trị rủi ro hoạt động (LDC – Thu thập dữ liệu tổn thất, RCSA – Tự đánh giá rủi ro, KRI – Các chỉ số rủi ro chính) được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các mảng nghiệp vụ.



VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO

Ứng dụng công nghệ vào quản trị là một nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động ngân hàng nói chung, và hoạt động quản trị rủi ro nói riêng trong thời đại 4.0. Với quy mô ngày càng phát triển, các phần mềm quản trị rủi ro của MB được tiếp tục cải tiến trên cơ sở kết nối cao với nhu cầu kinh doanh – quản trị, đảm bảo phục vụ đa dạng các nhu cầu của Ngân hàng.

Trong đó, đối với công tác giám sát, quản lý và cảnh báo sớm rủi ro, trên cơ sở theo dõi lịch sử hành vi khách hàng, ứng dụng công cụ thống kê để phân tích dữ liệu lớn, với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ, MB đã chủ động trong việc giám sát hiệu quả chất lượng danh mục tín dụng, cảnh báo kịp thời các khách hàng có dấu hiệu rủi ro, phát hiện sớm hành vi gian lận để chủ động phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất tài chính cũng như những tác động tiêu cực đến uy tín, hình ảnh của Ngân hàng, bảo vệ quyền lợi của khách hàng. Nhờ đó, MB luôn được thị trường và Ngân hàng Nhà nước đánh giá là tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, bảo vệ tốt thành quả kinh doanh đã đạt được trong hơn 25 năm hoạt động.



VỀ VĂN HÓA QUẢN TRỊ RỦI RO

MB luôn đề cao và kiên định xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ. Trong thời gian tới, xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chuyển dịch ngân hàng số nói riêng của MB sẽ đòi hỏi năng lực quản trị rủi ro tiếp tục chuyển mình để đảm bảo quản trị hiệu quả những rủi ro phát sinh từ mô hình kinh doanh mới. Cụ thể, là yêu cầu về nâng cao năng lực đo lường, cảnh báo rủi ro, năng lực phân tích dữ liệu lớn và tăng cường kết nối, tương tác với các đơn vị kinh doanh. Với chiến lược quản trị rủi ro giai đoạn 2017 – 2021 đã được xác định rõ, trong đó lấy việc triển khai và ứng dụng Basel 2 làm cốt lõi, MB đã xác định được rõ ràng lộ trình, các chương trình hành động để củng cố ngày càng vững chắc nền tảng quản trị rủi ro vượt trội đã thiết lập trong thời gian qua. Với những nỗ lực trong thời gian qua, sự bài bản trong triển khai và sự ủng hộ cao của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Ngân hàng, sự quyết tâm đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên..., quản trị rủi ro tại MB chắc chắn sẽ có những bước tiến mới, thay đổi mạnh mẽ về chất và thể hiện tốt vai trò là một trong hai nền tảng vững chắc giúp MB khẳng định vị thế trên thị trường và là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, “năng động trong kinh doanh và chắc chắn trong công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro.”

Hoạt động thị trường vốn xanh

Việt Nam là một quốc gia có tỷ trọng nông lâm nghiệp cao trong cơ cấu nền kinh tế, đồng thời nằm trong khu vực chịu nhiều tác động từ biến đổi khí hậu. Theo đó, cùng với nhận thức về việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội, MB đã chủ động thực hiện các chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về tăng trưởng xanh và quản lý rủi ro môi trường - xã hội: Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, Quyết định số 1731/QĐ-Ngân hàng Nhà nước ngày 31/08/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành kế hoạch hành động của Ngân

hàng thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững...

Tài trợ dự án xanh, dự án phát triển môi trường - xã hội là một định hướng ưu tiên của MB. Về chính sách tín dụng, MB luôn chú trọng và tập trung chuẩn bị các nguồn vốn và điều kiện ưu đãi để tài trợ các dự án xanh, dự án nông lâm nghiệp, bảo vệ môi trường... như tài trợ Chương trình Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.... Về quy trình tín dụng, nội dung đánh giá tác động môi trường - xã hội cũng được tích hợp vào quy trình thẩm định, quy trình kiểm tra giám sát sau tại MB.

Tài trợ dự án xanh, dự án phát triển môi trường - xã hội là một định hướng ưu tiên của MB.



Báo cáo của Ban điều hành

05

72

Kết quả kinh doanh 2019

76

Kế hoạch hoạt động 2020

Kết quả kinh doanh năm 2019

Trong bối cảnh kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm, kinh tế xã hội trong nước đạt nhiều kết quả tích cực. Tăng trưởng GDP đạt 7,02% vượt kế hoạch đề ra. CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch dự kiến 4%, là mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua. Cán cân thương mại thặng dư 9,9 tỷ USD. Ngân hàng nhà nước điều hành thị trường tiền tệ ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao (~ 80 tỷ USD), tỷ giá, giá vàng được kiểm soát ổn định. Tăng trưởng tín dụng ~14%. Kiểm soát nợ xấu toàn hệ thống dưới mức 2%, tích cực triển khai đề án tái cơ cấu.

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MB) ĐÃ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2019 VỚI PHƯƠNG CHÂM “HIỆU QUẢ, AN TOÀN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”, TẬP TRUNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH, TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC THEO KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA TỪ ĐẦU NĂM 2019, VÀ ĐẠT ĐƯỢC CÁC KẾT QUẢ NHƯ SAU:

Kết quả kinh doanh năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	KH 2019	KQ 2019	SO VỚI 2018	SO VỚI KH 2019
1	Tổng tài sản	Tăng ~11%	411.488	113,6%	Vượt kế hoạch
2	Vốn điều lệ	Tăng ~20%	23.727	109,8%	Không đạt
3	Huy động vốn	Tăng ~12%	292.409	119,8%	Vượt kế hoạch
4	Tín dụng (Dư nợ + Trái phiếu doanh nghiệp)	Tăng ~15%	264.920	118,6%	Vượt kế hoạch
5	Tỷ lệ nợ xấu	Tối đa 2%	1,16%		Vượt kế hoạch
6	Lợi nhuận trước thuế	Tăng ~23%	10.036	129,2%	Vượt kế hoạch
	Lợi nhuận trước thuế (riêng MB)	Tăng ~19%	9.286	132,1%	Vượt kế hoạch
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức (*)	~ 14%	Dự kiến ~14%		Hoàn thành

(*) Tỷ lệ chi trả cổ tức cho kết quả tài chính năm 2019



411.488 TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN

14%

SO VỚI NĂM 2018

10.036 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

29%

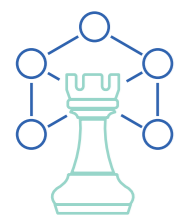
SO VỚI NĂM 2018

MB đã hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao: Tổng tài sản đạt 411.488 tỷ đồng, tăng 14% so với 2018. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 10.036 tỷ đồng, tăng 29% so với 2018, vượt ~ 500 tỷ so với kế hoạch đề ra, thuộc Top 10 Doanh nghiệp trên sàn có lợi nhuận lớn nhất. Nợ xấu toàn tập đoàn kiểm soát chặt chẽ 1,16%, trong đó nợ xấu riêng ngân hàng dưới 0,98%, là một trong những TCTD có chất lượng tín dụng tốt nhất hiện nay. Các chỉ tiêu hiệu quả như ROE đạt ~ 21,79%, thuộc nhóm ngân hàng có hiệu quả cao trong hệ thống.

MB quản lý các chỉ số an toàn đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN: hệ số an toàn vốn Theo thông tư 41 CAR ~ 10,12% (TT41), LDR ~ 73,8%, tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn 32,32% (quy định NHNN ≤ 40%), tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy đổi VND) ~ 20,68% (quy định NHNN tối thiểu 10%). Vị thế ngân hàng được nâng cao, nhiều năm liền được NHNN xếp hạng A (tiêu chuẩn cao nhất) do NHNN ban hành, hệ số tín nhiệm B+ theo xếp hạng quốc tế của Fitch.

Hoạt động của các công ty có sự tăng trưởng tốt. Tổng lợi nhuận trước thuế của các công ty đạt 1.107 tỷ đồng, tăng gấp 1,9 lần so với 2018. Vị thế các Công ty trong ngành được giữ vững: công ty bảo hiểm nhân thọ MB Ageas life là công ty đầu tiên trong ngành bảo hiểm nhân thọ có lợi nhuận đạt gần 200 tỷ đồng sau 3 năm hoạt động; công ty chứng khoán MBS đứng TOP 6 về thị phần môi giới; công ty quản lý quỹ MBC đứng Top 2 về lợi nhuận; MIC hoàn thành tăng vốn điều lệ và hoàn tất hồ sơ đăng ký niêm yết lên sàn HOSE.

Công tác quản lý điều hành



Chiến lược và sáng kiến kinh doanh

Triển khai các dự án chiến lược giai đoạn 2017 – 2019, đảm bảo tiến độ, hiệu quả: dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin với IBM, phát triển APP MBBank và Biz APPs cho doanh nghiệp, ứng dụng mô hình trong quản trị rủi ro (Scoring, PD...), dự án đào tạo theo phương pháp luận mới, chương trình dành cho khách hàng thân thiết - MB stars.

Tiếp cận phát triển kinh doanh cân bằng cả khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Với khách hàng doanh nghiệp, MB duy trì quan hệ chiến lược với Top 100 khách hàng lớn tập trung vào các ngành năng lượng, logistic, điện tử, viễn thông ..., phát triển khách hàng SMEs với cơ sở ~ 48.000 khách hàng. Chú trọng phát triển bán lẻ với mức tăng trưởng dư nợ KHCN là 25%, tỷ trọng dư nợ KHCN chiếm 40,5% tổng dư nợ của MB. Tổng thu nhập hoạt động tập đoàn tăng trưởng 27% so với 2018, Top 2 các ngân hàng về tốc độ tăng trưởng.

Triển khai nhiều sáng kiến kinh doanh mới lấy khách hàng làm trung tâm cho từng phân khúc khách hàng, như mô hình SME care by MB cho khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, mô hình IB cấu trúc vốn cho dự án, doanh nghiệp lớn, mô hình Private banking – liên kết với đối tác Bordier về cung cấp dịch vụ ngân hàng cao cấp chuyên biệt chuẩn Thụy Sĩ dành cho khách hàng thượng lưu tại Việt Nam.

Đầu tư đột phá nhằm chuyển đổi số hóa hoạt động ngân hàng như: dự án hiện đại hóa hạ tầng CNTT với tư vấn IBM kéo dài 5 năm; Hoàn thiện nhiều tính năng đột phá trên APP - MBBank với tư vấn Prophet hàng đầu của Hoa Kỳ, thu hút trên 2,2 triệu user hoạt động, với 65% các giao dịch được thực hiện qua kênh số. Ra mắt Biz-APPs cho doanh nghiệp, hoàn thiện eMB.

Bán chéo sản phẩm dịch vụ trong tập đoàn chuyển biến tích cực, thu từ kinh doanh bảo hiểm tăng 1,5 lần so với 2018, MB thuộc TOP 1 toàn thị trường về doanh thu phí bảo hiểm qua kênh Bancas. Đẩy mạnh phát triển thẻ, thị phần thẻ MB đứng Top 7 hệ thống ngân hàng. Doanh thu dịch vụ và phí chiếm ~ 13% tổng thu nhập hoạt động của MB, liên tục tăng trưởng cao qua các năm.

Năm 2019 MB đã thay đổi nhận diện thương hiệu mới trên cơ sở kế thừa giá trị "vững vàng, tin cậy" phát triển bổ sung các giá trị mới ngân hàng thông minh, tự tin và sẵn sàng kết nối. Thương hiệu MB trong Top 500 ngân hàng có giá trị thương hiệu toàn cầu. Đầu tư cho hoạt động Marketing, đặc biệt Marketing Số.



Công tác quản lý

Quản lý rủi ro và an toàn theo Basel 2, hoàn thiện tổ chức theo 3 tuyến bảo vệ (TT13). Ứng dụng số hóa và các mô hình trong quản trị rủi ro. Hoàn thiện mô hình xếp hạng tín dụng tự động A score và B score.

Quản trị chất lượng nhân sự và trả lương theo năng suất lao động và KPIs. Hoàn thành khung đào tạo chức danh cho các chức danh: lực lượng bán hàng (RM), giao dịch viên, tư vấn viên, chuyên viên hỗ trợ tín dụng, chuyên viên thẩm định. Tổng nhân sự lũy kế tập đoàn đạt 15.691 người, tăng 458 nhân sự so với 2018.

Đầu tư hạ tầng công nghệ, triển khai trên 70 dự án, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh, đặc biệt mô hình kinh doanh số và chuyển đổi số hóa ngân hàng. Chú trọng đảm bảo an toàn thông tin, đạt và duy trì chứng chỉ quốc tế uy tín liên tiếp 03 năm: PCI DSS, ISO 2700 và đảm bảo tuân thủ TT18/NHNN.

Tinh gọn quy trình tín dụng khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp; quy trình phi tín dụng (thẻ, mở tài khoản, tiết kiệm...). Ứng dụng số hoá, tự động hóa toàn bộ các tác vụ giao dịch nội bộ ở các khâu vận hành, thẩm định, phê duyệt (BPM), hành chính (M-Office), 100% RM KHCN sử dụng công cụ Smart RM để bán hàng. Tăng trải nghiệm khách hàng.

Cải tiến chất lượng dịch vụ, chuẩn hóa bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ áp dụng toàn hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch và kênh bán hàng tự động ATM, CDM.

Giữ vững ổn định Chính trị, duy trì và phát triển văn hóa MB. Tích cực tham gia các công tác an sinh xã hội, hoạt động từ thiện, chung tay chia sẻ cộng đồng với số tiền ~ 35,25 tỷ đồng. Năm 2019, MB vinh dự đón nhận Huân chương bảo vệ tổ quốc hạng nhất và nhiều giải thưởng cao quý khác.

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

- Cần đẩy nhanh tốc độ đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin theo kịp sự phát triển của cuộc cách mạng 4.0. Đầu tư mạnh mẽ cho nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
- Kết nối đồng bộ hoạt động kinh doanh của ngân hàng và các công ty để phát huy lợi thế tập đoàn, tăng trải nghiệm cho khách hàng.
- Chiến lược tăng vốn cho tập đoàn vừa đảm bảo vốn cho tăng trưởng, đồng thời đảm bảo ổn định cổ đông chiến lược.

Định hướng kinh doanh năm 2020

Tình hình chung

NĂM 2020, KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ KINH TẾ VIỆT NAM CHỊU NHIỀU ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID 19.

Dự báo GDP toàn cầu sụt giảm dưới 2,5%. Nhiều quốc gia, khu vực chịu tác động suy thoái kinh tế nặng nề và kéo dài. NHTW các nước cắt giảm lãi suất cơ bản mạnh mẽ. Giá cả đầu mỏ, nguyên liệu thô giảm, diễn biến khó lường.

Tình hình kinh tế xã hội trong nước cũng bị ảnh hưởng sâu rộng của đại dịch COVID-19, theo đó dự báo GDP trong nước có thể chỉ đạt ~5,96% (giảm ~0,8% so với kế hoạch). Nhiều ngành kinh tế chịu tác động trực tiếp tổn thương nặng nề như du lịch, khách sạn, dịch vụ lưu trú, hàng không, một số ngành XNK, nông sản xuất khẩu vv... gây thiệt hại cho nhiều doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp SMEs. Trước mắt trong 6 tháng đầu năm 2020, cả nước đều ưu tiên cho phòng chống dịch bệnh, bảo vệ người dân và toàn xã hội.

Trước tình hình đó, ngày 17/3 Ngân hàng nhà nước đã công bố hạ mức lãi suất cơ bản, các mức lãi suất điều hành, hướng dẫn các Ngân hàng thương mại thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, cá nhân bị ảnh hưởng bởi Covid 19 như giảm lãi suất HĐV và cho vay, cơ cấu thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ. Dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn ngành có thể đạt thấp (10% - 12%). Các Ngân hàng thương mại cần tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng và trích lập dự phòng để đối phó với các kịch bản xấu.

Định hướng triển khai kế hoạch năm 2020

MB vẫn tiếp tục kiên định mục tiêu "Duy trì Top 5 các Ngân hàng thương mại về chất lượng hoạt động và hiệu quả, dẫn đầu về ứng dụng số".

Phương châm điều hành củng cố nền tảng, chuyển dịch số, tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng tín dụng tăng theo giới hạn quy định của NHNN, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%, tăng huy động vốn cân đối chi phí vốn phù hợp; quản lý tiết kiệm chi phí và tuân thủ các giới hạn theo quy định.

Một số giải pháp trọng tâm năm 2020

Trước mắt, ưu tiên triển khai các biện pháp khẩn cấp ứng phó đại dịch Covid 19 đảm bảo kinh doanh liên tục, an toàn cho khách hàng, nhân viên và các cơ sở kinh doanh.

Bám sát chỉ đạo của Chính Phủ, Ngân hàng nhà nước cung cấp các gói tín dụng lãi suất ưu đãi, các chính sách hỗ trợ khách hàng. Đánh giá danh mục khách hàng chịu ảnh hưởng dịch Covid 19, phối hợp cùng khách hàng cơ cấu gia hạn thời hạn trả nợ, chính sách miễn giảm lãi suất, phí hợp lý giúp doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

Triển khai các dự án chiến lược đến 2021 bám sát kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017 – 2021. Ưu tiên các dự án hiện đại hóa CNTT với IBM, chuyển đổi số hóa hoạt động ngân hàng.

Thúc đẩy các mô hình bán chéo sản phẩm dịch vụ giữa MB và các Công ty thành viên. Triển khai các giải pháp công nghệ số hỗ trợ bán chéo.

Hoàn thiện mô hình kinh doanh ngân hàng số, thu hút khách hàng tăng mới và chuyển đổi khách hàng sang sử dụng kênh số, kênh giao dịch điện tử.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các mô hình kinh doanh cho từng phân khúc khách hàng như: ngân hàng cộng đồng, SME care, mô hình chuỗi/ngành, IB, Private banking, Bancas, Thẻ tín dụng, Family Banking, mô hình bán hàng tại Sàn giao dịch.

Quy hoạch và thiết kế các sản phẩm chủ lực trên APPs MB và Biz APPs cho KHCN, SME siêu nhỏ, qui trình thuận tiện để giảm chi phí giao dịch, thời gian giao dịch, tạo trải nghiệm tốt cho khách hàng.

Tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng chính sách tín dụng. Quản lý tỷ lệ nợ xấu <2%. Ứng dụng mô hình trong quản trị rủi ro, mô hình hóa xếp hạng tín dụng, xác suất vỡ nợ (PD), mô hình ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), giá trị chịu rủi ro khi vỡ nợ (EAD), mô hình khe hở thanh khoản, khe hở lãi suất, mô hình quản lý kinh doanh liên tục (LDC, RCSA, KRI...) để tăng tốc độ xử lý hồ sơ khách hàng, quản lý rủi ro hiệu quả.

Quản trị nhân sự hiệu quả. Từng bước tinh gọn nhân sự, bộ máy tại Chi nhánh và Hội sở. Duy trì nhân sự như năm 2019 và tăng năng suất lao động. Đổi mới công nghệ đào tạo nhân sự, vận hành hiệu quả 2 Trung tâm học tập & sáng tạo tại Hà Nội và Hồ Chí Minh.

Tối ưu hệ thống mạng lưới Chi nhánh/PGD để tiết giảm chi phí. Ưu tiên số hóa các luồng giao dịch tại Sàn thông qua kênh ngân hàng tự động ATM, CDM, Autobank. Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn giao dịch cho khách hàng tại sàn.

Chuyển đổi số hóa các tác vụ nội bộ như lưu trữ hồ sơ, hành chính trên M-Office, cải tiến quy trình trên BPM, sử dụng công cụ Smart RM trong giao dịch với khách hàng.

Đầu tư phát triển các nền tảng marketing số. Tăng giá trị nhận diện thương hiệu MB và tập đoàn.

Tiết giảm chi phí và tiết kiệm chi phí hoạt động, các khoản chi chưa cấp thiết.

Củng cố giá trị văn hóa MB tạo sự gắn kết đội ngũ, tinh thần đoàn kết, kỷ luật, phát huy sức mạnh tập thể với bản sắc văn hóa riêng MB. Giữ vững ổn định chính trị.

Đánh giá của Hội đồng quản trị

06

80

Những kết quả đạt được trong năm 2019

84

Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai

Những kết quả đạt được trong năm 2019

TIẾP TỤC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC “TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG THUẬN TIỆN NHẤT”, DUY TRÌ “TOP 5 VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ AN TOÀN”, PHƯƠNG CHÂM “HIỆU QUẢ, AN TOÀN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG” CÙNG TÔN CHỈ “THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT”, TOÀN HỆ THỐNG MB ĐÃ TRIỂN KHAI QUYẾT LIỆT CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỚI TINH THẦN “CHIẾN QUYẾT LIỆT, TẠO CÁCH BIỆT”

Giá trị vốn hoá doanh nghiệp MB

(Nghìn tỷ đồng)



15,1%

So với năm 2018

MB GIA NHẬP NHÓM CÁC DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN TRÊN

10.000 TỶ ĐỒNG

Năm 2019, MB đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất MB và các công ty thành viên đạt 10.036 tỷ đồng, tăng trưởng 29% so với năm 2018 (trong đó, lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt 9.286 tỷ đồng, tăng trưởng 32,1% so với năm 2018); đây là năm đầu tiên MB gia nhập nhóm các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng tại Việt Nam; Tỷ lệ nợ xấu của riêng Ngân hàng dưới 1%. Năng suất lao động bình quân/người tăng 20% so với 2018. MB hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 23.727 tỷ đồng; giá trị vốn hóa doanh nghiệp MB tăng 15,1% so với 2018 (tăng từ mức 42.021 tỷ đồng cuối năm 2018 lên 48.374 tỷ đồng cuối năm 2019); cổ phiếu MB thanh khoản cao và được các nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ.

4 chuyển dịch chiến lược “Ngân hàng số”, “Củng cố quan hệ khách hàng”, “Nâng cao năng lực Quản trị rủi ro”, “Quản lý hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên” theo 3 trụ cột (Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số) và 2 nền tảng (Quản trị rủi ro vượt trội và Năng lực thực thi nhanh) được triển khai theo 10 dự án chiến lược trọng điểm hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh, vận hành, bước đầu tạo nhiều dấu ấn quan trọng trong hoạt động kinh doanh, khẳng định uy tín, vị thế của MB trên

thị trường tài chính. Cụ thể: MB hoàn thành dự án đào tạo góp phần tăng Năng lực thực thi cho hệ thống; triển khai mạnh mẽ dự án loyalty cho phân cấp KHCN cao cấp trên cơ sở hợp tác với đối tác Bordier & Cie Singapore; đi đầu trong đầu tư và nghiên cứu triển khai các tính năng ngân hàng số với các ứng dụng APP MBBank (nâng cao tính năng trên App dành cho Khách hàng cá nhân và bắt đầu triển khai Biz App, EMB mới dành cho Khách hàng doanh nghiệp); hoàn thành mô hình chấm điểm A-score cho các sản phẩm lõi Khách hàng cá nhân và hoàn thiện mô hình innovation lab, giúp thu hút được đông đảo khách hàng quan tâm sử dụng, góp phần giúp tổng thu lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 42,2%. Các công ty thành viên tiếp tục hoạt động hiệu quả, an toàn, góp phần vào thành công chung của MB. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế của các công ty thành viên đạt 1.107,1 tỷ đồng, gấp 1,93 lần so với 2018; trong đó MBAL đạt lợi nhuận gần 200 tỷ đồng sau 3 năm hoạt động và MBCapital đứng thứ 2 toàn ngành về Lợi nhuận, có mức ROE và Năng suất lao động cao nhất trong ngành.

Đứng trước các cơ hội và thách thức của cách mạng công nghiệp 4.0, MB tiếp tục đầu tư cho chuyển đổi Công nghệ thông tin với tư vấn của IBM - đối tác tư vấn chiến lược về Công nghệ thông tin để nâng cao năng lực công nghệ đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng cao của các hệ thống lõi và đáp ứng

kịp thời cho chuyển dịch số; hợp tác với Facebook để nâng cao các tính năng trên MB Fanpage; đồng thời, triển khai mua sắm Giải pháp giám sát an ninh tổng thể để cải thiện hệ thống an toàn thông tin, an ninh mạng và đảm bảo tuân thủ Thông tư 18/2019/TT-NHNN. Trong năm, MB đã lựa chọn Prophet là đối tác đồng hành để triển khai đồng bộ Chiến lược Marketing số trên toàn hệ thống. Tháng 11 năm 2019 vào đúng dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, MB ra mắt thành công nhận diện thương hiệu mới, là dấu mốc cho chặng đường phát triển đã qua của MB trong suốt 25 năm, và cũng là khởi đầu cho giai đoạn phát triển tiếp theo của MB với tầm vóc tập đoàn tài chính năng động, định vị là một ngân hàng thông minh, cam kết không ngừng đổi mới để cung cấp những giải pháp sáng tạo và an toàn, song hành cùng nhịp sống và sự phát triển năng động của mọi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Các dự án chiến lược đầu tư phát triển trụ sở cho Ngân hàng tại các địa bàn trọng điểm như dự án trụ sở chính của MB tại 63 Lê Văn Lương, Hà Nội; dự án trụ sở MB khu vực miền Trung tại 54 Điện Biên Phủ thành phố Đà Nẵng, trụ sở MB tại Bình Dương... được triển khai đảm bảo chất lượng.

MB tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước, quản lý chặt chẽ các giới hạn an toàn theo quy định, đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả. Tỷ lệ NPL của MB đến cuối 2019 dưới 1% (thấp hơn mức kế hoạch được ĐHĐCĐ giao là 1,5% và NPL 2018 là 1,2%), thấp hơn NPL toàn ngành (~ 1,8%). MB thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ, tỷ lệ dự phòng /NPL luôn ở mức cao trên 80% và đạt 128% tại thời điểm 31/12/2019, giúp phòng ngừa và sẵn sàng nguồn tài chính để bù đắp các rủi ro phát sinh của khách hàng. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành Quy định về dự phòng rủi ro tại MB, Phương pháp luận xây dựng mô hình xếp hạng Khách hàng doanh nghiệp và chỉ đạo xây dựng/kiện toàn Nội quy Lao động, Quy định về hệ thống Kiểm soát nội bộ, Bộ mã lõi; trong đó phân tách trách nhiệm/chức năng nhiệm vụ các đơn vị, củng cố các rào chắn để phòng ngừa/nhận diện và giảm thiểu rủi ro trong các mặt hoạt động. Với sự chuẩn bị

kỹ lưỡng và nghiêm túc, MB đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn Basel 2/ Thông tư 41 sớm trước thời hạn từ 1/5/2019.

Hội đồng quản trị chỉ đạo rà soát/hoàn thiện/thiết lập các nguyên tắc/tiêu chuẩn/các quy trình/chính sách khung, lõi của MBGroup phù hợp quy định và theo đặc thù hoạt động, thực hành các thông lệ quản trị hiệu quả và theo lộ trình triển khai Basel 2. Đồng thời, trong năm, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức hoạt động và cơ chế vận hành của Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị (sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ

chức hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ; sửa đổi Quy chế tổ chức hoạt động của Ủy ban Nhân sự và Quy chế tổ chức hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro; xây dựng và ban hành mới Quy chế tổ chức hoạt động của Quản trị cấp cao theo thông lệ quản trị và đáp ứng hiệu quả thực tiễn hoạt động Ngân hàng); rà soát và kiện toàn hệ thống phân cấp thẩm quyền theo hướng tăng cường quản trị/giám sát cấp cao, tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước (Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN....) và phù hợp với mô hình mới.

Tháng 11 năm 2019 vào đúng dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, MB ra mắt thành công nhận diện thương hiệu mới, là dấu mốc cho chặng đường phát triển đã qua của MB trong suốt 25 năm, và cũng là khởi đầu cho giai đoạn phát triển tiếp theo của MB.



Ban Lãnh đạo MB cùng toàn thể nhân viên tại lễ thượng cờ ra mắt nhận diện thương hiệu mới



Về công tác nhân sự, trong năm, MB có sự chuyển giao nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông nhiệm kỳ tổ chức vào tháng 4; trong cơ cấu nhiệm kỳ mới bao gồm những thành viên đã công tác từ nhiệm kỳ 2014 - 2019 và những thành viên mới là đại diện của các cổ đông chiến lược (Viettel, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam, SCIC), những nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới ngay sau khi nhận nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao phó, đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức, phân công công tác các Thành viên đảm bảo triển khai các nội dung nhiệm vụ theo quy định. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 tiếp tục tin tưởng và tái bổ nhiệm đối với Tổng Giám đốc MB phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ MB. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công tác đánh giá và sắp xếp nhân sự cấp cao trong hệ thống phù hợp với Chiến lược và các mô hình kinh doanh mới. Việc phát triển đội ngũ nhân sự cấp cao/nhân sự đứng đầu đơn vị có chất lượng; xây dựng nguồn cán bộ có năng lực, tận tâm và sẵn sàng đương đầu với thách thức cũng luôn là công tác trọng tâm được ưu tiên. Hội đồng quản trị đã

chỉ đạo hoàn thành quy hoạch và xây dựng chương trình phát triển Top 50, là nguồn nhân sự kế cận có chất lượng cho MB và các công ty thành viên; chỉ đạo triển khai chương trình "Leader Shift", Giám đốc trải nghiệm, tăng cường luân chuyển để đào tạo, thử thách và đánh giá nhân sự tiềm năng, góp phần tạo ra tính sẵn sàng cao của hệ thống. Dự án "Đổi mới phương pháp đào tạo" được MB triển khai với việc xây dựng đội ngũ giảng viên chuyên trách giàu kinh nghiệm, phương pháp luận về học tập và phát triển hoàn toàn mới với 7 hình thức học tập, nâng cấp Trung tâm đào tạo thành Trung tâm học tập sáng tạo với cơ sở vật chất theo chuẩn quốc tế đã giúp cán bộ nhân viên được củng cố/trang bị nền tảng kiến thức phù hợp với phong cách học tập của từng cá nhân, giúp phát huy tối đa tiềm năng của mỗi con người. Hội đồng quản trị đã luân chuyển/bổ nhiệm một số Giám đốc/Phó Giám đốc Khối chủ chốt và nhân sự cấp cao tại MB và các CTTV; chỉ đạo kiện toàn các quy định/chính sách về nhân sự. Hội đồng quản trị đồng thời chú trọng tới các chính sách gắn kết người lao động, giúp Cán bộ nhân viên yên tâm cống hiến và đóng góp cho tổ chức thông qua triển khai các cơ chế tạo động lực, các chương trình cổ phiếu ưu đãi,

chế độ bảo hiểm nhân thọ cho người lao động và người thân, các chương trình tri ân Cán bộ nhân viên gắn bó trên 10 năm với Ngân hàng nhân dịp Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập.

Năm 2019, Hội đồng quản trị cũng đã nỗ lực thực hiện các cam kết với cổ đông khi hoàn thành tăng vốn điều lệ đợt 1 năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ lên 23.727 tỷ đồng, thông qua trả cổ tức đợt 2/2018 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 8% và phát hành ESOP với tỷ lệ 2%; đồng thời tích cực chỉ đạo triển khai các thủ tục pháp lý đối với phương án tăng vốn đợt 2.2019 thông qua chào bán cổ phiếu quỹ và phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược phù hợp với các điều kiện, tiêu chí được ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị thông qua đảm bảo ổn định cơ cấu cổ đông và góp phần tăng tính thanh khoản cổ phiếu MBB. Trong năm, giá cổ phiếu MBB (sau điều chỉnh) tăng 18,6% so với năm 2018 (ở mức 20.800 đồng/cổ phiếu); Giá trị vốn hóa tăng 15,1% với năm 2018 (tăng từ mức 42.021 tỷ đồng cuối năm 2018 lên 48.374 tỷ đồng cuối năm 2019). Theo đó MB phần nào đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư/các quỹ đầu tư nước ngoài mong muốn nắm giữ cổ phiếu MBB, củng cố tỷ lệ sở hữu của một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gắn bó như Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam, Tổng Công ty May 28, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Cơ cấu cổ đông của MB tiếp tục duy trì được sự ổn định và thống nhất cao trong định hướng quản trị điều hành và hợp tác cùng phát triển. Là tổ chức niêm yết, MB đã thực hiện công khai minh bạch thông tin, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của ngân hàng và của các cơ quan quản lý liên quan.

Với phương châm "có trách nhiệm với xã hội", với định hướng xuyên suốt từ Hội đồng quản trị - Ban Điều hành - toàn thể Cán bộ nhân viên về phương châm "có trách nhiệm với xã hội", toàn hệ thống và các công ty thành viên đã tích cực tham gia các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc với giá trị đóng góp ~ 35 tỷ đồng; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước trên 1.780 tỷ đồng.

Bên cạnh phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/đợt xuất/chuyên đề trong MB Group, Hội đồng quản trị trao đổi thường xuyên để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Trong năm, các cuộc họp Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị được tổ chức định kỳ hàng quý; Hội đồng quản trị vận hành cơ chế tổ chức lấy ý kiến thường xuyên để giải quyết kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định; các Ủy ban của Hội đồng quản trị (Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự) cũng tổ chức họp thường xuyên/đợt xuất để kịp thời tham mưu/tư vấn cho Hội đồng quản trị đối với các nội dung liên quan. Ngoài ra Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị tích cực phát huy vai trò và dành nhiều thời gian làm việc trực tiếp với các đơn vị để đánh giá chính xác tình hình hoạt động và định hướng/chỉ đạo phù hợp với thực tế.

Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các Thành viên Điều hành trong năm 2019, công tác điều hành mọi mặt hoạt động của ngân hàng đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị và

phù hợp quy định pháp luật; năng lực quản trị điều hành ngân hàng được nâng cao, tạo được một số đột phá tích cực khi triển khai các chuyển dịch chiến lược. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong hệ thống được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt trong việc bán chéo, cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.

Như vậy, năm 2019 Hội đồng quản trị MB đã thực hiện tích cực vai trò chức năng quản trị điều hành theo đúng các cam kết với Đại hội cổ đông.

MB giữ vững sự ổn định nội bộ, quản trị tốt rủi ro, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và tạo được nhiều chuyển biến hiệu quả trong hoạt động, được xếp ở vị trí thứ 15 trong 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (tăng 10 bậc so với 2018) theo đánh giá của Vietnam Report và Top 500 Ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất toàn cầu. Bằng những kết quả đạt được, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông; khẳng định vị thế của mình trên thị trường và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và vinh dự được nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhất; Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Giải thưởng Sao Khuê về Công nghệ thông tin.



Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai



BƯỚC VÀO NĂM 2020, KINH TẾ VIỆT NAM NÓI RIÊNG VÀ KINH TẾ THẾ GIỚI NÓI CHUNG ĐỨNG TRƯỚC NHIỀU THÁCH THỨC ĐẾN TỪ DỊCH CÚM DO CHŨNG VIRUS SARS-COV 19 GÂY RA.

Diễn biến dịch cúm không lường trước được này có tác động rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có kinh tế Việt Nam. Theo dự báo của Bloomberg, với kịch bản xấu nhất GDP toàn cầu năm 2020 có thể mất 2.700 tỷ, tương đương với GDP của Anh. Theo Moody's thì GDP toàn cầu (không tính Trung Quốc) có thể giảm 0,3% từ 2,8% xuống 2,5%. Đối với kinh tế Việt Nam theo đánh giá của của Bộ KH-ĐT, GDP Việt Nam có thể giảm 0,55% - 0,84% xuống mức 5,96% - 6,25% tùy theo từng kịch bản. Các ngành chịu tác động mạnh bao gồm du lịch, hàng không, lưu trú, dịch vụ, nông thủy sản xuất khẩu, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Hàng loạt các doanh nghiệp sẽ phá sản nếu dịch tiếp tục kéo dài. Đây là thách thức rất lớn với các mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ Việt Nam và ngành ngân hàng, đặc biệt là khả năng tăng trưởng và chất lượng tài sản và nguy cơ nợ xấu tăng cao.

Đối với MB, năm 2020 là năm bản lề quan trọng để MB phấn đấu hoàn thành các mục tiêu chiến lược 2017 - 2021 đã nêu ra vào năm 2021. Hội đồng quản trị đã đặt ra phương châm năm 2020 của MB là **"Củng cố nền tảng và chuyển dịch số, tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững"**, trong đó, MB đặt **"Ngân hàng số"** là một mục tiêu, chuyển dịch chiến lược tiên quyết cho Chiến lược giai đoạn hiện nay. Đồng thời, MB tiếp tục giữ vững tôn chỉ **"Thượng tôn pháp luật"** cùng với mục tiêu **"Duy trì Top 5 về chất lượng hoạt động, hiệu quả; Dẫn đầu về ứng dụng số"**.

MB đặt quyết tâm triển khai thành công chiến lược phát triển ngân hàng dựa trên 3 trụ cột (Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số), 2 nền tảng (Quản trị rủi ro vượt trội, năng lực thực thi nhanh); Thực hiện hiệu quả 4 chuyển dịch chiến lược: xây dựng ngân hàng số; củng cố quan hệ khách hàng; nâng cao năng lực quản trị rủi ro và quản lý hiệu quả hoạt động các công ty. Để chuẩn bị phát triển dài hạn, trên cơ sở nghiên cứu bài học kinh nghiệm, kế thừa phát huy những thành tựu đạt được của Chiến lược giai đoạn 2017 - 2021, MB sẽ chuẩn bị xây dựng Chiến lược 2021 - 2026 và tầm nhìn đến 2030.

Năm 2020, MB tiếp tục chú trọng đầu tư xây dựng giá trị thương hiệu MB có quy mô tầm khu vực; hoàn thiện bổ sung giá trị văn hóa doanh nghiệp; đầu tư chiều sâu về con người, công nghệ để tạo năng lực cạnh tranh bền vững. MB sẽ chuyển trụ sở Ngân hàng về địa chỉ mới 63 Lê Văn Lương với diện tích làm việc rộng rãi, khang trang hơn, trong đó các cơ sở vật chất làm việc và phục vụ khách hàng theo đúng tiêu chuẩn hiện đại, đa năng, hướng đến khách hàng. MB tiếp tục cập nhật và áp dụng các xu hướng của thị trường đồng thời nghiên cứu và định hướng hoàn chỉnh mô hình tập đoàn tài chính trên ứng dụng nền tảng số hóa để củng cố kết nối hệ sinh thái khách hàng, dịch vụ, sản phẩm giữa ngân hàng với các công ty. MB quản lý hoạt động của các Công ty thành viên thông qua các cơ chế/ tiêu chuẩn quản trị đảm bảo giám sát chặt chẽ về hiệu quả trên cơ sở tăng tính chủ động của các công ty và tăng

tỷ trọng đóng góp lợi nhuận của các công ty trong tập đoàn phù hợp mục tiêu chiến lược.

Với mục tiêu đảm bảo lợi ích tối đa cho đối tác, cổ đông và khách hàng, MB sẽ tiếp tục ổn định cơ cấu cổ đông và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, nỗ lực không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ với mong muốn đến lại các sản phẩm tiện ích và giá trị gia tăng.

Các mục tiêu kinh doanh 2020 thực sự là thách thức trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nguy cơ suy thoái vì dịch SARS-CoV 19 hiện nay. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành MB quyết tâm nỗ lực, tìm kiếm các cơ hội trong bối cảnh khó khăn để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Hội đồng quản trị cam kết lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao và đồng hành cùng Ban Điều hành, đưa MB vững bước tiến lên hoàn thành, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và kế hoạch được giao, đồng thời các công ty thành viên phấn đấu bám đuổi mục tiêu hiệu quả mà MB đang duy trì, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường bán chéo với các đơn vị trong toàn hệ thống MB, góp phần cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói nhiều tiện ích tới khách hàng, giúp gia tăng giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư.

Quản trị doanh nghiệp

07

88

Hoạt động của Hội đồng quản trị

94

Hoạt động của Ban kiểm soát

97

Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, Ban giám đốc

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Tổng hợp số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị và các ủy ban/Hội đồng của Hội đồng quản trị đã tổ chức 50 phiên họp để định hướng, chỉ đạo hoạt động của MB và các Công ty thành viên, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB, hỗ trợ hiệu quả cho Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh; trong đó:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2014 - 2019 ĐÃ TỔ CHỨC

24 PHIÊN HỌP

(gồm 9 phiên họp Hội đồng quản trị và 15 phiên họp theo cơ chế Thường trực Hội đồng quản trị, các ủy ban/Hội đồng của Hội đồng quản trị).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2019 - 2024 ĐÃ TỔ CHỨC

26 PHIÊN HỌP

(gồm 5 phiên họp Hội đồng quản trị và 21 phiên họp theo cơ chế các Ủy ban và Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị).

Chi tiết thống kê sự tham gia của các Thành viên Hội đồng quản trị tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị và các Ủy ban trong năm như sau:

STT	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	SỐ BUỔI HỌP /ỦY QUYỂN THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
I NHIỆM KỲ 2014 - 2019							
1	Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 23.04.2014	22/22	100%		Phụ trách chung toàn bộ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên TT Hội đồng quản trị, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
2	Lưu Trung Thái (Người được ủy quyền CBTT)	Phó Chủ tịch kiêm TGD	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 23.04.2014	24/24	100%		Thành viên TT Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
3	Lê Công	Phó Chủ tịch	Không còn là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	24/24	100%		Thành viên TT Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro
4	Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ/ 23.04.2014	24/24	100%		Thành viên TT Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
5	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 23.04.2014	24/24	100%		Thành viên TT Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
6	Hà Tiến Dũng	Thành viên	Không còn là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	9/9	100%		
7	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Không còn là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	9/9	100%		
8	Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên	Không còn là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	9/9	100%		

STT	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	SỐ BUỔI HỌP /ỦY QUYẾN THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
9	Nguyễn Văn Huệ	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Không còn là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	11/11	100%		Thành viên Ủy ban Quản trị rủi ro
10	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	Không còn là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	8/8	100%		

II NHIỆM KỲ 2019 - 2024

1	Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị	23.04.2014 Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019	18/18	100%		Phụ trách chung toàn bộ hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị cấp cao (từ 24/05/2019), Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
2	Lưu Trung Thái (Người được ủy quyền CBTT)	Phó Chủ tịch kiêm TGD	23.04.2014 Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019	24/24	100%		Thành viên các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
3	Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	11/16	68,75%	Lịch công tác	Thành viên Ủy ban Quản trị cấp cao (từ 24/05/2019), Ủy ban Nhân sự
4	Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	26/26	100%		Thành viên Ủy ban Quản trị cấp cao (từ 24/05/2019), Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị. Chủ nhiệm Ủy ban QLRR (từ 24/05/2019)
5	Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	23.04.2014 Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019	25/26	96,15%	Lịch công tác	Thành viên Ủy ban Quản trị cấp cao (từ 24/05/2019), Ủy ban QLRR, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	SỐ BUỔI HỌP /ỦY QUYẾN THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
6	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	23.04.2014 Tái bổ nhiệm ngày 27.04.2019	24/26	92,31%	Lịch công tác	Thành viên Ủy ban Quản trị cấp cao (từ 24/05/2019), Ủy ban QLRR, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
7	Lê Viết Hải	Thành viên	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019		26/26	100%	Thành viên Ủy ban Quản trị cấp cao (từ 24/05/2019), Ủy ban QLRR, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
8	Kiểu Đặng Hùng	Thành viên	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	5/5	100%		
9	Ngô Minh Thuận	Thành viên	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	5/5	100%		
10	Vũ Thái Huyền	Thành viên	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	5/5	100%		
11	Trần Trung Tín	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Bắt đầu là TV Hội đồng quản trị từ 27.04.2019	11/11	100%		Thành viên Ủy ban QLRR

Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

Thông tin các Thành viên Ủy ban

ỦY BAN QUẢN TRỊ CẤP CAO NHIỆM KỲ 2019 - 2024

- a) Ông Lê Hữu Đức - Chủ nhiệm Ủy ban
- b) Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
- c) Bà Vũ Thị Hải Phượng - Thành viên Ủy ban
- d) Ông Đỗ Minh Phương - Thành viên Ủy ban
- e) Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
- f) Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
- g) Ông Lê Viết Hải - Thành viên Ủy ban

ỦY BAN NHÂN SỰ

Nhiệm kỳ 2014 - 2019

- h) Ông Lê Hữu Đức - Chủ nhiệm Ủy ban
- i) Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
- j) Ông Lê Công - Thành viên Ủy ban
- k) Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
- l) Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
- m) Ông Trần Minh Đạt - Bí Thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc - Thành viên Ủy ban

Nhiệm kỳ 2019 - 2024

- a) Ông Lê Hữu Đức - Chủ nhiệm Ủy ban
- b) Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
- c) Bà Vũ Thị Hải Phượng - Thành viên Ủy ban
- d) Ông Đỗ Minh Phương - Thành viên Ủy ban
- e) Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
- f) Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
- g) Ông Lê Viết Hải - Thành viên Ủy ban
- h) Ông Trần Minh Đạt - Bí Thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc - Thành viên Ủy ban

ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhiệm kỳ 2014 - 2019

- a) Ông Lê Công - Chủ nhiệm Ủy ban
- b) Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
- c) Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
- d) Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
- e) Ông Nguyễn Văn Huệ - Thành viên Ủy ban/Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Nhiệm kỳ 2019 - 2024

- a) Bà Vũ Thị Hải Phượng - Chủ nhiệm Ủy ban
- b) Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
- c) Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
- d) Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
- e) Ông Lê Viết Hải - Thành viên Ủy ban
- f) Ông Trần Trung Tín - Thành viên Ủy ban/Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- g) Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó Tổng Giám đốc - Thành viên Ủy ban

Thông tin về tình hình hoạt động của các Ủy ban của Hội đồng quản trị trong năm

ỦY BAN QUẢN TRỊ CẤP CAO

Được thành lập mới và chính thức vận hành sau Đại hội đồng cổ đông (27/04/2019), đã tổ chức họp 06 lần để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: tham vấn ý kiến cho Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị về Kế hoạch tổ chức chương trình Kỷ niệm 25 năm thành lập MB; phương án tăng vốn của MB năm 2019; phương án gia hạn hợp đồng thuê trụ sở Chi nhánh Sài Gòn; chủ trương đầu tư mua sắm phần mềm Microsoft; phương án đầu tư, triển khai nâng cấp hạ tầng lõi, ngoài lõi và mở rộng hạ tầng dữ liệu thông tin; phương án triển khai đầu tư các hạng mục Công nghệ thông tin; định hướng kế hoạch hoạt động của MB và các công ty thành viên năm 2020...

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Được kiện toàn tổ chức từ Ủy ban Quản trị rủi ro và chính thức vận hành sau Đại hội đồng cổ đông (27/04/2019), đã tổ chức 02 lần họp theo cơ chế Ủy ban Quản trị rủi ro và 06 lần theo cơ chế Ủy ban Quản lý rủi ro để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: tổ chức kiện toàn nhân sự và hoạt động của Ủy ban phù hợp quy định pháp luật và hướng đến thông lệ quản trị tốt; đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban QLRR năm 2018 và định kỳ quý năm 2019, tình hình các rủi ro trọng yếu và kết quả thực hiện dự án PD (nghiệm thu phương pháp luận mô hình A,B score của Khách hàng cá nhân; cut off A-score Khách hàng cá nhân); tham mưu Hội đồng quản trị các nội dung sửa đổi/bổ sung/điều chỉnh các Chính sách Quản lý rủi ro của MB.

ỦY BAN NHÂN SỰ

Được kiện toàn tổ chức sau Đại hội đồng cổ đông (27/04/2019), đã tổ chức 09 lần họp để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: đánh giá thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị năm 2018 và 6 tháng năm 2019; phỏng vấn 17 lượt ứng viên và tham mưu Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm/bổ nhiệm lại/giao nhiệm vụ cho nhân sự cấp cao của một số vị trí chủ chốt: Thành viên Ban Điều hành, Quyền GD Nhân sự, Quyền GD Tài chính; Quyền GD Khối Đầu tư; Giám đốc Phê duyệt tín dụng cấp 3, Quyền GD của một số Chi nhánh MB, nhân sự cấp cao của MCredit; tham mưu Hội đồng quản trị chỉ đạo sửa đổi/điều chỉnh một số quy định về nhân sự của MB (Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp).

Hoạt động của Ban kiểm soát

NĂM 2019 LÀ NĂM CHUYỂN GIAO BAN KIỂM SOÁT GIỮA 2 NHIỆM KỲ 2014-2019 VÀ 2019-2024, ĐỒNG THỜI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ÁP DỤNG NHIỀU QUY ĐỊNH MỚI VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, KIỂM TOÁN, GIÁM SÁT VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO. BAN KIỂM SOÁT MB ĐÃ NỖ LỰC TRIỂN KHAI VÀ HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH NỘI BỘ VÀ KẾ HOẠCH ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA, VỚI CÁC NỘI DUNG CHÍNH NHƯ SAU:

Kiện toàn, đổi mới hoạt động của Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã thông qua bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới gồm 04 thành viên, là những nhân sự có trình độ năng lực và gắn bó nhiều năm với MB. Ngay sau Đại hội, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 nhận bàn giao từ Ban Kiểm soát tiền nhiệm, đồng thời ổn định tổ chức hoạt động, và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát để phát huy thế mạnh về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của từng thành viên.

Trên cơ sở kế thừa các giá trị và thành quả đã có, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 tiếp tục kiện toàn công tác xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát đảm bảo triển khai hiệu quả và hoàn thành kế hoạch đề ra; đổi mới công tác phối hợp/giám sát gắn với hoạt động quản lý kinh doanh của ngân hàng và bao quát toàn diện từ Hội sở đến các chi nhánh trong nước, chi nhánh nước ngoài và công ty thành viên; thống nhất cơ chế phối hợp và làm việc định kỳ với Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả kiểm tra, giám sát và công tác chỉnh sửa kiến nghị sau kiểm tra, kiểm toán/giám sát.

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát tổ chức họp để đánh giá tình hình triển khai hoạt động của Ban Kiểm soát, kết quả giám sát hoạt động quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh và kết quả giám sát đối với kiểm toán nội bộ trong quý. Ngoài các cuộc họp định kỳ, Ban Kiểm soát cũng tổ chức nhiều cuộc họp theo chương trình hành động của Ban Kiểm soát và theo yêu cầu công việc khác để kịp thời phát hiện, kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành kiện toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro của MB.

Kiện toàn hệ thống quy định nội bộ của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát đối với việc tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động quản trị điều hành, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh MB, hoạt động giám sát tập trung vào: Giám sát đối với hoạt động quản lý cấp cao, giám sát tài chính và đầu tư của MB, công ty thành viên; giám sát triển khai chiến lược; công tác tái cơ cấu ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước gắn với xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát giao dịch với bên liên quan.

Thông qua giám sát cho thấy, nhìn chung MB đã tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông; hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2019, các chỉ tiêu quy mô, hiệu quả đều vượt kế hoạch; cơ bản kiểm soát tốt rủi ro và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động; tình hình tài chính MB và các công ty thành viên minh bạch, hiệu quả; giao dịch với bên liên quan được thực hiện phù hợp với quy định.

Thực hiện hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát đối với việc tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động quản trị điều hành, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh MB, hoạt động giám sát tập trung vào: Giám sát đối với hoạt động quản lý cấp cao, giám sát tài chính và đầu tư của MB, công ty thành viên; giám sát triển khai chiến lược; công tác tái cơ cấu ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước gắn với xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát giao dịch với bên liên quan.

Thông qua giám sát cho thấy, nhìn chung MB đã tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông; hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2019, các chỉ tiêu quy mô, hiệu quả đều vượt kế hoạch; cơ bản kiểm soát tốt rủi ro và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động; tình hình tài chính MB và các công ty thành viên minh bạch, hiệu quả; giao dịch với bên liên quan được thực hiện phù hợp với quy định.

Thẩm định báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Cơ quan Kiểm toán nội bộ thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, 1 năm theo đúng quy định; đồng thời thực hiện giám sát độc lập quá trình kiểm toán và kết quả kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập EY về kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, đảm bảo báo cáo tài chính riêng MB và hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của MB năm 2019.

Chỉ đạo và giám sát hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ qua đó nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ, hệ thống giám sát

Ban Kiểm soát đã định hướng và chỉ đạo Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB và Trường Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên các Công ty thành viên triển khai hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch các chương trình kiểm soát, kiểm toán năm 2019 tại MB và Công ty thành viên. Kết quả kiểm tra, kiểm toán đã kịp thời chỉ ra các tồn tại kiến nghị quan trọng cần tập trung chỉnh sửa, hoàn thiện nhằm tuân thủ các quy định, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro cho MB và Công ty thành viên.

Bên cạnh việc chỉ đạo triển khai các chương trình kiểm tra, kiểm toán, Ban Kiểm soát cũng tập trung chỉ đạo và hỗ trợ kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ thông qua việc: lựa chọn và bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cho kiểm toán nội bộ MB và Công ty thành viên; chỉ đạo tăng cường đào tạo kiến thức kiểm toán/giám sát theo các thông lệ tốt nhất, đặc biệt là các kiến thức kiểm toán gắn với chuyển đổi số...; cải tiến quy trình, phương pháp làm việc/tác nghiệp của kiểm toán nội bộ; đổi mới công tác báo cáo/kết luận kiểm toán qua đó nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian kết luận các chương trình kiểm toán... góp phần nâng cao vai trò kiểm toán, tư vấn và gia tăng giá trị cho MB, Công ty thành viên. Các phát hiện kiểm toán đã được các đơn vị tích cực chỉnh sửa và hoàn thiện.

Cập nhật danh sách người có liên quan

Ban Kiểm soát đã thực hiện quản lý và cập nhật định kỳ danh sách cổ đông sách lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành của MB theo đúng quy định pháp luật.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc

Thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2019. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo phù hợp Điều lệ MB, các quy định nội bộ của MB về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có số lượng cổ phiếu phát sinh tăng trong kỳ do tham gia chương trình tăng vốn điều lệ năm 2019.
- Người liên quan của người nội bộ có phát sinh giao dịch trong kỳ cụ thể như sau:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
1	Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị MB	143.061	0,0066	550.505	0,0232	Tăng vốn điều lệ 2019
2	Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc MB	579.498	0,0268	1.540.857	0,0649	
3	Bà Lưu Thiều Thu	Ông Lưu Trung Thái- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị MB kiêm Tổng Giám đốc là Anh trai của Bà Lưu Thiều Thu	5.603	0,0003	14.751	0,0006	Tăng vốn điều lệ 2019
4	Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB	720.491	0,0333	1.268.130	0,0534	Tăng vốn điều lệ 2019
5	Ông Trần Minh Tuấn	Bà Vũ Thị Hải Phượng- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB là vợ của Ông Trần Minh Tuấn	18.655	0,0009	20.147	0,0008	Tăng vốn điều lệ 2019
6	Ông Trần Vũ Hà Duy	Bà Vũ Thị Hải Phượng- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB là mẹ của Ông Trần Vũ Hà Duy	8.009	0,0004	8.649	0,0004	Tăng vốn điều lệ 2019
7	Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB	31.921	0,0015	34.474	0,0015	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
8	Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội/ Vietnam Military Telecommunications Group (Viettel)	Ông Đỗ Minh Phương- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB là Phó Tổng giám đốc của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	315.661.185	14,6109	340.914.079	14,3680	Tăng vốn điều lệ 2019
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị MB	89.935	0,0042	347.129	0,0146	Tăng vốn điều lệ 2019
10	Ông Nguyễn Hữu Doanh	Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thành viên Hội đồng quản trị MB là con gái của Ông Nguyễn Hữu Doanh	34.569	0,0016	37.334	0,0016	Tăng vốn điều lệ 2019
11	Bà Đỗ Thị Ngọc Bảo	Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thành viên Hội đồng quản trị MB là con gái của Bà Đỗ Thị Ngọc Bảo	88.391	0,0041	95.462	0,0040	Tăng vốn điều lệ 2019
12	Ông Nguyễn Hữu Bảo Khánh	Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thành viên Hội đồng quản trị MB là chị gái của Ông Nguyễn Hữu Bảo Khánh	3.149	0,0001	3.400	0,0001	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỶ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỶ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
13	Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital/ Japan Asia MB Capital Fund	Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thành viên Hội đồng quản trị MB là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ đầu tư MB – đơn vị quản lý Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital	0	0	3.053.991	0,1287	Mua cổ phiếu; tăng vốn điều lệ 2019
14	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Hội đồng quản trị MB	539.556	0,0250	850.000	0,0358	Tăng vốn điều lệ 2019
15	Ông Trần Trọng Hương	Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị MB là vợ của Ông Trần Trọng Hương	271.000	0,0125	0	0	Bán cổ phiếu; tăng vốn điều lệ 2019
16	Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị MB	0	0	100.000	0,0042	Tăng vốn điều lệ 2019
17	Bà Nguyễn Kim Lan	Ông Kiều Đặng Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị MB là chồng của Bà Nguyễn Kim Lan	540	0,0000	151	0,0000	Bán cổ phiếu; tăng vốn điều lệ 2019
18	Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH	Ông Kiều Đặng Hùng- Thành viên Hội đồng quản trị MB là Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH	167.736.174	7,7639	181.155.067	7,6349	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỶ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỶ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
19	Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt nam- Công ty TNHH- Cty Trực thăng Miền Nam	Ông Kiều Đặng Hùng- Thành viên Hội đồng quản trị MB là Tổng giám đốc của Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH, là công ty mẹ của Chi nhánh Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH-Cty Trực thăng Miền Nam	8.645.347	0,4002	9.336.973	0,3935	Tăng vốn điều lệ 2019
20	Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị MB	9	0,0000	100.009	0,0042	Tăng vốn điều lệ 2019
21	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Ông Ngô Minh Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị MB là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	161.001.285	7,4522	173.881.387	7,3283	Tăng vốn điều lệ 2019
22	Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên Hội đồng quản trị MB	0	0	50.000	0,0021	Tăng vốn điều lệ 2019
23	Ông Vũ Việt Sơn	Bà Vũ Thái Huyền- Thành viên Hội đồng quản trị MB là em gái Ông Vũ Việt Sơn	0	0	4.000	0,0002	Mua cổ phiếu

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
24	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC)	Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên Hội đồng quản trị MB- là đại diện phần vốn góp của SCIC vào MB	210.440.790	9,7406	227.276.053	9,5787	Tăng vốn điều lệ 2019
25	Công ty TNHH MTV SCIC	Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên Hội đồng quản trị MB- là đại diện phần vốn góp của SCIC vào MB, chủ sở hữu Công ty TNHH MTV SCIC	1.664.561	0,0770	1.192.553	0,0503	Bán cổ phiếu; tăng vốn điều lệ 2019
26	Ông Lê Viết Hải	Thành viên Hội đồng quản trị MB	84.013	0,0039	340.734	0,0144	Tăng vốn điều lệ 2019
27	Bà Vũ Hoàng Yến	Ông Lê Viết Hải - Thành viên Hội đồng quản trị MB là chồng Bà Vũ Hoàng Yến	1	0,0000	1	0,0000	
28	Ông Lê Công Sòa	Ông Lê Viết Hải- Thành viên Hội đồng quản trị MB là con trai Ông Lê Công Sòa	20.547	0,0010	22.190	0,0009	Tăng vốn điều lệ 2019
29	Bà Lê Thị Hải Yến	Ông Lê Viết Hải- Thành viên Hội đồng quản trị MB là anh trai Bà Lê Thị Hải Yến	1.321	0,0001	1.426	0,0001	Tăng vốn điều lệ 2019
30	Ông Trần Trung Tín	Thành viên Hội đồng quản trị MB độc lập	0	0	275.000	0,0116	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
31	Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban Kiểm soát MB	678.678	0,0314	982.972	0,0414	Tăng vốn điều lệ 2019
32	Ông Lê Xuân Linh	Bà Lê Thị Lợi- Trưởng Ban Kiểm soát MB- Là em gái Ông Lê Xuân Linh	2	0,0000	2	0,0000	Tăng vốn điều lệ 2019
33	Bà Lê Thị Lai	Bà Lê Thị Lợi- Trưởng Ban kiểm soát MB- Là em gái Bà Lê Thị Lai	1	0,0000	1	0,0000	Tăng vốn điều lệ 2019
34	Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	2.045.746	0,0947	2.309.405	0,0973	Tăng vốn điều lệ 2019
35	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban Kiểm soát	28.730	0,0013	131.027	0,0055	Tăng vốn điều lệ 2019
36	Ông Nguyễn Hải	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai- Thành viên Ban kiểm soát MB- là vợ Ông Nguyễn Hải	30.943	0,0014	119.418	0,0050	Tăng vốn điều lệ 2019
37	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai- Thành viên Ban Kiểm soát MB- là chị gái Bà Đỗ Thị Mai Hương	1.978	0,0001	3.736	0,0002	Tăng vốn điều lệ 2019
38	Bà Phạm Thu Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	495.466	0,0229	635.103	0,0268	Tăng vốn điều lệ 2019
39	Ông Đinh Hồng Hải	Bà Phạm Thu Ngọc- Thành viên Ban kiểm soát MB- là vợ Ông Đinh Hồng Hải	718	0,0000	775	0,0000	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẤU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẤU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
40	Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc MB	907.394	0,0420	1.239.985	0,0523	Tăng vốn điều lệ 2019
41	Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên cao cấp Ban Điều hành MB	149.135	0,0069	411.065	0,0173	Tăng vốn điều lệ 2019
42	Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc MB	349.498	0,0162	904.457	0,0381	Tăng vốn điều lệ 2019
43	Ông Phạm Thanh Bình	Bà Phạm Thị Trung Hà- Phó Tổng Giám đốc MB- là Chị gái Ông Phạm Thanh Bình	1.528	0,0001	1.650	0,0001	Tăng vốn điều lệ 2019
44	Ông Uông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc MB	80.458	0,0037	186.894	0,0079	Tăng vốn điều lệ 2019
45	Bà Ngô Thị Xuyên	Ông Uông Đông Hưng- Phó tổng giám đốc MB là con trai của bà Ngô Thị Xuyên	21.747	0,0010	23.486	0,0010	Tăng vốn điều lệ 2019
46	Bà Uông Thị Hải Yến	Ông Uông Đông Hưng- Phó Tổng Giám đốc MB là anh trai của Bà Uông Thị Hải Yến	157	0,0000	169	0,0000	Tăng vốn điều lệ 2019
47	Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc MB	10.007	0,0005	110.807	0,0047	Tăng vốn điều lệ 2019
48	Ông Lê Hiếu	Ông Lê Hải- Phó Tổng Giám đốc MB là em trai của Ông Lê Hiếu	984	0,0000	1.062	0,0000	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẤU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẤU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
49	Ông Lê Trung	Ông Lê Hải- Phó Tổng Giám đốc MB là anh trai của Ông Lê Trung	2.927	0,0001	3.161	0,0001	Tăng vốn điều lệ 2019
50	Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc MB	345.701	0,0160	1.295.357	0,0546	Tăng vốn điều lệ 2019
51	Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc MB	34.946	0,0016	137.741	0,0058	Tăng vốn điều lệ 2019
52	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Ông Hà Trọng Khiêm - Phó Tổng Giám đốc MB là chồng của Bà Nguyễn Quỳnh Mai	8.134	0,0004	460.945	0,0194	Tăng vốn điều lệ 2019; bị thu hồi cổ phiếu do nghỉ việc
53	Ông Hà Trọng Khoa	Ông Hà Trọng Khiêm- Phó TGD MB là anh trai của Ông Hà Trọng Khoa	30.366	0,0014	48.395	0,0020	Tăng vốn điều lệ 2019
54	Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc MB	433.675	0,0201	1.129.369	0,0476	Tăng vốn điều lệ 2019
55	Ông Lê Quốc Bình	Ông Lê Quốc Minh- Phó Tổng Giám đốc MB là em trai của ông Lê Quốc Bình	2.891	0,0001	3.122	0,0001	Tăng vốn điều lệ 2019
56	Ông Lê Quốc Dũng	Ông Lê Quốc Minh- Phó TGD MB là anh trai của Ông Lê Quốc Dũng	5.537	0,0003	26.679	0,0011	Tăng vốn điều lệ 2019
57	Bà Đặng Thúy Dung	Kế Toán trưởng	73.181	0,0034	99.035	0,0042	Tăng vốn điều lệ 2019

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
58	Bà Vũ Thị Tuất	Bà Đặng Thúy Dung- Kế toán trưởng MB- là con gái Bà Vũ Thị Tuất	98.904	0,0046	106.816	0,0045	Tăng vốn điều lệ 2019
59	Bà Đặng Thị Thủy	Bà Đặng Thúy Dung- Kế toán trưởng MB- là chị gái Bà Đặng Thị Thủy	66.941	0,0031	72.296	0,0030	Tăng vốn điều lệ 2019
60	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính	189.689	0,0088	700.864	0,0295	Tăng vốn điều lệ 2019
61	Công đoàn cơ sở MB	Tổ chức chính trị xã hội của MB	1.946.510	0,0901	7.404.707	0,3121	Thu hồi cổ phiếu; tăng vốn điều lệ 2019

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh nội dung công bố

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong những năm qua, MB luôn tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty; đồng thời thường xuyên tiếp thu, cập nhật thông lệ quản trị công ty tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành tại MB. Theo đó, MB đã kiện toàn các Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Điều hành, Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán... phù hợp với quy định về quản trị công ty. Bên cạnh đó, MB luôn tự hào là một trong những Ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách đối với các bên có liên quan (cổ đông, đối tác, khách hàng và Cán bộ nhân viên, cộng đồng địa phương).

Đối với cổ đông, MB đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời, cam kết: 1) Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất để bảo vệ giá trị cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi cổ đông; 2) Cam kết cung cấp các bản báo cáo tài chính chất lượng, chính trực và minh bạch; 3) Cập nhật các cổ đông về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với đối tác và khách hàng, MB nỗ lực không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ và chú trọng đến những trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ với mong muốn đến lại các sản phẩm tiện ích và giá trị gia tăng; Các chính sách quản trị rủi ro, tín dụng của MB phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, kiểm soát rủi ro chặt chẽ và hướng đến sự đảm bảo về an toàn cho các dịch vụ cung cấp tới khách hàng. MB là đối tác tin cậy được đánh giá cao với chính sách và chất lượng dịch vụ tốt.

Đối với Cán bộ nhân viên, MB tạo công ăn việc làm cho gần 16.000 người lao động trong toàn hệ thống; MB có các chính sách quản lý, đãi ngộ và phát triển nhân sự tiên tiến được áp dụng, chú trọng các cơ chế tạo động lực bên cạnh những giá trị văn hóa doanh nghiệp được đúc kết từ nhiều năm giúp MB thu hút cũng như giữ chân đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, đạo đức, gắn bó, nhiệt huyết.

Đối với cộng đồng địa phương, MB thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng thuế, là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, tham gia đóng góp về kinh phí cho các hoạt động xây dựng địa phương tại những nơi MB hiện diện, đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, từ thiện

(Chi tiết của từng mục, xin xem thêm tại các mục riêng trong Báo cáo).

Báo cáo tài chính hợp nhất

08

110	Thông tin chung
113	Báo cáo của Ban điều hành
114	Báo cáo kiểm toán độc lập
115	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
118	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
120	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
122	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin chung

1. Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/NH-GP ngày 17 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp, thay thế Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời gian hoạt động của Ngân hàng theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994 và giấy phép thay đổi lần thứ 44 ngày 5 tháng 12 năm 2019.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là:

23.727.323 triệu đồng

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 21.604.514 triệu đồng).

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Công	Phó Chủ tịch	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2017Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014

Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Viết Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Trung Tín	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Hà Tiến Dũng	Thành viên	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Huệ	Thành viên độc lập	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Trưởng Ban	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thu Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Minh Hồng	Thành viên	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Quốc Tiến	Thành viên	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành

Các thành viên Ban Điều hành của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Trung Thái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2017
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên Cao cấp	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2016
Ông Uông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2013
Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Quyền Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Lợi	Giám đốc Tài chính	<ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2014Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hữu Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lưu Trung Thái - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 39.1/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 1 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của ban điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của ban điều hành ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của ban điều hành ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2020



Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60755036/21294178/HN

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 4 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 115 đến trang 185, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Hà Lê
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3484-2020-004-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	2.344.291	1.736.571
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	14.347.180	10.548.084
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	39.691.364	45.061.628
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		29.338.805	35.363.429
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		10.548.559	9.894.199
Dự phòng rủi ro		(196.000)	(196.000)
Chứng khoán kinh doanh	8	1.167.809	577.672
Chứng khoán kinh doanh		1.196.887	684.035
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(29.078)	(106.363)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	14.836	-
Cho vay khách hàng		247.129.710	211.474.953
Cho vay khách hàng	10	250.330.623	214.685.958
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(3.200.913)	(3.211.005)
Chứng khoán đầu tư		85.628.999	73.731.314
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	82.723.727	70.467.404
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	3.196.877	3.522.144
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.4	(291.605)	(258.234)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	887.017	728.043
Đầu tư dài hạn khác		1.037.453	931.653
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(150.436)	(203.610)
Tài sản cố định		2.798.062	2.699.314
Tài sản cố định hữu hình	14	1.642.003	1.586.152
Nguyên giá		3.585.813	3.268.459
Khấu hao lũy kế		(1.943.810)	(1.682.307)
Tài sản cố định vô hình	15	1.156.059	1.113.162
Nguyên giá		1.980.168	1.823.153
Hao mòn lũy kế		(824.109)	(709.991)
Bất động sản đầu tư	16	30.813	30.813

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

(tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Nguyên giá		30.813	30.813
Hao mòn lũy kế		-	-
Tài sản có khác		17.447.494	15.736.670
Các khoản phải thu	17.1	11.471.145	10.325.119
Các khoản lãi, phí phải thu		3.771.711	3.429.433
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.2	3.699	15.777
Tài sản Có khác	17.2	2.475.062	2.267.608
- Trong đó: Lợi thế thương mại	18	57.135	66.658
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	17.3	(274.123)	(301.267)
Tổng tài sản có		411.487.575	362.325.062
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	19	16.836	2.632.894
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		50.314.052	60.470.881
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	20.1	29.550.155	40.692.932
Vay các tổ chức tín dụng khác	20.2	20.763.897	19.777.949
Tiền gửi của khách hàng	21	272.709.512	239.964.318
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính	9	-	5.634
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	22	302.126	319.963
Phát hành giấy tờ có giá	23	26.288.629	11.157.638
Các khoản nợ khác		21.970.606	13.600.876
Các khoản lãi, phí phải trả		4.598.544	2.821.056
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	36.3	12.097	16.656
Các khoản phải trả và công nợ khác	24	17.359.965	10.763.164
Tổng nợ phải trả		371.601.761	328.152.204
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của tổ chức tín dụng		22.718.445	21.632.348
- Vốn điều lệ		23.727.323	21.604.514
- Cổ phiếu quỹ		(1.036.712)	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

(tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
- Vốn khác		27.834	27.834
Các quỹ dự trữ		4.936.914	3.887.135
Lợi nhuận chưa phân phối		10.342.490	7.123.671
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.887.965	1.529.704
Tổng vốn chủ sở hữu	26	39.885.814	34.172.858
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		411.487.575	362.325.062

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Bảo lãnh vay vốn	81.864	89.264
Cam kết giao dịch hối đoái	155.723.464	124.675.198
- Cam kết mua ngoại tệ	5.949.719	9.019.360
- Cam kết bán ngoại tệ	6.416.536	11.102.468
- Cam kết mua giao dịch hoán đổi	71.691.021	52.271.736
- Cam kết bán giao dịch hoán đổi	71.666.188	52.281.634
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	21.340.471	24.623.727
Bảo lãnh khác	76.678.646	71.203.920
Các cam kết khác	42.304.723	20.325.895
TỔNG CỘNG	296.129.168	240.918.004

Người lập:

Bà Lê Thị Huyền Trang
Phó Phòng
Kế toán Tổng hợp

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Người kiểm soát:

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Quyển Giám đốc tài chính

Người phê duyệt:

Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		31.196.604	24.824.365
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(13.196.607)	(10.240.868)
Thu nhập lãi thuần	27	17.999.997	14.583.497
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		6.420.580	5.719.062
Chi phí hoạt động dịch vụ		(3.234.743)	(3.157.752)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	3.185.837	2.561.310
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	647.478	444.568
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	27.480	151.928
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	31	612.031	148.561
Thu nhập từ hoạt động khác		2.528.554	2.421.246
Chi phí cho hoạt động khác		(429.156)	(904.167)
Lãi thuần từ hoạt động khác	32	2.099.398	1.517.079
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	78.227	129.620
Tổng thu nhập hoạt động		24.650.448	19.536.563
Tổng chi phí hoạt động	34	(9.723.706)	(8.733.802)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		14.926.742	10.802.761
Chi phí dự phòng rủi ro	35	(4.890.623)	(3.035.388)
Tổng lợi nhuận trước thuế		10.036.119	7.767.373
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36.1	(1.959.995)	(1.575.157)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		(7.520)	(2.315)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.967.515)	(1.577.472)
Lợi nhuận sau thuế		8.068.604	6.189.901
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		245.831	77.187
Lợi nhuận ròng trong năm		7.822.773	6.112.714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	37	3.596	2.416

Người lập:



Bà Lê Thị Huyền Trang
Phó Phòng
Kế toán Tổng hợp

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Người kiểm soát:



Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Quyển Giám đốc tài chính

Người phê duyệt:



Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	30.956.510	24.317.593
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(11.511.295)	(10.267.483)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	3.185.837	2.561.310
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	1.276.978	754.841
Thu nhập/(chi phí) khác	162.295	495.285
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	1.021.794
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(9.207.742)	(8.204.870)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	36.1	(1.450.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	14.987.451	9.228.303
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(672.364)	5.770.848
(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(12.443.909)	(20.796.665)
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(14.836)	121.592
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(35.644.665)	(30.497.815)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác	(4.932.063)	(2.599.755)
(Tăng) khác về tài sản hoạt động	(1.334.331)	(1.619.797)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động	40.947.600	42.997.941
(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	(10.156.829)	14.369.725
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	30.129.137	20.573.308
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	15.130.991	5.135.416

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(17.837)	22.964
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(5.634)	5.634
Tăng khác về công nợ hoạt động	6.074.593	3.200.653
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	26.1	(309.759)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	892.883	2.604.652
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(701.576)	(483.966)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.905	5.759
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(9)	(1.941)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	600	31.925
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	78.227	30.178
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(619.853)	(418.045)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	432.090	-
Cổ tức trả cho cổ đông	26.1	(1.092.592)
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	(1.036.712)	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(1.908.841)	(1.092.592)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.635.811)	1.094.015
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	47.648.084	46.554.069
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	38	46.012.273

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Huyền Trang
Phó Phòng
Kế toán Tổng hợp

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Quyển Giám đốc tài chính

Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/NH-GP ngày 17 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp, thay thế Giấy phép hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời gian hoạt động của Ngân hàng theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994 và giấy phép thay đổi lần thứ 44 ngày 5 tháng 12 năm 2019.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là:

23.727.323 triệu đồng

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 21.604.514 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm lẻ một (101) chi nhánh (bao gồm chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào và tại Campuchia), một trăm chín tám (198) phòng giao dịch (trong đó có 1 Phòng giao dịch tại nước ngoài), và một (1) văn phòng đại diện tại Nga.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 15.691 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 15.233 người).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có các công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB AMC")	0105281799 ngày 11 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	79,52%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Cap")	06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (*)	27/GP-NHNN ngày 4 tháng 2 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	50,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 1 năm 2016	Bảo hiểm phi nhân thọ	68,37%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas	74/GP/KDBH ngày 21 tháng 7 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%

(*) Theo hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng và Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản), Ngân hàng được quyền bảo lưu đưa ra quyết định cuối cùng đối với các vấn đề quan trọng của Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei trong thời hạn năm (5) năm kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng vốn từ Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản) và thành viên góp vốn thứ ba.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "MB".

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của MB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của MB là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB.

3. Cơ sở trình bày

3.1. Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành MB khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của MB được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam

- (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

3.3. Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.4. Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh số 4.5.

4.5. Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ")

Phân loại nợ

Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10, Thông tư 02.

- Các khoản mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, trừ các khoản liên quan đến trái phiếu của các doanh nghiệp đồng thời là khách hàng vay của MB, được phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10, Thông tư 02. Các khoản liên quan đến trái phiếu chưa niêm yết của các doanh nghiệp đồng thời là khách hàng vay của MB được phân loại nợ như các khoản cho vay đối với khách hàng đó như được trình bày ở dưới đây.
- Các khoản cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng, bao gồm cả khoản cho vay hợp vốn mà MB không phải là ngân hàng đầu mối, được phân loại nợ theo cả phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11, Thông tư 02 theo phê duyệt của NHNN tại Công văn số 8738/NHNN-CNH ngày 25 tháng 9 năm 2008 và các công văn thông báo sửa đổi hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ: Báo cáo số 446/BC-MB.HS.m ngày 10 tháng 7 năm 2014, Thông báo số 95/BC-MB.HS.m ngày 1 tháng 6 năm 2016 và Thông báo số 2260/TB-HS ngày 30 tháng 6 năm 2016. Theo đó trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.
- Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi MB và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, chứng khoán, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày phát sinh, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 ("Thông tư 09") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, MB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Theo Thông tư 02, MB không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Phân loại nợ (tiếp theo)

- với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MB phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng (Quy định này không áp dụng với kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam do CIC cung cấp).
 - MB đồng thời áp dụng các quy định về cơ cấu lại thời hạn

trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng được yêu cầu của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ("Nghị định 55") ngày 9 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

STT	NHÓM NỢ	PHÂN LOẠI NỢ THEO PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG	PHÂN LOẠI NỢ THEO PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH	TỶ LỆ
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất.	20%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

STT	NHÓM NỢ	PHÂN LOẠI NỢ THEO PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG	PHÂN LOẠI NỢ THEO PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH	TỶ LỆ
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng chung

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 02, MB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.6. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết sẽ được tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Tiền lãi trong thời gian nắm giữ chứng khoán nợ kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7. Chứng khoán đầu tư

4.7.1. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được MB nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán được niêm yết trên các thị trường chứng khoán, được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối

với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phân ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản bản được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của MB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của MB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, MB tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.7.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được MB mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và MB có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.1.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.8. Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà MB có tối đa 11% quyền biểu quyết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào khoản mục "Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà MB phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa và các chi phí khác có liên quan được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm

Tài sản hữu hình khác	4 năm
Quyền sử dụng đất (*)	30 - 46 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.11. Bất động sản đầu tư

4.11.1. Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 40 năm.

4.11.2. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.12. Các khoản phải thu

4.12.1. Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và được MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Điều 10, Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.12.2. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.13. Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.15. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.16. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.16. Thuê tài sản (tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp MB là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp MB là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.17. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.18. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.19. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của MB được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 50). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MB được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.20. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc MB đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21. Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, thành viên của MB, phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý trên khoản mục "Các khoản phải trả và công nợ khác".

Các khoản chênh lệch do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.22. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 50"). Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ: dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một (1) năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.22. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa thông báo.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở 1% phí bảo hiểm giữ lại theo quy định tại Thông tư 50.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ("Nghị định 73"), MB hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4.23. Vốn và các quỹ

4.23.1. Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.23.2. Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.23.3. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.23.4. Các quỹ dự trữ

MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con

Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")

MB AMC thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")

MBS và MB Capital trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	TỶ LỆ TRÍCH LẬP HẰNG NĂM	SỐ DƯ TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác của MBS và MB Capital được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei ("MCredit")

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, MCredit phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC") và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas ("MB Ageas")

MIC và MB Ageas phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.24. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu và chi phí từ các hoạt động ngân hàng

Doanh thu lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi MB thực thu.

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì MB hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, MB sẽ hạch toán vào "Thu nhập từ hoạt động khác" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MB được thiết lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản thu nhập của MB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Dự phòng phí chưa được hưởng" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi MB có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Đồng thời, doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi MB đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với bất động sản cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Chi bồi thường cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi MIC và MB Ageas chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bằng thông báo tái của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho MIC và MB Ageas và MIC và MB Ageas chấp nhận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

MB tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng tại công ty tài chính tiêu dùng

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng bao gồm chi phí hoa hồng cho đại lý, các bên thứ ba và cộng tác viên kinh doanh được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 9 đến 29 tháng theo thời hạn trung bình của các sản phẩm cho vay.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

MB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi MB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và MB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.26. Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 của NHNN, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.27. Các công cụ tài chính phái sinh

MB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dẫn tích.

4.28. Lãi trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của MB (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.28. Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, MB sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.29. Lợi ích của nhân viên

4.29.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên MB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. MB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, MB không có một nghĩa vụ nào khác.

4.29.2. Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2013, MB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.29.3. Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, MB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.30. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.31. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.32. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi MB có quyền hợp pháp để thực hiện việc cản trừ và MB dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền mặt bằng VND	1.920.366	1.200.027
Tiền mặt bằng ngoại tệ	420.160	533.784
Vàng tiền tệ	3.765	2.760
	2.344.291	1.736.571

6. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	13.582.665	9.656.880
- Bằng VND	11.835.562	9.218.330
- Bằng ngoại tệ	1.747.103	438.550
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	231.067	292.892
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	533.448	598.312
	14.347.180	10.548.084

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN Việt Nam về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
SỐ DƯ TIỀN GỬI BÌNH QUÂN THÁNG TRƯỚC CỦA:		
KHÁCH HÀNG		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
• Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
• Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước (tiếp theo)

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00%	1,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất 0,8%/năm và tiền gửi bằng ngoại tệ vượt dự trữ bắt buộc được hưởng lãi suất 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1,20%/năm và 0,05%/năm).

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
• Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng	10,00%	10,00%
• Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5,00%	5,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Khmer Riels ("KHR") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi ký quỹ được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ ký quỹ tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
• Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR	12,50%	12,50%
• Tiền gửi bằng KHR	8,00%	8,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia không được hưởng lãi suất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền gửi tại các TCTD khác	29.338.805	35.363.429
Tiền gửi không kỳ hạn	9.113.233	11.536.082
- Bằng VND	6.344.183	7.999.219
- Bằng ngoại tệ	2.769.050	3.536.863
Tiền gửi có kỳ hạn	20.225.572	23.827.347
- Bằng VND	16.001.375	20.313.150
- Bằng ngoại tệ	4.224.197	3.514.197
Cho vay các TCTD khác	10.548.559	9.894.199
- Bằng VND	7.777.121	7.861.987
- Bằng ngoại tệ	2.771.438	2.032.212
Dự phòng rủi ro	(196.000)	(196.000)
	39.691.364	45.061.628

Chi tiết chất lượng tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	30.578.131	33.525.546
Nợ có khả năng mất vốn	196.000	196.000
	30.774.131	33.721.546

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2019 (%/năm)	31/12/2018 (%/năm)
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,40 - 6,40	4,60 - 5,40
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,01 - 2,10	2,50 - 3,20
Cho vay bằng VND	4,40 - 7,20	5,40 - 5,60
Cho vay bằng ngoại tệ	0,01 - 4,10	2,50 - 3,60

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Chứng khoán Nợ	682.395	227.884
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	104.409	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	577.986	227.884
Chứng khoán Vốn	514.492	456.151
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	42.135	56.652
Chứng khoán Vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	472.357	399.499
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(29.078)	(106.363)
Dự phòng giảm giá	-	-
Dự phòng chung	(29.078)	(106.363)
	1.167.809	577.672

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, được hưởng lãi suất 10,50% - 11,30%/năm.

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Chứng khoán nợ	682.395	227.884
Đã niêm yết	104.409	-
Chưa niêm yết	577.986	227.884
Chứng khoán vốn	514.492	456.151
Đã niêm yết	394.352	186.015
Chưa niêm yết	120.140	270.136
Tổng	1.196.887	684.035

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	577.986	227.884
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	577.986	227.884

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Số dư đầu kỳ	106.363	35.439
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh số 30)	(77.285)	70.924
Số dư cuối kỳ	29.078	106.363

9. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính

	TỔNG GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG THEO TỶ GIÁ NGÀY HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG (triệu đồng)	TỔNG GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)		
		TÀI SẢN (triệu đồng)	CÔNG NỢ (triệu đồng)	GIÁ TRỊ THUẦN (triệu đồng)
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	9.796.836	24.322	(28.477)	(4.155)
Giao dịch hoán đổi	93.588.278	21.456.145	(21.437.154)	18.991
	103.385.114	21.480.467	(21.465.631)	14.836
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	15.062.070	82.373	(67.166)	15.207
Giao dịch hoán đổi	55.524.739	11.951.609	(11.972.450)	(20.841)
	70.586.809	12.033.982	(12.039.616)	(5.634)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. Cho vay khách hàng

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	243.028.585	207.864.042
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	640.820	560.381
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	436.508	453.531
Các khoản trả thay khách hàng	5.055	11.388
Cho vay các tổ chức cá nhân nước ngoài	3.530.256	3.496.332
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.689.399	2.300.284
	250.330.623	214.685.958

Mức lãi suất bình quân cho vay khách hàng trong năm như sau:

	31/12/2019 (%/năm)	31/12/2018 (%/năm)
Cho vay bằng VND	6,00 - 11,00	6,00 - 10,80
Cho vay bằng ngoại tệ	3,10 - 5,50	3,20 - 5,90
Cho vay tiêu dùng cá nhân	8,00 - 70,00	8,00 - 70,00

10.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	241.847.313	205.868.128
Nợ cần chú ý	2.896.273	3.657.858
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.380.392	1.099.661
Nợ nghi ngờ	899.344	797.692
Nợ có khả năng mất vốn	617.902	962.335
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.689.399	2.300.284
	250.330.623	214.685.958

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.2. Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Nợ ngắn hạn	118.907.994	105.138.545
Nợ trung hạn	33.906.263	33.281.381
Nợ dài hạn	94.826.967	73.965.748
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.689.399	2.300.284
	250.330.623	214.685.958

10.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2019		31/12/2018	
	(triệu đồng)	(%)	(triệu đồng)	(%)
Công ty Nhà nước	15.082.508	6,03	9.061.436	4,22
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	6.930.066	2,77	8.093.086	3,77
Công ty TNHH MTV với vốn Nhà nước trên 50%	389.523	0,16	552.172	0,26
Công ty TNHH khác	45.978.538	18,36	42.429.561	19,76
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	5.935.532	2,37	7.390.803	3,44
Công ty Cổ phần khác	61.087.645	24,40	52.972.047	24,67
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7.063.750	2,82	6.892.653	3,21
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	195.772	0,08	275.545	0,13
Hộ kinh doanh, cá nhân	101.303.787	40,47	81.010.507	37,73
Dịch vụ hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	40.151	0,02	56.663	0,03
Thành phần kinh tế khác	120.944	0,04	154.869	0,07
Cho vay tại chi nhánh nước ngoài	3.513.008	1,41	3.496.332	1,63
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.689.399	1,07	2.300.284	1,08
	250.330.623	100,00	214.685.958	100,00

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2019		31/12/2018	
	(triệu đồng)	(%)	(triệu đồng)	(%)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3.320.783	1,33	3.095.756	1,44
Khai khoáng	3.837.122	1,53	3.941.497	1,84
Công nghiệp chế biến, chế tạo	38.783.944	15,49	36.303.626	16,91
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	10.000.983	4,00	6.263.470	2,92
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	724.777	0,29	748.549	0,35
Xây dựng	19.403.393	7,75	20.494.258	9,55
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	56.817.785	22,70	47.291.140	22,02
Vận tải kho bãi	7.810.083	3,12	10.048.584	4,68
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	7.780.639	3,11	4.623.610	2,15
Thông tin và truyền thông	2.598.729	1,04	3.133.806	1,46
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	842.569	0,34	576.831	0,27
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.356.894	2,14	5.234.177	2,44
Chuyên môn, khoa học và công nghệ	311.581	0,12	210.248	0,10
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	894.466	0,36	612.640	0,29
Giáo dục và đào tạo	1.131.384	0,45	525.213	0,24
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.479.427	0,59	916.753	0,43
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	2.721.923	1,09	74.206	0,03
Hoạt động dịch vụ khác	53.874	0,02	74.323	0,03
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	80.257.860	32,05	64.720.655	30,15
Cho vay tại chi nhánh nước ngoài	3.513.008	1,41	3.496.332	1,63
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.689.399	1,07	2.300.284	1,07
	250.330.623	100,00	214.685.958	100,00

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Dự phòng chung	1.792.344	1.563.301
Dự phòng cụ thể	1.408.569	1.647.704
	3.200.913	3.211.005

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	DỰ PHÒNG CHUNG (triệu đồng)	DỰ PHÒNG CỤ THỂ (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.563.301	1.647.704	3.211.005
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 35)	229.239	4.675.346	4.904.585
Xử lý rủi ro tín dụng trong năm	-	(4.918.690)	(4.918.690)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán năm trước tại các chi nhánh nước ngoài	-	4.538	4.538
Chênh lệch tỷ giá	(196)	(329)	(525)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.792.344	1.408.569	3.200.913

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	DỰ PHÒNG CHUNG (triệu đồng)	DỰ PHÒNG CỤ THỂ (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.319.692	805.992	2.125.684
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	242.595	2.810.623	3.053.218
Xử lý rủi ro trong năm	-	(1.957.643)	(1.957.643)
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước	-	(13.654)	(13.654)
Chênh lệch tỷ giá	1.014	2.386	3.400
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.563.301	1.647.704	3.211.005

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. Chứng khoán đầu tư

12.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Chứng khoán nợ	82.723.727	70.304.687
Trái phiếu Chính phủ	47.873.313	43.802.956
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	22.694.379	20.897.686
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	12.156.035	5.604.045
Chứng khoán vốn	-	162.717
Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	-	162.717
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(190.540)	(132.988)
Dự phòng giảm giá	-	(538)
Dự phòng chung	(190.540)	(132.450)
	82.533.187	70.334.416

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 năm đến 20 năm, được hưởng lãi suất 3,80% - 11,60%/năm.

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 9 tháng đến 5 năm, được hưởng lãi suất 5,80% - 9,30%/năm.

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 đến 11 năm, được hưởng lãi suất 8,50% - 11,50%/năm.

12.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Chứng khoán nợ	3.196.877	3.522.144
Trái phiếu Chính phủ	183.374	20.330
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	580.182	580.000
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	2.433.321	2.921.814
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(101.065)	(125.246)
Dự phòng chung	(18.172)	(45.246)
Dự phòng cụ thể	(82.893)	(80.000)
	3.095.812	3.396.898

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 15 đến 20 năm, được hưởng lãi suất từ 4,60% - 7,00%

Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 đến 15 năm và được hưởng lãi suất 7,70 – 8,50%.

Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn 1 năm và được hưởng lãi suất 9%.

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 18 tháng đến 15 năm, được hưởng lãi suất từ 8,90% - 11,20%/năm.

12.3. Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	29.038.541	29.943.545
Nợ có khả năng mất vốn	80.000	80.000
	29.118.541	30.023.545

12.4. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (triệu đồng)	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Số dư đầu năm	132.988	125.246	258.234
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 31)	58.090	(24.181)	33.909
Phân loại lại sang tài sản có khác	(538)	-	(538)
Số dư cuối năm	190.540	101.065	291.605

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (triệu đồng)	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Số dư đầu năm	57.517	302.366	359.883
Phân loại lại sang dự phòng đầu tư dài hạn khác	(119.445)	-	(119.445)
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	145.690	(57.120)	88.570
Phân loại từ dự phòng tài sản có khác sang	49.226	-	49.226
Xử lý rủi ro trong năm	-	(120.000)	(120.000)
Số dư cuối năm	132.988	125.246	258.234

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Đầu tư dài hạn khác	1.037.453	931.653
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(150.436)	(203.610)
	887.017	728.043

13.1. Đầu tư dài hạn

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế, đầu tư vào các dự án dài hạn	870.376	909.653
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	167.077	22.000
	1.037.453	931.653

13.2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm tài chính như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Số dư đầu năm	203.610	129.646
Dự phòng rủi ro hoàn nhập trong năm	(53.174)	(3.472)
Phân loại lại dự phòng rủi ro	-	119.445
Giảm do bán MBLand	-	(42.009)
Số dư cuối năm	150.436	203.610

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2019 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC (triệu đồng)	MÁY MÓC THIẾT BỊ (triệu đồng)	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (triệu đồng)	TÀI SẢN HỮU HÌNH KHÁC (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.367.799	1.192.297	578.096	130.267	3.268.459
Mua trong năm	6.858	162.596	91.691	21.995	283.140
Thanh lý, nhượng bán	(307)	(5.563)	(7.777)	(2.793)	(16.440)
Hoàn thành mua sắm tài sản cố định	-	43.481	3.198	859	47.538
Biến động khác	2.475	(6.110)	-	7.521	3.886
Chênh lệch tỷ giá	(17)	(511)	(187)	(55)	(770)
Số dư cuối năm	1.376.808	1.386.190	665.021	157.794	3.585.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	208.492	919.785	425.961	128.069	1.682.307
Chi phí khấu hao trong năm	56.040	152.190	65.054	4.051	277.335
Thanh lý, nhượng bán	(307)	(5.467)	(6.559)	(2.776)	(15.109)
Chênh lệch tỷ giá	(14)	(491)	(169)	(49)	(723)
Số dư cuối năm	264.211	1.066.017	484.287	129.295	1.943.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.159.307	272.512	152.135	2.198	1.586.152
Tại ngày cuối năm	1.112.597	320.173	180.734	28.499	1.642.003

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2018 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC (triệu đồng)	MÁY MÓC THIẾT BỊ (triệu đồng)	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (triệu đồng)	TÀI SẢN HỮU HÌNH KHÁC (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.373.016	1.006.132	563.281	140.602	3.083.031
Mua trong năm	33.976	169.628	81.140	9.877	294.621
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.007)	(58.030)	(837)	(61.874)
Biến động khác	(1.271)	22.158	5.691	(18.966)	7.612
Giảm do bán MB Land	(38.104)	(2.968)	(14.098)	(409)	(55.579)
Chênh lệch tỷ giá	182	354	112	-	648
Số dư cuối năm	1.367.799	1.192.297	578.096	130.267	3.268.459
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	156.922	803.975	406.969	128.532	1.496.398
Khấu hao trong năm	58.528	116.945	65.048	4.084	244.605
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.112)	(37.898)	(837)	(41.847)
Biến động khác	(1.379)	3.814	-	(3.340)	(905)
Giảm do bán MB Land	(5.605)	(2.071)	(8.246)	(370)	(16.292)
Chênh lệch tỷ giá	26	234	88	-	348
Số dư cuối năm	208.492	919.785	425.961	128.069	1.682.307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.216.094	202.157	156.312	12.070	1.586.633
Tại ngày cuối năm	1.159.307	272.512	152.135	2.198	1.586.152

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2019 như sau:

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (triệu đồng)	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH (triệu đồng)	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.075.116	743.180	4.857	1.823.153
Mua mới trong năm	26.908	86.556	980	114.444
Thanh lý trong năm	-	(2.077)	-	(2.077)
Hoàn thành mua sắm tài sản cố định	-	44.731	-	44.731
Chênh lệch tỷ giá	-	(83)	-	(83)
Số dư cuối năm	1.102.024	872.307	5.837	1.980.168
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	141.870	565.749	2.372	709.991
Tăng trong năm	18.955	95.943	1.346	116.244
Thanh lý trong năm	-	(2.077)	-	(2.077)
Chênh lệch tỷ giá	-	(49)	-	(49)
Số dư cuối năm	160.825	659.566	3.718	824.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	933.246	177.431	2.485	1.113.162
Tại ngày cuối năm	941.199	212.741	2.119	1.156.059

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2018 như sau:

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (triệu đồng)	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH (triệu đồng)	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	980.764	621.885	338	1.602.987
Mua trong năm	94.352	120.585	145	215.082
Thanh lý trong năm	-	(265)	-	(265)
Biến động khác	-	1.127	4.374	5.501
Giảm do bán MBLand	-	(186)	-	(186)
Chênh lệch tỷ giá	-	34	-	34
Số dư cuối năm	1.075.116	743.180	4.857	1.823.153
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	123.266	461.801	93	585.160
Tăng trong năm	18.604	102.620	1.149	122.373
Thanh lý trong năm	-	(265)	-	(265)
Biến động khác	-	1.715	1.130	2.845
Giảm do bán MBLand	-	(148)	-	(148)
Chênh lệch tỷ giá	-	26	-	26
Số dư cuối năm	141.870	565.749	2.372	709.991
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	857.498	160.084	245	1.017.827
Tại ngày cuối năm	933.246	177.431	2.485	1.113.162

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. Bất động sản đầu tư

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2019 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC (triệu đồng)	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	30.813	-	30.813
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	30.813	-	30.813
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2018 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC (triệu đồng)	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	100.296	100.296
Phân loại từ XDCB dở dang	30.813	-	30.813
Giảm do bán MB Land	-	(100.296)	(100.296)
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	7.513	7.513
Khấu hao trong năm	-	2.470	2.470
Giảm do bán MB Land	-	(9.983)	(9.983)
Số dư cuối năm	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	92.783	92.783
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. Tài sản có khác

17.1. Các khoản phải thu

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Các khoản phải thu nội bộ	109.155	250.004
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	9.479.001	8.427.501
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (ii)	1.882.989	1.647.614
	11.471.145	10.325.119

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	1.087.822	508.427
Các khoản chờ Nhà nước thanh toán	17.173	11.613
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	5.354	14.693
Giao dịch chuyển tiền liên kết Viettel	9.730	74.028
Phải thu liên quan đến tài trợ thương mại	2.924.016	3.929.665
Phải thu liên quan đến dịch vụ thanh toán	2.364.121	1.323.902
Phải thu liên quan đến bán trái phiếu	810.049	680.233
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng	281.960	92.368
Phải thu trong hoạt động bảo hiểm của công ty con	634.066	280.990
Dự phòng phí và bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm của công ty con	678.855	502.585
Các khoản phải thu bên ngoài khác	665.855	1.008.997
	9.479.001	8.427.501

(ii) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Dự án Lê Văn Lương	1.293.007	1.052.414
Các khoản chi phí mua sắm khác	589.982	595.200
	1.882.989	1.647.614

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17.2. Tài sản có khác

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 18)	57.135	66.658
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	1.026.563	802.466
Tài sản xiết nợ chờ xử lý	402.382	402.382
Hàng hóa bất động sản của công ty con	265.620	351.373
Phải thu về hoạt động ủy thác đầu tư	689.300	609.811
Tài sản có khác	34.062	34.918
	2.475.062	2.267.608

17.3. Dự phòng tài sản có khác

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Số dư đầu năm	301.267	925.717
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh số 35)	(13.962)	(17.830)
Phân loại lại sang dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(49.226)
Phân loại lại từ dự phòng đầu tư chứng khoán	538	-
Xử lý rủi ro trong năm	(13.373)	(522.112)
Chênh lệch tỷ giá	(347)	152
Giảm do bán MBLand	-	(35.434)
	274.123	301.267

18. Lợi thế thương mại

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	94.261	94.261
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước ("KTNN")	965	965
Tổng giá trị lợi thế thương mại	95.226	95.226
Thời gian phân bổ (năm)	10	10

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. Lợi thế thương mại (tiếp theo)

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
- Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	28.568	18.852
- Giá trị LTTM chưa phân bổ	66.658	76.374
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	(9.523)	(9.716)
- Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.523)	(9.523)
- Giá trị LTTM phân bổ bổ sung theo điều chỉnh KTNN	-	(193)
	57.135	66.658

19. Các khoản nợ chính phủ và ngân hàng nhà nước

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền gửi thanh toán bằng VND	16.836	632.894
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	-	2.000.000
	16.836	2.632.894

20. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

20.1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền gửi không kỳ hạn	6.073.327	5.343.407
- Bằng VND	6.052.539	5.324.995
- Bằng ngoại tệ	20.788	18.412
Tiền gửi có kỳ hạn	23.476.828	35.349.525
- Bằng VND	15.347.042	28.807.851
- Bằng ngoại tệ	8.129.786	6.541.674
	29.550.155	40.692.932

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20.2. Vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Bằng VND	8.278.067	4.654.940
Bằng ngoại tệ	12.485.830	15.123.009
Trong đó:		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác	-	500.185
	20.763.897	19.777.949

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:

	31/12/2019 (%/năm)	31/12/2018 (%/năm)
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,60 - 4,70	4,30 - 5,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,70 - 2,10	2,45 - 3,00
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng VND	3,60 - 4,80	5,00 - 5,20
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ	1,50 - 3,60	2,45 - 3,20

21. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	92.352.406	76.888.783
- Bằng VND	74.073.605	66.271.139
- Bằng ngoại tệ	18.278.801	10.617.644
Tiền gửi có kỳ hạn	168.050.891	142.506.465
- Bằng VND	163.196.059	137.765.728
- Bằng ngoại tệ	4.854.832	4.740.737
Tiền gửi vốn chuyên dùng	4.665.836	4.925.934
- Bằng VND	3.880.974	4.366.660
- Bằng ngoại tệ	784.862	559.274
Tiền gửi ký quỹ	7.640.379	15.643.136
- Bằng VND	3.790.685	8.273.441
- Bằng ngoại tệ	3.849.694	7.369.695
	272.709.512	239.964.318

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. Tiền gửi của khách hàng (tiếp theo)

Mức lãi suất bình quân tiền gửi khách hàng trong năm như sau:

	31/12/2019 (%/năm)	31/12/2018 (%/năm)
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30	0,30
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,78 - 7,52	0,50 - 7,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	(triệu đồng)	(%)	(triệu đồng)	(%)
Tổ chức kinh tế	152.940.345	56,08	139.870.971	58,29
Cá nhân	119.769.167	43,92	100.093.347	41,71
Tổng	272.709.512	100,00	239.964.318	100,00

22. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	302.126	319.963

Đây là khoản vốn trung và dài hạn nhận từ nguồn vốn tài trợ của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) bằng VND thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khuôn khổ Dự án tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi suất năm áp dụng cho các nguồn vốn này là 5,18%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,04%).

23. Phát hành giấy tờ có giá

Chi tiết kỳ hạn các giấy tờ có giá như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Trái phiếu bằng VND	6.589.453	7.114.638
- Dưới 5 năm	626.871	846.582
- Trên 5 năm	5.962.582	6.268.056
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	19.699.176	4.043.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. Phát hành giấy tờ có giá (tiếp theo)

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
- Dưới 12 tháng	8.499.659	343.000
- Trên 12 tháng	11.199.517	3.700.000
	26.288.629	11.157.638

Trái phiếu do Ngân hàng mẹ phát hành được hưởng mức lãi suất từ 7,78%/năm đến 8,70%/năm.

Trái phiếu do công ty con phát hành có kỳ hạn dưới 5 năm, được hưởng mức lãi suất từ 8,30%/năm đến 8,51%/năm.

Chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng mẹ phát hành có kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, được hưởng lãi suất từ 5,75%/năm đến 7,20%/năm.

24. Các khoản nợ khác

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Các khoản phải trả nội bộ	1.473.723	1.097.479
Các khoản phải trả bên ngoài (i)	15.257.542	9.142.397
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	360.700	255.288
Quỹ khoa học công nghệ	268.000	268.000
	17.359.965	10.763.164

(i) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước (Thuyết minh số 25)	626.840	546.670
Chuyển tiền phải trả	358.758	179.069
Doanh thu chờ phân bổ	1.172.821	400.260
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	3.188.133	2.403.103
Phải trả về dịch vụ thanh toán	4.141.421	2.673.848
Phải trả liên quan đến dịch vụ liên kết với Viettel	2.036.682	915.811
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn đầu tư kinh doanh chứng khoán	1.505.724	918.106
Phải trả và ứng trước người bán của công ty con	262.492	488.267
Các khoản chờ thanh toán khác	1.964.671	927.072
	15.257.542	9.142.397

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	SỐ ĐẦU NĂM		PHÁT SINH TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	PHẢI THU (triệu đồng)	PHẢI TRẢ (triệu đồng)	PHÁT SINH TĂNG (triệu đồng)	PHÁT SINH GIẢM (triệu đồng)	PHẢI THU (triệu đồng)	PHẢI TRẢ (triệu đồng)
Thuế GTGT	(14.693)	50.697	414.466	(399.423)	(5.354)	56.401
Thuế TNDN hiện hành	-	333.714	1.974.359	(1.812.234)	-	495.839
Trong đó:	-	-	-	-	-	-
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	-	-	1.959.995	(1.812.234)	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	84	-	-	-
- Điều chỉnh theo cơ quan thuế	-	-	14.197	-	-	-
- Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán tại công ty con	-	-	83	-	-	-
Các loại thuế khác	-	162.259	814.548	(902.207)	-	74.600
	(14.693)	546.670	3.203.373	(3.113.864)	(5.354)	626.840

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. Vốn và các quỹ

26.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	CỔ PHIẾU QUỸ (triệu đồng)	VỐN KHÁC (triệu đồng)	DỰ PHỎNG TÀI CHÍNH (triệu đồng)	QUỸ (triệu đồng)	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	QUỸ KHÁC (triệu đồng)	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI (triệu đồng)	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	21.604.514	-	27.834	2.308.267	-	1.172.398	406.470	7.123.671	1.529.704	34.172.858
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	7.822.773	245.831	8.068.604
Tăng vốn điều lệ trong năm của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	155.661	155.661
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	597.517	319.199	339.402	-	(1.256.118)	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(206.794)	-	-	(27)	(206.821)
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(1.268.039)	(36.180)	(1.304.219)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	1.690.719	-	-	-	-	-	-	(1.690.719)	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên	432.090	-	-	-	-	-	-	-	-	432.090
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(1.036.712)	-	-	-	-	-	-	-	(1.036.712)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-	(371.783)	(12.182)	(383.965)
Trích thưởng cho nhân viên	-	-	-	-	-	-	-	(7.849)	(2.022)	(9.871)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	CỔ PHIẾU QUỸ (triệu đồng)	VỐN KHÁC (triệu đồng)	DỰ PHỎNG TÀI CHÍNH (triệu đồng)	QUỸ (triệu đồng)	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	QUỸ KHÁC (triệu đồng)	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI (triệu đồng)	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán	-	-	-	-	-	-	-	1.514	5.007	6.521
Điều chỉnh theo thanh tra thuế	-	-	-	-	-	-	-	(14.576)	-	(14.576)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	(332)	-	-	(332)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(4)	15.978	(14.891)	-	5.477	16	6.576
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	(296)	-	-	(1.861)	2.157	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	23.727.323	(1.036.712)	27.834	2.905.780	1.507.279	523.855	10.342.490	1.887.965	39.885.814	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN (triệu đồng)	VỐN KHÁC (*) (triệu đồng)	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)	DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH (triệu đồng)	QUỸ KHÁC THUỘC VCSH (triệu đồng)	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI (triệu đồng)	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	18.155.054	828.197	-	954.374	1.886.602	368.178	5.977.328	1.431.437	29.601.170
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.112.714	77.187	6.189.901
Tăng vốn điều lệ của Ngân hàng và công ty con thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu	3.449.460	(828.197)	27.834	-	-	-	(2.649.097)	306.000	306.000
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	218.540	433.320	351.162	(1.003.022)	-	-
Giảm do bán MB Land	-	-	-	-	-	(15.317)	24.924	(249.449)	(239.842)
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(309.695)	-	(64)	(309.759)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	14.936	-	14.936
Chi trả cổ tức bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.089.303)	(3.289)	(1.092.592)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(270.917)	(1.295)	(272.212)
Điều chỉnh của các công ty con theo kết quả kiểm toán năm trước	-	-	-	(8)	(14.853)	18.030	(23.606)	494	(19.943)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(508)	3.198	(5.888)	29.714	(31.317)	(4.801)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	21.604.514	-	27.834	1.172.398	2.308.267	406.470	7.123.671	1.529.704	34.172.858

(*) Trong năm 2018, công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu làm phát sinh khoản mục vốn khác khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26.2. Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2019		31/12/2018	
	(Cổ phiếu)	(triệu đồng)	(Cổ phiếu)	(triệu đồng)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.372.732.280	23.727.323	2.160.451.381	21.604.514
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng - Cổ phiếu phổ thông	2.372.732.280	23.727.323	2.160.451.381	21.604.514
Số lượng cổ phiếu được mua lại - Cổ phiếu phổ thông	(47.052.980)	(470.530)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành - Cổ phiếu phổ thông	2.325.679.300	23.256.793	2.160.451.381	21.604.514

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

26.3. Cổ tức

Chi tiết về cổ tức đã chi trả trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng như sau:

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
CỔ TỨC ĐÃ CÔNG BỐ VÀ ĐÃ TRẢ TRONG NĂM		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2018: 600 đồng/cổ phiếu (2017: 600 đồng/cổ phiếu)	1.268.039	1.089.303
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2018: 8%/cổ phiếu (2017: 5%/cổ phiếu)	1.690.719	907.753

27. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	31.196.604	24.824.365
Thu nhập lãi tiền gửi	970.978	752.738
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	23.254.954	18.488.420
Thu lãi từ chứng khoán nợ	5.246.239	3.877.212
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	1.298.771	1.200.018
Thu khác từ hoạt động tín dụng	425.662	505.977

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (tiếp theo)

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(13.196.607)	(10.240.868)
Trả lãi tiền gửi	(10.950.028)	(8.707.729)
Trả lãi tiền vay	(750.718)	(671.459)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(1.357.196)	(617.067)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(138.665)	(244.613)
Thu nhập lãi thuần	17.999.997	14.583.497

28. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.420.580	5.719.062
Thu từ dịch vụ thanh toán	851.025	708.251
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	18.871	19.406
Thu từ dịch vụ tư vấn	324.446	178.375
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	4.202.006	2.866.133
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	40.727	26.368
Thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	277.949	396.199
Thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	250.188	389.915
Thu từ chuyển nhượng dự án	-	797.711
Thu phí khác	455.368	336.704
Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.234.743)	(3.157.752)
Chi về dịch vụ thanh toán	(83.751)	(66.651)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(10.223)	(12.471)
Chi về dịch vụ tư vấn	(3)	(50)
Chi phí hoa hồng môi giới	(885.667)	(199.477)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(6.767)	(5.279)
Chi về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.736.796)	(1.345.601)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (tiếp theo)

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	(180.129)	(404.917)
Chi về hoạt động môi giới chứng khoán	(45.218)	(55.907)
Chi về chuyển nhượng dự án	-	(801.274)
Chi khác	(286.189)	(266.125)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.185.837	2.561.310

29. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI		
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	897.253	679.108
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	649.264	400.500
Thu về kinh doanh vàng	1.359	306
CHI PHÍ VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI		
Chi về kinh doanh ngoại tệ và vàng	(172.843)	(164.844)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(727.052)	(470.410)
Chi từ kinh doanh vàng	(503)	(92)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	647.478	444.568

30. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	136.398	224.854
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(186.203)	(2.002)
Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng rủi ro	77.285	(70.924)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27.480	151.928

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	661.682	485.228
Chi về chứng khoán đầu tư	(68.916)	(251.569)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(33.909)	(88.570)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn	53.174	3.472
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	612.031	148.561

32. Thu nhập từ hoạt động khác

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động khác	2.528.554	2.421.246
Thu từ nợ xấu đã được xử lý	1.937.102	1.021.794
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	527.009	228.310
Thu từ chuyển nhượng thanh lý tài sản	2.905	5.685
Thu từ về mua bán nợ	-	121.250
Thu từ bán bất động sản	-	765.565
Thu về hoạt động kinh doanh khác	61.538	278.642
Chi phí cho hoạt động khác	(429.156)	(904.167)
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(380.282)	(153.634)
Chi về bán bất động sản	-	(654.905)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(48.874)	(95.628)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.099.398	1.517.079

33. Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Cổ tức	42.423	40.539
Thu khác từ góp vốn mua cổ phần	35.804	89.081
Tổng	78.227	129.620

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. Tổng chi phí hoạt động

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	78.490	46.476
Chi phí cho nhân viên	6.064.062	4.968.364
Chi lương và các khoản chi đóng góp theo lương	5.889.330	4.791.618
Chi trợ cấp thất nghiệp	1.446	26.676
Chi khác cho nhân viên	173.286	150.070
Chi về tài sản	1.254.228	1.128.422
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	393.579	369.448
Chi khác về tài sản	860.649	758.974
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.168.947	2.181.950
Trong đó:		
Công tác phí	146.226	118.466
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	8.719	7.233
Chi khác cho hoạt động quản lý	2.014.002	2.056.251
Chi quỹ khoa học công nghệ	-	268.000
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	157.979	140.590
	9.723.706	8.733.802

35. Chi phí dự phòng rủi ro

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	4.904.585	3.053.218
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(13.962)	(17.830)
	4.890.623	3.035.388

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

MB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia, MB thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được. Thuế TNDN của Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được.

Đối với Chi nhánh Ngân hàng tại Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Luật Thuế

số 70 do Quốc hội Lào ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2015, số thuế TNDN của Chi nhánh Ngân hàng tại Lào được xác định bằng 24% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của MB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của MB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của MB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

36.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Lợi nhuận thuần trước thuế	10.036.119	7.767.373
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(78.227)	(172.048)
- Lãi thuần của các chi nhánh nước ngoài	(48.528)	(58.418)
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế	58.193	56.980
- Điều chỉnh khác	(52.511)	(146)
- Lỗi lũy kế được chuyển trong năm của công ty con	(204.841)	(56.699)
- Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(835.170)	319.361
- Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	14.912	(15.329)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm tại Việt Nam	8.889.947	7.841.074
Thuế TNDN của Ngân hàng tại Việt Nam (20%)	1.777.989	1.369.102
Thuế TNDN của chi nhánh nước ngoài	11.355	3.808

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Thuế TNDN của các công ty con	170.240	202.247
Thuế TNDN truy thu của các công ty con	411	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	1.959.995	1.575.157
Thuế TNDN phải trả đầu năm	333.714	222.014
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.812.234)	(1.450.167)
Điều chỉnh theo Thanh tra thuế và Kiểm toán Nhà nước	7.138	8.256
Giảm do bán MBLand	-	(25.872)
Hoàn thuế tại MB AMC	7.059	-
Điều chỉnh kiểm toán của các công ty con	83	4.326
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	84	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	495.839	333.714

36.2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động tài sản và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm:

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Số dư đầu kỳ	15.777	1.436
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	(60.394)	71.705
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong kỳ hiện hành	20%	20%
(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	(12.079)	14.341
Điều chỉnh khác	1	-
Số dư cuối kỳ	3.699	15.777

36.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	NĂM 2019 (triệu đồng)	NĂM 2018 (triệu đồng)
Số dư đầu năm	16.656	-
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	(22.795)	83.282
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(4.559)	16.656
Số dư cuối năm	12.097	16.656

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM 2019	NĂM 2018 (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	7.822.773	6.112.714
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng nhân viên (triệu đồng) (*)	-	(379.632)
Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	7.822.773	5.733.082
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.175.319.557	2.372.732.280
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.596	2.416

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019.

(**) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, MB điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo.

38. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	2.344.291	1.736.571
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	14.329.177	10.548.084
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD	9.113.233	11.536.082
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá (3) tháng kể từ ngày mua	20.225.572	23.827.347
	46.012.273	47.648.084

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

39.1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Bất động sản	263.643.908	204.829.945
Động sản	132.489.460	68.057.350
Giấy tờ có giá	29.618.596	26.965.845
Các khoản phải thu	243.555.666	214.424.506
Các tài sản đảm bảo khác	111.867.989	125.937.214
	781.175.619	640.214.860

39.2. Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
Giấy tờ có giá	6.466.000	10.971.000

40. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	NĂM 2019	NĂM 2018 (trình bày lại)
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	15.198	13.957
Tổng thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)	5.324.112	4.279.974
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người/tháng)	29,19	25,89

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Giao dịch với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, MB phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với MB nếu:

- a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi MB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào MB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới MB;
 - có quyền đồng kiểm soát MB;
- b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà MB là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của MB;
- d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng) Phải thu/(Phải trả)	31/12/2018 (triệu đồng) Phải thu/(Phải trả)
CỔ ĐÔNG LỚN		
Tiền gửi tại MB	(15.337.430)	(7.488.952)
Tiền MB cho vay	165.312	243.852

Chi tiết giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
CỔ ĐÔNG LỚN		
Thu nhập lãi tiền vay	18.126	24.953
Chi phí lãi tiền gửi	(692.349)	(457.731)
Chi phí lãi tiền vay	-	(237.370)
Chi phí lãi từ giấy tờ có giá đã phát hành	-	(238.000)
Giải ngân tiền vay MB	721	(43.730)
Thu nợ gốc tiền vay MB	(79.261)	102.525

MB thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 31/NQ-MB-ĐHCD ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Đại hội Cổ đông, theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động là 1,2% lợi nhuận sau thuế. Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo Quy chế lương của MB.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. Báo cáo bộ phận

42.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (triệu đồng)	CHỨNG KHOÁN - QUẢN LÝ QUỸ (triệu đồng)	BẢO HIỂM (triệu đồng)	KHAI THÁC NỖ - QUẢN LÝ TÀI SẢN (triệu đồng)	LOẠI TRỪ (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
I. DOANH THU						
1. Doanh thu lãi	65.985.497	375.345	306.625	5.073	(35.475.936)	31.196.604
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	2.449.209	463.708	4.303.629	557.699	(1.353.665)	6.420.580
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	9.595.392	243.891	27.213	14.938	(4.896.305)	4.985.129
II. CHI PHÍ						
1. Chi phí lãi	(48.745.758)	(165.688)	(5.947)	-	35.720.786	(13.196.607)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(347.190)	(12.397)	(30.592)	(3.400)	-	(393.579)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(13.703.150)	(541.742)	(4.246.207)	(384.093)	4.789.807	(14.085.385)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	15.234.000	363.117	354.721	190.217	(1.215.313)	14.926.742
Chi phí dự phòng rủi ro	(6.111.406)	8.238	(2.616)	(152)	1.215.313	(4.890.623)
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.122.594	371.355	352.105	190.065	-	10.036.119

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và công nợ theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019::

	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (triệu đồng)	CHỨNG KHOÁN - QUẢN LÝ QUỸ (triệu đồng)	BẢO HIỂM (triệu đồng)	KHAI THÁC NGŨ - QUẢN LÝ TÀI SẢN (triệu đồng)	LOẠI TRỪ (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
III. TÀI SẢN						
1. Tiền mặt	2.339.683	351	4.047	210	-	2.344.291
2. Tài sản cố định	2.469.197	52.298	236.259	40.308	-	2.798.062
3. Tài sản khác	404.495.236	5.184.566	7.247.601	1.076.556	(11.658.737)	406.345.222
IV. NỢ PHẢI TRẢ						
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	354.957.479	1.456.486	68.391	-	(6.851.201)	349.631.155
2. Nợ phải trả nội bộ	1.303.973	17.876	118.151	33.723	-	1.473.723
3. Nợ phải trả khác	14.590.460	1.641.565	4.637.860	264.463	(637.465)	20.496.883

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42.2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	MIỀN BẮC (triệu đồng)	MIỀN TRUNG (triệu đồng)	MIỀN NAM (triệu đồng)	NƯỚC NGOÀI (triệu đồng)	LOẠI TRỪ (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
I. DOANH THU						
1. Doanh thu lãi	51.285.124	3.940.317	11.000.407	446.692	(35.475.936)	31.196.604
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	7.113.517	108.481	528.702	23.545	(1.353.665)	6.420.580
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	8.024.925	239.512	1.573.764	43.233	(4.896.305)	4.985.129
II. CHI PHÍ						
1. Chi phí lãi	(38.813.997)	(2.682.847)	(7.144.087)	(276.462)	35.720.786	(13.196.607)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(350.974)	(11.581)	(28.059)	(2.965)	-	(393.579)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(15.826.115)	(500.069)	(2.439.905)	(109.103)	4.789.807	(14.085.385)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	11.432.480	1.093.813	3.490.822	124.940	(1.215.313)	14.926.742
Chi phí dự phòng rủi ro	(4.243.478)	(589.677)	(1.196.369)	(76.412)	1.215.313	(4.890.623)
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.189.002	504.136	2.294.453	48.528	-	10.036.119

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42.2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Tài sản và công nợ theo bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	MIỀN BẮC (triệu đồng)	MIỀN TRUNG (triệu đồng)	MIỀN NAM (triệu đồng)	NƯỚC NGOÀI (triệu đồng)	LOẠI TRỪ (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
III. TÀI SẢN						
1. Tiền mặt	1.186.840	327.653	777.367	52.431	-	2.344.291
2. Tài sản cố định	2.690.034	25.221	65.772	17.035	-	2.798.062
3. Tài sản khác	292.007.368	34.568.432	86.999.061	4.429.098	(11.658.737)	406.345.222
IV. NỢ PHẢI TRẢ						
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	286.968.436	14.671.352	52.727.069	2.115.499	(6.851.201)	349.631.155
2. Nợ phải trả nội bộ	1.473.727	13	276	(293)	-	1.473.723
3. Nợ phải trả khác	19.600.679	261.589	1.250.816	21.264	(637.465)	20.496.883

42.3. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	TỔNG TIỀN GỬI TẠI NHNN TCTD KHÁC VÀ CÁC TCTD KHÁC (triệu đồng)	CAM KẾT NGOẠI BẢNG (triệu đồng)	CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH (triệu đồng)	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (triệu đồng)
Trong nước	53.312.368	295.921.386	14.836	85.920.604
Nước ngoài	922.176	207.782	-	-
	54.234.544	296.129.168	14.836	85.920.604

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB cần duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao giúp cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của MB sẽ có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết kỳ hạn ngoại tệ, cam kết hoán đổi ngoại tệ, cam kết hoán đổi chéo tiền tệ lãi suất cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi và cho vay có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giám sát các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

44. Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định lại lãi suất theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày báo cáo cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nợ phải trả.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và một số tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất được xếp loại đến một tháng;
- Thời hạn định lại lãi suất của các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng, các khoản ủy thác và nhận ủy thác; nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	QUÁ HẠN (triệu đồng)	KHÔNG ÁNH HƯỞNG THAY ĐỔI LÃI SUẤT (triệu đồng)	THỜI HẠN ĐỊNH LẠI LÃI SUẤT					TỔNG CỘNG (triệu đồng)
			ĐẾN 1 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 - 3 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 3 - 6 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 6 - 12 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 - 5 NĂM (triệu đồng)	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	2.344.291	-	-	-	-	-	2.344.291
Tiền gửi tại NHNN	-	-	14.347.180	-	-	-	-	14.347.180
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	196.000	-	16.178.854	14.801.786	5.937.231	2.584.493	189.000	39.887.364
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	3.986	(4.000)	1.866.250	(1.855.875)	10.572	(6.097)	14.836
Cho vay khách hàng (*)	4.532.528	-	82.318.565	125.525.164	14.282.609	14.336.605	9.335.152	250.330.623
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	618.901	-	-	-	577.986	-	1.196.887
Chứng khoán đầu tư (*)	80.000	-	3.952.986	9.509.770	7.626.106	5.865.146	26.207.906	85.920.604
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	1.037.453	-	-	-	-	-	1.037.453
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	2.828.875	-	-	-	-	-	2.828.875
Tài sản Có khác (*)	252.969	17.468.648	-	-	-	-	-	17.721.617
Tổng tài sản	5.061.497	24.302.154	116.793.585	151.702.970	25.990.071	23.374.802	35.725.961	415.629.730

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	QUÁ HẠN (triệu đồng)	KHÔNG ÁNH HƯỞNG THAY ĐỔI LÃI SUẤT (triệu đồng)	THỜI HẠN ĐỊNH LẠI LÃI SUẤT					TỔNG CỘNG (triệu đồng)	
			ĐẾN 1 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 - 3 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 3 - 6 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 6 - 12 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 - 5 NĂM (triệu đồng)		TRÊN 5 NĂM (triệu đồng)
NỢ PHẢI TRẢ									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	16.836	-	-	-	-	-	16.836
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	-	21.265.183	16.148.775	9.354.399	2.763.707	737.618	44.370	50.314.052
Tiền gửi của khách hàng	-	-	157.838.905	18.429.568	27.320.106	21.930.624	47.169.057	21.252	272.709.512
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	302.126	-	-	-	302.126
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.540.204	70.488	8.234.535	14.946.173	573.642	923.587	26.288.629
Các khoản nợ khác (*)	-	21.970.606	-	-	-	-	-	-	21.970.606
Tổng nợ phải trả	-	21.970.606	180.661.128	34.648.831	45.211.166	39.640.504	48.480.317	989.209	371.601.761
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	5.061.497	2.331.548	(63.867.543)	117.054.139	(19.221.095)	(16.265.702)	(12.754.356)	31.689.481	44.027.969

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI (triệu đồng)	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI (triệu đồng)	NGOẠI TỆ KHÁC QUY ĐỔI (triệu đồng)	TỔNG CỘNG (triệu đồng)
TÀI SẢN				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	240.563	86.470	96.892	423.925
Tiền gửi tại NHNN	2.227.948	-	283.670	2.511.618
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	6.669.774	2.880.683	214.228	9.764.685
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	4.657.486	34.687	(99.526)	4.592.647
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	21.729.930	7.108	595.855	22.332.893
Chứng khoán đầu tư (*)	4.635.000	-	-	4.635.000
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.601	-	2.601
Tài sản cố định	14.835	-	2.081	16.916
Tài sản có khác (*)	2.596.529	807.363	69.736	3.473.628
Tổng tài sản	42.772.065	3.818.912	1.162.936	47.753.913
NỢ PHẢI TRẢ				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	20.372.149	22.440	241.815	20.636.404
Tiền gửi của khách hàng	23.547.182	3.738.288	482.719	27.768.189
Các khoản nợ khác (*)	388.005	50.718	24.573	463.296
Tổng nợ phải trả	44.307.336	3.811.446	749.107	48.867.889
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.535.270)	7.466	413.829	(1.113.975)

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của MB;

- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư, là chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;
- Thời gian đến hạn của các khoản góp vốn mua cổ phần, chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn được coi là từ (1) năm đến (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu; và
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	QUÁ HẠN			TRONG HẠN			TỔNG CỘNG (triệu đồng)
	TRÊN 3 THÁNG (triệu đồng)	ĐẾN 3 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 3 ĐẾN 12 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM (triệu đồng)	TRÊN 5 NĂM (triệu đồng)	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.344.291	-	-	-	2.344.291
Tiền gửi tại NHNN	-	-	14.347.180	-	-	-	14.347.180
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	196.000	-	15.998.954	14.981.686	1.579.425	189.000	39.887.364
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	(33.726)	(4.295)	58.669	(5.812)	14.836
Cho vay khách hàng (*)	4.464.999	67.529	16.804.387	45.681.893	58.551.391	45.607.336	250.330.623
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	1.196.887	-	-	-	1.196.887
Chứng khoán đầu tư (*)	80.000	-	405.071	855.205	34.538.544	38.749.092	85.920.604
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	1.037.453	-	1.037.453
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	40.309	-	3.802	2.765.844	2.828.875
Tài sản Có khác (*)	239.857	13.112	13.508.082	105.423	363.357	1.039.028	17.721.617
Tổng tài sản	4.980.856	80.641	64.611.435	61.619.912	99.903.308	85.603.376	415.629.730

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	QUÁ HẠN			TRONG HẠN			TỔNG CỘNG (triệu đồng)
	TRÊN 3 THÁNG (triệu đồng)	ĐẾN 3 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 3 ĐẾN 12 THÁNG (triệu đồng)	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM (triệu đồng)	TRÊN 5 NĂM (triệu đồng)	
NỢ PHẢI TRẢ							
Các khoản nợ NHNN	-	-	16.836	-	-	-	16.836
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	21.264.842	12.118.369	737.618	44.370	50.314.052
Tiền gửi của khách hàng	-	-	157.838.905	49.250.730	47.169.057	21.252	272.709.512
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	284	10.348	234.524	55.413	302.126
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.040.205	10.534.878	13.218.970	1.493.505	26.288.629
Các khoản nợ khác (*)	-	-	20.948.360	284.371	4.451	-	21.970.606
Tổng nợ phải trả	-	-	201.109.432	72.198.696	61.364.620	1.614.540	371.601.761
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	4.980.856	80.641	(136.497.997)	27.704.612	37.465.582	83.988.836	44.027.969

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2018 (triệu đồng)
CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG KHÔNG HỦY NGANG		
Trong đó:		
- đến hạn trong 1 năm	65.163	99.606
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	1.321.126	846.503
- đến hạn sau 5 năm	269.520	63.231
	1.655.809	1.009.340

48. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế của MB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 tăng 2.268.746 triệu đồng, tương đương mức tăng 29,21% do các nguyên nhân sau:

KHOẢN MỤC BIẾN ĐỘNG LỚN	GIÁ TRỊ (triệu đồng)
Tăng thu nhập lãi thuần	3.416.500
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	624.527
Tăng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	202.910
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	339.022
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	582.319
Tăng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(51.393)
Tăng chi phí hoạt động	(989.904)
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.855.235)
	2.268.746

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

49. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của MB.

50. Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND vào thời điểm cuối kỳ kế toán

	31/12/2019 (VND)	31/12/2018 (VND)
USD	23.175,00	23.210,00
EUR	26.130,00	26.699,50
GBP	30.393,50	29.528,00
CHF	23.920,00	23.654,50
JPY	213,70	210,56
SGD	17.241,50	17.013,00
CAD	17.837,50	17.137,50
AUD	16.347,50	16.441,00

Người lập:



Bà Lê Thị Huyền Trang
Phó Phòng
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Quyển Giám đốc tài chính



Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty
Người được ủy quyền công bố thông tin



Ông Lưu Trung Thái
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

